

TIẾT 1, 2, 3 - BÀI 1
CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cạnh tranh
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
- Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân, vai trò của cạnh tranh; sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận, đánh giá vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề cạnh tranh trong kinh tế.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh; phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong thực hiện cạnh tranh; đồng tình, ủng hộ những hành vi cạnh tranh lành mạnh; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong quan hệ cạnh tranh.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về cạnh tranh, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cạnh tranh; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cạnh tranh; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến cạnh tranh.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cạnh tranh.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung bài học để tích hợp các quyền con người ở những nội dung sau: quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh

- **Cách thức thực hiện:** GV tổ chức hoạt động nhóm với nội dung: Tổ chức diễn đàn học sinh “Cạnh tranh lành mạnh – hành động văn minh”. Giáo viên đưa ra tình huống để yêu cầu học sinh phân tích tình huống: HS xử lý các tình huống cạnh tranh không lành mạnh trong kinh doanh, buôn bán gian lận, quảng cáo sai sự thật

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh

- **Cách thức thực hiện:** Từ việc phân tích các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, giáo viên giúp học sinh hiểu được việc cạnh tranh không lành mạnh là hành vi vừa vi phạm đạo đức, vừa vi phạm pháp luật. Học sinh có trách nhiệm đấu tranh, phê phán những hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra

c) **Sản phẩm.** HS bước đầu biết và đưa ra được một số hành vi cụ thể về cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Theo em, chị A và các chủ cửa hàng tạp hoá khác phải làm thế nào để thu hút khách hàng, đảm bảo việc kinh doanh?

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình:

Để thu hút khách hàng, chị A và chủ các cửa hàng tạp hóa khác, nên:

+ Đa dạng hóa các mặt hàng nhằm đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng.

+ Buôn bán các sản phẩm có chất lượng tốt, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng nhằm tạo uy tín và lòng tin của khách hàng đối với cửa hàng của mình.

+ Bán hàng với giá cả phù hợp.

+ Cải thiện chất lượng phục vụ thông qua một số tiện ích, như: chỗ đỗ xe thuận tiện; có thể thanh toán qua thẻ; thái độ phục vụ luôn niềm nở, nhã nhặn...

+ Có thể tổ chức một số chương trình khuyến mại, ví dụ: tri ân khách hàng nhân dịp kỉ niệm 5 năm mở cửa hàng; khuyến mại vào các dịp lễ, tết,...

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh

Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất kinh doanh, mua bán hàng hoá trên thị trường nên phải cạnh tranh với nhau để tồn tại và phát triển. Những nỗ lực trong cạnh tranh tạo động lực phát triển cho doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Hiểu rõ về cạnh tranh giúp chúng ta tham gia các hoạt động kinh tế tích cực, lành mạnh, góp phần xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm cạnh tranh.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm cạnh tranh là gì

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được câu trả lời của mình sau khi tìm hiểu thông tin

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/Theo em, các nhà hàng kinh doanh ẩm thực trên phố B đã sử dụng những cách thức gì để tranh đua thu hút khách hàng? Điều đó mang lại lợi ích gì cho các nhà hàng?</i> <i>2/ Em hãy nêu ví dụ về sự tranh đua giữa các chủ thể cùng kinh doanh mặt hàng khác trên thị trường.</i>	1. Khái niệm cạnh tranh Cạnh tranh kinh tế là sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Báo cáo, thảo luận

- Gv gọi một số hs đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra:

* Các cách thức mà các cửa hàng kd ẩm thực thực hiện là:

- *Những cách thức mà các cửa hàng kinh doanh ẩm thực trên phố B sử dụng để thu hút khách hàng là:*

+ *Tạo ra những món ăn ngon, có hương vị đặc biệt, hấp dẫn, giá cả hợp lí,...*

+ *Thuê đầu bếp giỏi, có được nguồn cung cấp nguyên liệu ngon, tìm được những gia vị độc đáo....*

- *Điều đó dẫn đến kết quả là:*

+ *Cửa hàng nào làm tốt sẽ thu hút được nhiều thực khách, có nhiều lợi nhuận hơn, kinh doanh ổn định và phát triển.*

+ *Cửa hàng nào làm không tốt sẽ không thu hút được khách hàng, có ít lợi nhuận, có thể dẫn đến việc kinh doanh thua lỗ và phải đóng cửa tiệm.*

* Ví dụ về sự tranh đua giữa các chủ thể cùng kinh doanh mặt hàng khác trên thị trường.

- **Ví dụ:** tháng 9/2018, đã diễn ra cuộc cạnh tranh gay gắt giữa hai nhãn hàng sữa Milo và Ovaltine thông qua chiến dịch quảng cáo: nếu như Milo chọn thông điệp “nhà vô địch làm từ Milo”; thì ngược lại, Ovaltine chọn thông điệp “Chẳng cần vô địch, chỉ cần con thích”. Không chỉ dừng lại ở tâm điểm quảng cáo, trên trang mạng xã hội chính thức, nhãn hiệu Ovaltine tung loạt poster thể hiện rõ thông điệp trái ngược với Milo. Theo đó, Ovaltine nêu rõ: mặc con nhà người ta luôn mồm mồm luyện tập và tranh đấu để giành ngôi vô địch, mẹ chỉ cần con nhà mình luôn sẵn sàng năng lượng để thoả sức làm điều con thích!

- Học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét bài trả lời của hs đã được yêu cầu trình bày.
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật khái niệm cạnh tranh trong nền kinh tế.

Gv nhấn mạnh:

Cạnh tranh luôn tồn tại trong nền kinh tế thị trường, chính sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đã thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

a) **Mục tiêu.** HS nêu được những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

b) **Nội dung.** HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được câu trả lời của mình sau khi tìm hiểu thông tin

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK:	2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh Sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do trong sản xuất, kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau nên phải cạnh tranh,

1/ Em có nhận xét gì về quyền kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp may mặc trong trường hợp trên? 2/ Em hãy nêu những lí do dẫn đến cạnh tranh trong kinh tế. Thực hiện nhiệm vụ - Hs cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo thảo luận - Gv gọi một số hs đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 * Nhận xét về quyền kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp - Các doanh nghiệp dệt may độc lập với nhau, được tự do kinh doanh, tự ra quyết định sản xuất kinh doanh. - Khả năng cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp là khác nhau, vì họ có sự khác biệt về các nguồn lực, như: vốn, công nghệ, trình độ quản lí, tay nghề người lao động, ... do đó, sẽ tạo ra những sản phẩm có chất lượng và giá thành khác nhau. * Những lí do dẫn đến cạnh tranh trong kinh tế. + Nền kinh tế tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh khiến nguồn cung trên thị trường tăng lên làm cho các chủ thể kinh doanh phải cạnh tranh, tìm cho mình những lợi thế để có chỗ đứng trên thị trường. + Trong cạnh tranh, các chủ thể kinh doanh buộc phải sử dụng các nguồn lực của mình một cách hiệu quả nhất. Mỗi chủ thể có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm khác nhau, dẫn đến sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm. => Như vậy, để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh các rủi ro, bắt lợi trong sản xuất, trao đổi hàng hóa thì cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là điều tất yếu. - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài trả lời của hs đã được yêu cầu trình bày. - Giáo viên chốt kiến thức đưa ra được những lý do cơ bản để dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa và kết luận nội dung: Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh các rủi ro, bắt lợi trong sản xuất, trao đổi hàng hoá thì cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là điều tất yếu.	tìm cho mình lợi thế để có chỗ đứng trên thị trường. Trong cạnh tranh, các chủ thể kinh doanh buộc phải sử dụng các nguồn lực của mình một cách hiệu quả nhất. Mỗi chủ thể có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm khác nhau, dẫn đến sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm.
--	--

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

a) Mục tiêu. HS nêu được những vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi số 1,2,3 trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sgk đưa ra và trả lời câu hỏi số 1, 2, 3 trong sgk <i>1/ Cạnh tranh đã thúc đẩy công ty H phải làm gì để tồn tại và phát triển?</i> <i>2/ Để cạnh tranh thành công, các nguồn lực của nền kinh tế và doanh nghiệp H được phân bổ như thế nào?</i> <i>3/ Cạnh tranh đã giúp cho nhu cầu của khách hàng được thoả mãn như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời: <i>1/ Đối với công ty H: Để tồn tại và phát triển, công ty H đã tìm kiếm các giải pháp mới, như: tìm kiếm thêm nguồn vãi có hoa tiết, chất liệu đặc biệt hơn; ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm; đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... nhằm mục đích: nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới; thu hút khách hàng; chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</i> <i>2/ - Để cạnh tranh thành công, các nguồn lực của nền kinh tế được phân bổ theo thứ tự ưu tiên:</i> <i>+ Giai đoạn đầu tập trung vào các ngành có lợi thế sẵn về tài nguyên, chi phí lao động rẻ, sử dụng nhiều lao động như: nông sản, khoáng sản, dệt may, giày dép,...</i> <i>+ Giai đoạn sau: chuyển dần sang ngành công nghiệp chế biến, trình độ công nghệ cao hơn, vẫn sử dụng nhiều lao động; đồng thời, từng bước chuyển sang ngành sử dụng lao động có trình độ cao và công nghệ tiên tiến.</i> <i>- Công ty H cũng phải: tìm kiếm thêm nguồn vãi có hoa tiết, chất liệu đặc biệt hơn; ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm; đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,...</i> <i>3/ Mọi hoạt động cạnh tranh suy cho cùng là để bán được nhiều sản phẩm, nghĩa là được khách hàng quan tâm, ưa thích sử dụng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Vì vậy, cạnh tranh giúp cho nhu cầu của khách hàng ngày càng được thoả mãn.</i> - Các nhóm khác nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định	3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế Cạnh tranh có vai trò tạo động lực cho sự phát triển: Tạo môi trường để các chủ thể kinh tế luôn cạnh tranh với nhau, không ngừng ứng dụng kĩ thuật công nghệ, nâng cao trình độ người lao động, phân bổ linh hoạt các nguồn lực, hướng tới những điều kiện sản xuất tốt nhất nhằm thu được lợi nhuận cao nhất, nhờ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, không ngừng hoàn thiện nền kinh tế thị trường, thúc đẩy năng lực thoả mãn nhu cầu của xã hội.

- Gv nhận xét bài trả lời của hs đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được vai trò của cạnh tranh Gv nhấn mạnh Mọi hoạt động cạnh tranh suy cho cùng là để bán được nhiều sản phẩm, nghĩa là được khách hàng quan tâm, ưa thích sử dụng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Vì vậy, cạnh tranh giúp cho nhu cầu của khách hàng ngày càng được thỏa mãn.	
---	--

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Cạnh tranh không lành mạnh

- a) Mục tiêu.** HS nêu được hậu quả từ việc cạnh tranh không lành mạnh gây ra
- b) Nội dung.** HS làm việc nhóm, các nhóm đọc một thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK
- c) Sản phẩm.** HS chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, các nhóm đọc một thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: <i>Em hãy nhận xét hành vi cạnh tranh của công ty X và cho biết hành vi đó có ảnh hưởng gì đến các doanh nghiệp sản xuất đệm lò xo, đệm mút, người tiêu dùng và xã hội? Theo em, cần làm gì để hạn chế, ngăn chặn những hành vi cạnh tranh không lành mạnh?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo thảo luận - Gv gọi một số hs đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra: * Nhận xét: <i>Hành vi cạnh tranh của công ty X là không lành mạnh, điều này thể hiện ở việc: công ty X thường xuyên đề cao chất lượng sản phẩm đệm cao su của mình; so sánh mang tính vui dập, đánh giá thấp và đưa ra những thông tin không rõ căn cứ về sản phẩm đệm của doanh nghiệp khác.</i> * Hậu quả: <i>Hành vi của công ty X có thể khiến khách hàng hiểu lầm, gây thiệt hại đến doanh số và tình hình kinh doanh cho các công ty sản xuất đệm lò xo, đệm mút xóp....</i> - Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức làm nổi bật những hậu quả do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra <i>Cạnh tranh không lành mạnh là những hành vi trái với quy định của pháp luật, các nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại, các chuẩn mực khác trong kinh doanh</i>	4. Cạnh tranh không lành mạnh Cạnh tranh không lành mạnh là những hành vi trái với quy định của pháp luật, các nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại, các chuẩn mực khác trong kinh doanh như: chỉ dẫn gây nhầm lẫn, gièm pha, gây rối loạn doanh nghiệp khác, xâm phạm bí mật kinh doanh,... có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, tổn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến đời sống xã hội.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh
- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung bài học để tích hợp các quyền con người ở những nội dung sau: quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền

lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Gợi ý:

Những hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi vừa vi phạm đạo đức kinh doanh, vừa vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh.

- Video: Thực phẩm bẩn <https://youtu.be/IYT03NVHNpo?si=DI750aduiI5oZiRm>

Nhận xét: để cạnh tranh, thu lợi nhuận nhiều người sản xuất, doanh nghiệp sản xuất những mặt hàng giả, bán ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. Đây là hành vi vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam. Vi phạm đến quyền được pháp luật đảm bảo về sức khỏe, tính mạng đã được ghi nhận trong Hiến pháp. Những hành vi này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh

- **Cách thức thực hiện:** GV tổ chức hoạt động nhóm với nội dung: Tổ chức diễn đàn học sinh “Cạnh tranh lành mạnh – hành động văn minh”. Giáo viên đưa ra tình huống để yêu cầu hs phân tích tình huống: HS xử lý các tình huống cạnh tranh không lành mạnh trong kinh doanh, buôn bán gian lận, quảng cáo sai sự thật

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh

- **Cách thức thực hiện:** Từ việc phân tích các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, giáo viên giúp học sinh hiểu được việc cạnh tranh không lành mạnh là hành vi vừa vi phạm đạo đức, vừa vi phạm pháp luật. Học sinh có trách nhiệm đấu tranh, phê phán những hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Pháp luật cạnh tranh đã chỉ rõ, gièm pha doanh nghiệp là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra thông tin không trung thực, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó. Như vậy, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người truy cập để bình phẩm, nói xấu, gây nhầm lẫn về sản phẩm, dịch vụ của một doanh nghiệp làm cho doanh nghiệp đó bị ảnh hưởng về hình ảnh, uy tín, thị trường thì những hành vi đó bị nghiêm cấm trong pháp luật về cạnh tranh.

Hiện nay, các doanh nghiệp thực hiện hành vi cạnh tranh ngày càng đa dạng và tinh vi hơn. Nếu một cá nhân nào đó đứng lên nói xấu, gièm pha một doanh nghiệp mà cá nhân này không phải là nhân sự của doanh nghiệp cụ thể thì rất khó trong việc xác định, xử lý vi phạm theo pháp luật cạnh tranh.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. Hs củng cố kiến thức thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đấu tranh với những hành vi cạnh tranh không lành mạnh một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Hs trả lời được câu hỏi bài tập

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- Ý kiến a. Không đồng tình, vì cạnh tranh không chỉ diễn ra với các chủ thể cùng kinh doanh một mặt hàng mà còn giữa các chủ thể kinh doanh các mặt hàng khác nhau vì các nhà đầu tư sẽ lựa chọn đầu tư vào ngành hàng mang lại lợi nhuận cao nhất.

- Ý kiến b. Không đồng tình, vì cạnh tranh lành mạnh là phải tôn trọng đối thủ, tìm cách cải thiện mình để vượt lên đối thủ chứ không phải tìm cách để làm cho đối thủ suy yếu.

- Ý kiến c. Không đồng tình, vì cạnh tranh là tất yếu trong cơ chế thị trường, ở đâu có sản xuất, trao đổi hàng hóa thì ở đó có cạnh tranh. Do vậy, không phải chỉ khi kinh tế thị trường phát triển mới có cạnh tranh.

- Ý kiến d. Đồng tình, vì cạnh tranh lành mạnh là biết chấp nhận cạnh tranh, cùng hợp tác và cạnh tranh với đối thủ, tôn trọng đối thủ, tìm cách tạo ra ưu thế vượt trội so với đối thủ để tồn tại và phát triển.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc cần làm, những hành vi cần tránh khi cạnh tranh kinh tế

Câu 2. Em hãy nhận xét hành vi cạnh tranh của các doanh nghiệp trong những trường hợp sau:

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản của cạnh tranh trong nền kinh tế hàng hóa.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được nhận xét của mình

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc cá nhân, đọc tình huống, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho từng tình huống

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- Trường hợp a. Đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đưa ra thông tin không đúng với chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, tạo sự hiểu lầm với khách hàng.

- Trường hợp b. Đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, bán phá giá thị trường để hạ gục đối thủ là các doanh nghiệp nhỏ.

- Trường hợp c. Đây là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Việc tìm mọi cách để lấy thông tin có thể là các thủ đoạn xấu, vi phạm pháp luật

- Trường hợp d. Đây là hành vi cạnh tranh lành mạnh. Muốn khách hàng tin tưởng, chọn mua sản phẩm của mình, cách tốt nhất là tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được các h/vi được làm và h/vi không được làm trong cạnh tranh

Câu 3. Em hãy cho biết cạnh tranh có vai trò như thế nào trong các trường hợp sau đây?

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc cạnh tranh và phát huy tốt mặt tích cực của cạnh tranh.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) **Sản phẩm.** HS chỉ ra được những vấn đề mà bài tập yêu cầu

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- **Trường hợp a.** Việc Tổng công ty May G đầu tư mua sắm các thiết bị tiên tiến nhất để cạnh tranh với các thương hiệu may nổi tiếng trên thế giới góp phần phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng, hiệu quả sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, từ đó sẽ bán được nhiều sản phẩm hơn, thu nhập cao hơn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tốt hơn, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế.

- **Trường hợp b.** Tập đoàn X đưa ra thị trường sản phẩm điện thoại có tính năng vượt trội so với các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường giúp tập đoàn bán được nhiều sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận tăng cao, thu nhập của nhân viên được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng của dân chúng được nâng lên, kinh tế - xã hội thêm phát triển,...

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc cạnh tranh và phát huy tốt mặt tích cực của cạnh tranh.

Câu 4. Giải đáp thắc mắc:

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được những vấn đề cần giải quyết khi cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

c) **Sản phẩm.** HS chỉ ra được những vấn đề mà bài tập yêu cầu

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung:

- **Trường hợp a.** Việc công ty đưa ra cơ chế khuyến khích cạnh tranh giữa các nhân viên trong công ty là cần thiết vì điều này tạo động lực để mỗi người lao động đều cố gắng để đạt hiệu quả công việc cao nhất. Tuy nhiên, cạnh tranh có tính hai mặt, công ty cần đưa ra những quy định rõ ràng để việc cạnh tranh minh bạch và không ảnh hưởng đến lợi ích chung của công ty.

- **Trường hợp b.** Công ty M cần có mức lương, thưởng cao cho các nhân viên có nhiều đóng góp cho công ty vì các nhân viên này là nhân tố quan trọng tạo nên năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp so với đối thủ nên cần có chính sách khích lệ, động viên để giữ chân và thúc đẩy các nhân viên này cống hiến cho doanh nghiệp.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những vấn đề cần giải quyết khi cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết một kịch bản và cùng các bạn đóng vai phê phán một hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

Học sinh lựa chọn một hành vi cụ thể từ đó xây dựng kịch bản

Dự kiến nội dung để thảo luận trong nhóm, phân vai và lên kế hoạch diễn tập

c) **Sản phẩm.** Bước đầu xác định những hành vi cạnh tranh lành mạnh, những hành vi cần phê phán trong cạnh tranh kinh tế

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

Học sinh lựa chọn một hành vi cụ thể từ đó xây dựng kịch bản

Dự kiến nội dung để thảo luận trong nhóm, phân vai và lên kế hoạch diễn tập

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian đóng vai theo kế hoạch
- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn cạnh tranh.

TIẾT 4, 5, 6 - BÀI 2

CUNG - CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu
- Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường; sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận về những vấn đề liên quan đến quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế thị trường.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế thị trường.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc giải quyết quan hệ cung - cầu

+ Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được khả năng của bản thân trong việc phân tích quan hệ cung – cầu.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức khoa học về cung, cầu, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết quan hệ cung cầu; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về cung - cầu đang diễn ra trong đời sống xã hội; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích được mối quan hệ cung - cầu trong trường hợp cụ thể.

3. Về phẩm chất

Trung thực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ cung - cầu có liên quan.

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phân tích được mối quan hệ và vai trò của cung - cầu trong nền kinh tế. Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn/tổ chức cho HS vào vai người bán/người mua trong phiên chợ giả định để hiểu rõ mối quan hệ cung – cầu; HS khảo sát thực tế hoặc phỏng vấn tiểu thương/kinh doanh nhỏ về cách cung - cầu tác động đến giá cả, sản phẩm, đạo đức nghề nghiệp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- HS trả lời, góp ý.
- GV nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra

c) **Sản phẩm.** HS bước đầu biết nhận xét về quan hệ cung cầu trong thực tế hoạt động sx kd hàng ngày.

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập

Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra:

Em có nhận xét gì về lượng hàng hóa được cung ứng trên thị trường những ngày gần sát và sau tết Nguyên đán? Hãy giải thích vì sao có hiện tượng đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình:

Nêu nhận xét và giải thích:

+ *Do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân tăng lên, nên dịp gần sát tết Nguyên đán, lượng hàng hóa trên thị trường rất nhiều, phong phú về chủng loại, mẫu mã đẹp, ...*

+ *Sau tết Nguyên đán, lượng hàng hóa trên thị trường giảm, do nhu cầu mua sắm của người dân giảm.*

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh

Trên thị trường có nhiều chủ thể cùng sản xuất kinh doanh, mua bán nên lượng hàng hoá cung ứng ra thị trường không phải lúc nào cũng cân đối với nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Điều này dẫn đến sự biến động lên xuống của giá cả hàng hoá trên thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội. Hiểu rõ về mối quan hệ cung - cầu giúp chúng ta vận dụng để đưa ra quyết định sản xuất, mua bán hàng hoá kịp thời, hiệu quả khi tham gia vào nền kinh tế thị trường.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm cung là gì, các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến cung

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS nghiên cứu thông tin và trả lời được câu hỏi

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1 và 2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Em có nhận xét gì về việc cung ứng bánh trung thu của cơ sở bánh nhà bác B?</i> <i>2/ Em hãy chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến lượng cung bánh cho thị trường của cửa hàng nhà bác B và lượng cung thịt lợn cho thị trường ở nước ta năm 2022.</i> <i>3/Em hãy kể thêm những nhân tố khác ảnh hưởng đến cung.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Hs đọc thông tin. - Hs làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Báo cáo, thảo luận Gv gọi một số hs đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: - Nhận xét: <i>Mọi năm, cửa hàng nhà bác B cung ứng ra thị trường khoảng 1000 chiếc bánh vào dịp rằm Trung thu. Tuy nhiên, năm nay, do chịu tác động của nhiều nhân tố, lượng</i>	1. Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Cung là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định trong khoảng thời gian nhất định. - Lượng cung chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ, kì vọng của chủ thể sản xuất kinh doanh, giá bán sản phẩm, số lượng người tham gia cung ứng,...

<i>cung bánh giảm xuống, thấp hơn so với trung bình các năm trước đó.</i> - Nhân tố ảnh hưởng đến lượng cung bánh trung thu cho thị trường của cửa hàng nhà bác B là: + <i>Giá nhân công, nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển tăng khiến giá thành của bánh tăng.</i> + <i>Trên thị trường xuất hiện những loại bánh trung thu ngoại, không rõ nguồn gốc xuất xứ, có giá rẻ.</i> + <i>Tâm lí lo ngại không bán hết bánh trong ngày rằm trung thu của gia đình bác B.</i> - Nhân tố ảnh hưởng đến lượng cung thịt lợn cho thị trường nước ta năm 2022 là: + <i>Nhu cầu tiêu thụ thịt lợn tăng cao.</i> + <i>Giá bán thịt lợn trên thị trường tăng.</i> + <i>Chính sách cắt giảm thịt lợn nhập khẩu của nhà nước.</i> - Một số nhân tố khác ảnh hưởng đến lượng cung hàng hóa là: <i>chính sách thuế; trình độ công nghệ sản xuất; giá thành và chất lượng sản phẩm; số lượng người tham gia cung ứng sản phẩm...</i> HS còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Gv nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm cung, các yếu tố ảnh hưởng đến cung Gv nhấn mạnh: <i>Lượng cung chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ, kì vọng của chủ thể sản xuất kinh doanh, giá bán sản phẩm, số lượng người tham gia cung ứng,...</i>	
--	--

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

a) Mục tiêu. Học sinh nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.

b) Nội dung. HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK

c) Sản phẩm. HS đưa ra được nhận xét của mình

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: <i>1/Em có nhận xét gì về lượng bánh trung thu người tiêu dùng có nhu cầu mua trong năm nay?</i> <i>2/ Em hãy chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu mua bánh trung thu và nhu cầu mua thịt lợn của người tiêu dùng.</i> <i>3/Hãy kể thêm những nhân tố khác ảnh hưởng đến cầu hàng hoá trên thị trường.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận	2. Cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu - Cầu là lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định. - Lượng cầu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố: giá cả hàng hoá, dịch vụ; thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng; giá cả những hàng hoá, dịch vụ thay thế; kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ;...

- Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2 - Nhận xét: + <i>Nhu cầu tiêu dùng bánh trung thu của người dân ngày càng đa dạng, bên cạnh chất lượng bánh, người tiêu dùng còn chú trọng đến hình thức, mẫu mã của bánh.</i> + <i>Nhu cầu tiêu dùng bánh trong những ngày sát tết trung thu tăng cao hơn so với thời điểm trước đó, vì người tiêu dùng có tâm lí: mong muốn các cửa hàng giảm giá thành sản phẩm.</i> - Những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu mua bánh trung thu: + <i>Chất lượng, mẫu mã, giá cả của bánh trung thu.</i> + <i>Thu nhập của người tiêu dùng.</i> + <i>Tâm lí, kì vọng và sự dự đoán của người tiêu dùng.</i> - Những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu mua thịt lợn: + <i>Giá cả của thịt lợn.</i> + <i>Giá cả của các sản phẩm thay thế, như: cá, thịt gà, trứng,...</i> - Những nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa trên thị trường là: + <i>Giá cả hàng hóa, dịch vụ;</i> + <i>Thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng;</i> + <i>Giá cả những hàng hóa, dịch vụ thay thế;</i> + <i>Kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hóa, dịch vụ...</i> - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức đưa ra được những lý do cơ bản để làm rõ cầu là gì, những nhân tố cơ bản sẽ ảnh hưởng đến cầu: Lượng cầu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố: giá cả hàng hoá, dịch vụ; thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng; giá cả những hàng hoá, dịch vụ thay thế; kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ;...	
---	--

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Mối quan hệ cung - cầu

a) Mục tiêu. HS nêu được những mối quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sgk đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Em hãy cho biết trên thị trường bánh trung thu và thị trường thịt lợn, cung và cầu tác động đến nhau như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời: - Trên thị trường bánh trung thu: + Cầu tác động đến cung: thể hiện ở việc nhu cầu, thị hiếu, sở thích, thu nhập của khách hàng là căn cứ để người sản xuất xác định nên sản xuất loại bánh nào, số lượng bao nhiêu. + Cung cũng tác động đến cầu: cung đáp ứng những nhu cầu hiện tại của khách hàng, đồng thời còn đưa ra những sản phẩm mới hướng dẫn, kích thích cầu. - Trên thị trường thịt lợn: + Nguồn cung thịt lợn gặp khó khăn do dịch bệnh nên không đáp ứng được nhu cầu trên thị trường. + Nhu cầu về thịt lợn ở nước ta luôn lớn nên tác động đến cung, khiến Chính phủ đặc biệt quan tâm thúc đẩy sản xuất, chăn nuôi, tái đàn để tăng cung nhằm ổn định thị trường. - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được mối quan hệ cung cầu. Gv nhấn mạnh: Mối quan hệ cung cầu là sự tác động qua lại giữa người mua và người bán nhằm xác định giá cả, số lượng hàng hóa và dịch vụ	3. Mối quan hệ cung - cầu và vai trò của quan hệ cung - cầu a. Mối quan hệ cung cầu. - Cung - cầu có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, quy định lẫn nhau: - Cầu xác định khối lượng, cơ cấu của cung, ví như "đơn đặt hàng" của thị trường cho các nhà sản xuất, cung ứng. Cung tác động đến cầu, kích thích cầu. Những hàng hoá, dịch vụ được cung ứng phù hợp với nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng sẽ được ưa thích khiến cho cầu về chúng tăng lên.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Vai trò quan hệ cung - cầu

a) Mục tiêu. HS nêu được những vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

1/ Theo em, quan hệ cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường như thế nào?

2/ Quan hệ cung - cầu có vai trò thế nào đến việc ra quyết định của người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng và Nhà nước?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời

- Quan hệ cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường:

- + Khi cung < cầu => giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng.
- + Khi cung > cầu => giá cả hàng hóa, dịch vụ giảm.
- + Khi cung = cầu => giá cả hàng hóa, dịch vụ ở mức ổn định.

- Quan hệ cung - cầu là căn cứ để doanh nghiệp quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh

- + Khi cung > cầu => giá giảm => thu hẹp sản xuất;
- + Khi cung < cầu => giá tăng => mở rộng sản xuất.

- Quan hệ cung cầu là căn cứ giúp người tiêu dùng lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp:

- + Khi cung > cầu => giá giảm => nhu cầu tiêu dùng, mua sản phẩm sẽ tăng.

+ Khi cung < cầu => giá cả tăng => nhu cầu tiêu dùng, mua sản phẩm giảm hoặc có thể chuyển sang mua các sản phẩm thay thế với giá cả rẻ hơn.

- Quan hệ cung - cầu giúp Nhà nước có cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách để duy trì cân đối cung - cầu hợp lý, góp phần bình ổn thị trường.

- Học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được vai trò của quan hệ cung cầu.

Gv nhấn mạnh:

Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, quan hệ cung - cầu có vai trò quan trọng đối với các chủ thể kinh tế như đối với chủ thể sản xuất, với người tiêu dùng và đối với nhà nước.

3. Mối quan hệ cung - cầu và vai trò của quan hệ cung - cầu

b. Vai trò của quan hệ cung cầu.

- Thứ nhất, đối với chủ thể sản xuất kinh doanh:

+ Quan hệ cung - cầu là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động trên thị trường: khi cung lớn hơn cầu sẽ dẫn đến giá giảm, khi cung nhỏ hơn cầu sẽ dẫn đến giá tăng; cung bằng cầu thì giá ổn định. Từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh: có nhiều lợi nhuận khi bán giá cao, có thể thua lỗ khi bán giá thấp.

+ Hiện trạng quan hệ cung - cầu là căn cứ để doanh nghiệp quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh: khi cung lớn hơn cầu, giá giảm thì thu hẹp sản xuất; khi cung nhỏ hơn cầu, giá tăng thì mở rộng sản xuất.

- Thứ hai, vai trò đối với chủ thể tiêu dùng: Quan hệ cung - cầu là căn cứ giúp người tiêu dùng lựa chọn việc mua hàng hóa phù hợp: nên mua hàng hóa, dịch vụ khi: cung lớn hơn cầu, giá giảm; không nên mua hàng hóa, dịch vụ khi: cung nhỏ hơn cầu, giá tăng.

- Thứ ba, vai trò đối với chủ thể Nhà nước: Giúp Nhà nước có cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách để duy trì cân đối cung - cầu hợp lý, góp phần bình ổn thị trường.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức vận dụng mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung cầu một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi bài tập đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì nhu cầu của người dân thì rất nhiều nhưng chỉ những nhu cầu có khả năng thanh toán mới được coi là cầu.

- **Ý kiến b. Không đồng tình**, vì có những sản phẩm được sản xuất ra nhưng không mang ra bán trên thị trường mà chỉ để người sản xuất ra nó tiêu dùng thì không được tính vào cung.

- **Ý kiến c. Đồng tình**, vì khi giá điện tăng, việc tiêu dùng các sản phẩm sử dụng điện sẽ tốn thêm chi phí nhiên liệu khiến người tiêu dùng cân nhắc, có thể chuyển sang sử dụng các sản phẩm khác không sử dụng điện có mức chi phí nhiên liệu thấp hơn.

- **Ý kiến d. Đồng tình**, vì khi thu nhập tăng, những người được tăng lương sẽ có cơ hội mua sắm nhiều hơn khiến cầu tăng lên.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những sự vận dụng mối quan hệ cung cầu đối với người sản xuất, người tiêu dùng và nhà nước.

Câu 2. Em hãy phân tích quan hệ cung - cầu trong các trường hợp dưới đây và cho biết quan hệ này đã tác động thế nào đến việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến mối quan hệ cung cầu trong nền kinh tế hàng hóa.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi bài tập đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.**

+ **Quan hệ cung - cầu:** những ngày giáp Tết, người dân có nhu cầu mua sắm nhiều rau để tiêu dùng trong những ngày Tết (do phong tục ngày mừng Một, mừng Hai Tết không có người bán hàng) khiến cầu lớn hơn cung, giá rau tăng cao.

+ **Tác động:** bà G quyết định sẽ trồng nhiều rau, để sát ngày Tết mới bán hi vọng sẽ bán được giá cao.

- **Trường hợp b.**

+ *Quan hệ cung - cầu*: giá ga tăng cao khiến cho lượng nhu cầu về bếp ga có xu hướng giảm; lượng nhu cầu về bếp từ (sử dụng năng lượng điện) có xu hướng tăng.

+ *Tác động*:

- Người tiêu dùng cân nhắc việc: chuyển từ dùng bếp ga sang bếp từ.
- Những người kinh doanh có thể cân nhắc để ra quyết định kinh doanh cho hợp lý (ví dụ: nhập nhiều mặt hàng bếp từ; giảm bớt mặt hàng bếp ga, ...).
- Các doanh nghiệp có thể cân nhắc để ra quyết định sản xuất. Ví dụ: doanh nghiệp sản xuất bếp ga có thể lựa chọn việc duy trì hoặc giảm bớt một phần mức sản xuất; doanh nghiệp sản xuất bếp từ có thể lựa chọn mở rộng quy mô sản xuất, ...

- Trường hợp c.

+ *Quan hệ cung - cầu*: Khi trái vụ, ít người trồng rau nên cung nhỏ hơn cầu, giá bán rau sẽ đắt hơn lúc chính vụ.

+ *Tác động*: hợp tác xã M quyết định sẽ thử nghiệm tăng lượng rau lúc trái vụ.

- Trường hợp d.

+ *Quan hệ cung - cầu*: cơn bão khiến cho lượng cung về rau trên thị trường giảm sút, cung nhỏ hơn cầu => giá rau tăng cao.

+ *Tác động*:

- Người tiêu dùng đưa ra quyết định tạm thời chuyển bớt nhu cầu rau xanh sang những mặt hàng thay thế, như: củ, quả, ...
- Nhà sản xuất kinh doanh cần nhanh chóng gieo trồng những loại rau ngắn ngày để cung cấp cho thị trường.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được việc vận dụng mối quan hệ cung cầu, cũng như tác động của quan hệ cung cầu

Câu 3. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong các trường hợp dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc vận dụng mối quan hệ cung cầu

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi bài tập đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- Trường hợp a.

+ *Trên địa bàn chị N sinh sống, nếu cung nhỏ hơn cầu => chị N có thể chuyển từ nuôi cá sang nuôi ba ba giống các gia đình khác để thu được nhiều lợi nhuận hơn.*

+ *Tuy nhiên, chị N cần khảo sát thị trường một cách kỹ lưỡng, vì: khi nhiều gia đình trên địa bàn cùng chuyển hướng sang nuôi ba ba; trong khi chỉ bán ba ba cho một vài nhà hàng trên phố => lượng cung sẽ lớn hơn cầu => giá cả sụt giảm.*

- Trường hợp b.

+ *Khuyến mại là hoạt động xúc tiến thương mại, doanh nghiệp sử dụng các hoạt động khuyến mại nhằm trực tiếp tăng sức mua hàng, kích cầu tiêu dùng, từ đó tăng doanh thu và giảm hàng tồn kho. Vì vậy, là người tiêu dùng, M có thể tận dụng cơ hội này để mua được hàng giảm giá so với ngày thường.*

+ *Tuy nhiên, M cần cân nhắc chỉ mua những thứ thực sự cần thiết, chú ý đến chất lượng sản phẩm. Tránh vì thấy rẻ mà mua nhiều nhưng không dùng đến thì rất lãng phí, hoặc mua hàng rẻ nhưng lỗi mốt hoặc sắp hết hạn sử dụng,...*

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc vận dụng quan hệ cung cầu.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài kể về một trải nghiệm đã phân tích quan hệ cung - cầu để đưa ra quyết định mua sắm một hàng hóa và rút ra bài học đối với bản thân.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phân tích được mối quan hệ và vai trò của cung - cầu trong nền kinh tế. Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.

- **Cách thức thực hiện:** HS vào vai người bán/người mua trong phiên chợ giả định để hiểu rõ mối quan hệ cung - cầu; HS khảo sát thực tế hoặc phỏng vấn tiểu thương/kinh doanh nhỏ về cách cung - cầu tác động đến giá cả, sản phẩm, đạo đức nghề nghiệp.

c) **Sản phẩm.** Bước đầu vận dụng mối quan hệ cung cầu trong thực tế

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần thể hiện những ý kiến, quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra

Bài viết cần chỉ rõ:

- + Thời gian tham gia
- + Đối tượng hàng hóa.
- + Nội dung tác động

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm
- Hoặc giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn cung cầu.

TIẾT 7, 8, 9 - BÀI 3 LẠM PHÁT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

a. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm, liệt kê được các loại hình lạm phát.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.
- Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.
- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

b. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân dẫn đến lạm phát. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận, đánh giá hậu quả của lạm phát và vai trò của Nhà nước trong kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm chế lạm phát; ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về lạm phát, đường lối, chính sách của Nhà nước trong kiểm soát và kiềm chế lạm phát; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng kinh tế về lạm phát; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích vấn đề lạm phát trong trường hợp cụ thể.

c. Về phẩm chất

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề lạm phát.
- Trung thực và có trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước để kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp từ đó học sinh nêu được biểu hiện của một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên cung cấp cho học sinh một số thông tin liên quan đến việc một số doanh nghiệp lạm dụng tình trạng lạm phát để đầu cơ tăng giá đặc biệt là việc móc nối với các cơ quan quản lý nhà nước để trục lợi.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu biết nhận xét về vấn đề lạm phát trong thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về vấn đề kinh tế đang diễn ra trong trường hợp dưới đây:

Ngày cuối tuần, H được cùng bố đi chợ. Khác với mọi lần, H thấy bố rất băn khoăn, cân nhắc khi mua sắm vì giá hàng hóa nào cũng tăng cao. H còn được nghe cô bán hàng tạp hoá nói với bố: "Giá cả tăng, khách mua hàng ít hơn nên kinh doanh cũng gặp khó khăn, bác ạ!".

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình:
 - + *Vấn đề kinh tế diễn ra trong trường hợp trên là: lạm phát.*
 - + *Lạm phát được hiểu là sự tăng mức giá chung của các hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế một cách liên tục trong một thời gian nhất định.*
 - + *Lạm phát gây ra những hậu quả tiêu cực đến hoạt động của nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội.*
- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phổ biến đối với mọi quốc gia trên thế giới, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Vì vậy, Chính phủ và người dân luôn quan tâm đến việc kiểm soát, kiềm chế lạm phát để đảm bảo sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm lạm phát.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm lạm phát là gì

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin quan sát các biểu đồ và số liệu trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được nhận xét của mình

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin quan sát các biểu đồ và số liệu trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/Em có nhận xét gì về sự biến động chỉ số giá tiêu dùng các năm trong giai đoạn 2016 - 2021?</i> <i>2/Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra: - Nhận xét: trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở Việt Nam có nhiều biến động. Cụ thể: + 2016 - 2018, chỉ số CPI có xu hướng tăng, từ 2,66% (năm 2016), tăng lên mức 3,54% (năm 2018). + 2018 - 2021, chỉ số CPI có xu hướng giảm, từ mức 3,54% (năm 2018), giảm xuống còn 1,84% (năm 2021). - Chỉ số 1,84% cho thấy: mặc dù bối cảnh lạm phát toàn cầu ngày càng tăng nhưng lạm phát ở Việt Nam trong năm 2021 được kiểm soát ở mức thấp. - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm lạm phát Gv nhấn mạnh: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đo giá cả một số lượng lớn các loại hàng hoá, dịch vụ thiết yếu như: lương thực, thực phẩm, dịch vụ y tế, giáo dục, năng lượng, nhà ở,... đối với mức tiêu dùng trung bình trong một thời gian nhất định.	1. Khái niệm và các loại hình lạm phát. a. <i>Khái niệm lạm phát</i> Lạm phát là sự tăng mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các loại hình lạm phát.

a) **Mục tiêu.** Học sinh nêu được một số loại hình lạm phát phổ biến hiện nay.

b) **Nội dung.** HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được nhận xét của mình về thông tin trên

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Chuyển giao nhiệm vụ HS làm việc nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi trong SGK: <i>Em có nhận xét gì về mức độ lạm phát của nước ta năm 1986, 2010 - 2011, 2012 - 2013?</i> <i>Ở mỗi mức độ đó, lạm phát tác động đến kinh tế - xã hội nước ta như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh cùng nhau đọc thông tin và thảo luận. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra qua việc trả lời câu hỏi 1 và 2: - Nhận xét: + Năm 1986, ở Việt Nam, chỉ số tiêu dùng (CPI) ở mức rất cao, đạt 775%. Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy, được xếp vào loại hình lạm phát phi mã. + Trong những năm 2010 - 2011, chỉ số CPI liên tục ở mức cao (năm 2010 đạt 11,75%; năm 2011 đạt 18,13%). Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy được xếp vào loại hình lạm phát phi mã. + Trong những năm 2012 - 2013, nhờ những giải pháp kiềm chế và kiểm soát lạm phát của nhà nước, nên chỉ số CPI đã giảm xuống ở mức một con số (đạt 6,81% năm 2012 và 6,04% năm 2013). Mức tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ như vậy, được xếp vào loại hình lạm phát vừa phải. - Mức lạm phát phi mã (trong các năm 1986, 2010 - 2011) gây bất ổn nghiêm trọng cho nền kinh tế. Lúc này, đồng tiền bị mất giá một cách nhanh chóng; lãi suất thực tế giảm. - Lạm phát ở mức vừa phải (năm 2012 - 2013), giá cả hàng hóa thay đổi chậm, khiến nền kinh tế phát triển tương đối ổn định; đời sống của người dân bớt khó khăn. - Các nhóm còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Giáo viên chốt kiến thức đưa ra được những tiêu chí cơ bản để xác định một loại hình lạm phát Việc xác định các loại hình lạm phát có ý nghĩa quan trọng trong quá trình điều hành nền kinh tế, xã hội. Là cơ sở để cơ quan chức năng tiến hành đưa ra các biện pháp phù hợp để kiểm soát lạm phát.	1. Khái niệm và các loại hình lạm phát. <i>b. Các loại hình lạm phát</i> - Lạm phát vừa phải: mức độ tăng của giá cả ở một con số hằng năm (0% - dưới 10%). Trong điều kiện lạm phát thấp, giá cả thay đổi chậm, nền kinh tế được coi là ổn định. - Lạm phát phi mã: Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm (10% - 1.000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế. Đồng tiền mất giá một cách nhanh chóng, lãi suất thực tế giảm, người dân tránh giữ tiền mặt. - Siêu lạm phát: giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1.000%), nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân dẫn đến lạm phát

a) **Mục tiêu.** HS nêu được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) **Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>Theo em, vì sao giá thực phẩm, giá năng lượng tăng là nguyên nhân khiến lạm phát năm 2021 tăng?</i> <i>Thông tin 2 - mục các loại hình lạm phát - cho biết nguyên nhân nào dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 - 1987?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Giải thích: + <i>Năng lượng (xăng dầu, ga), thực phẩm và vật liệu, ... là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.</i> + <i>Khi các yếu tố đầu vào tăng giá, thì chi phí sản xuất sẽ tăng cao, từ đó đẩy giá cả của nhiều sản phẩm, hàng hóa trên thị trường tăng => dẫn đến tình trạng lạm phát.</i> - Nguyên nhân dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 - 1987 là do: <i>đồng tiền mất giá quá nhanh, khiến tâm lý người tiêu dùng bất an; lúc này, người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt mà tìm cách mua hàng hóa để dự trữ, dẫn đến tình trạng cầu lớn hơn cung => từ đó, đẩy giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng cao.</i> - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được các nguyên nhân cơ bản dẫn đến lạm phát. Gv nhấn mạnh: Chi phí sản xuất tăng cao: việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất (như: xăng, dầu, điện, nguyên liệu,...) đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường tăng gây lạm phát.	2. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát - Chi phí sản xuất tăng cao: việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất (như: xăng, dầu, điện, nguyên liệu,...) đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường tăng gây lạm phát. - Cầu tăng cao: do có yếu tố tác động làm tổng cầu tăng cao nhưng tổng cung không thay đổi dẫn đến mức giá chung tăng gây lạm phát. - Phát hành thừa tiền trong lưu thông: khi lượng tiền phát hành vượt quá mức cần thiết làm xuất hiện tình trạng người giữ tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một đơn vị hàng hoá, làm cho giá cả hàng hoá leo thang gây lạm phát.

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Hậu quả của lạm phát

- a) Mục tiêu.** HS nêu được những hậu quả to lớn, tác động do hiện tượng lạm phát gây ra trong nền kinh tế thị trường
- b) Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- c) Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.
- d) Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>1/ Em hãy chỉ ra hậu quả do lạm phát tăng cao gây ra trong thông tin trên.</i> <i>2/ Theo em, lạm phát tăng do giá lương thực và năng lượng tăng có ảnh hưởng thế nào đến đời sống và các hoạt động kinh tế - xã hội?</i> <i>3/ Em hãy kể những hậu quả khác mà lạm phát có thể gây ra đối với nền kinh tế và xã hội.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời <i>1/ Hậu quả:</i> + Lạm phát ở mức 10.7% có thể khiến hơn một nửa quốc gia trong khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế; + Mặt khác, khi giá cả hàng hóa tăng cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ sẽ khiến cho mức sống của người dân châu Âu bị giảm sút. <i>2/ Lương thực và năng lượng là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất. Khi giá cả của yếu tố đầu vào tăng sẽ khiến cho chi phí sản xuất tăng, đẩy giá thành sản phẩm lên cao hơn.</i> - Khi giá thành sản phẩm cao, nhu cầu tiêu dùng của người dân hạn chế lại, từ đó tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư của các doanh nghiệp, làm cho kinh tế suy thoái, tình trạng thất nghiệp gia tăng. - Mặt khác, cũng bởi giá cả hàng hóa không ngừng tăng, nên dễ dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa, tạo nên sự khan hiếm, thị trường nhiều loạn. <i>3/ Một số hậu quả mà lạm phát có thể gây ra:</i> - Đối với nền kinh tế: + Làm tăng chi phí sx, đẩy giá thành sản phẩm lên cao. + Tác động trực tiếp đến quyết định giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái. + Dễ dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa khiến thị trường nhiều loạn. - Đối với đời sống xã hội:	3. Hậu quả của lạm phát - Giá cả các yếu tố đầu vào sản xuất tăng cao khiến chi phí tăng, tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái và thất nghiệp gia tăng. Giá cả các hàng hoá không ngừng tăng dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hoá, tạo thêm sự khan hiếm, đẩy giá cả hàng hoá tiếp tục tăng gây nhiều loạn thị trường. - Giá cả hàng hoá cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút. Bên cạnh đó, lạm phát cao thường khiến nhiều người mất việc làm, không có thu nhập, đời sống nhiều gia đình bấp bênh, gặp nhiều khó khăn. Lạm phát tăng cao, kéo dài có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,...

+ Giá cả hàng hóa cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút, các nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ bị tiết chế, giảm thiểu lại. + Do quy mô sx bị thu hẹp, nên nhiều người mất việc làm, không có thu nhập, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn. + Lạm phát tăng cao, kéo dài có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,.... - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề những hậu quả tiêu cực do lạm phát gây ra. Gv nhấn mạnh: Lạm phát cao gây hậu quả tiêu cực đến hoạt động của nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội: Đối với sản xuất: Giá cả các yếu tố đầu vào sản xuất tăng cao khiến chi phí tăng, tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái và thất nghiệp gia tăng Đối với người tiêu dùng: Giá cả hàng hóa cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút	
---	--

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

a) Mục tiêu. HS nêu được những giải pháp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sgk đưa ra và trả lời câu hỏi 1/Nội dung khoản 2, khoản 4 Điều 3 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện Nhà nước thực hiện việc kiểm soát lạm phát như thế nào? 2/Nhà nước đã có vai trò như thế nào trong việc kiềm chế lạm phát giai đoạn 2016 - 2020? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin.	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát - Luôn theo dõi biến động giá cả trên thị trường, duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức cho phép. - Đưa ra chính sách, biện pháp, sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát như: tăng lãi suất, giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu công, hỗ trợ thu nhập cho người gặp khó khăn, tăng cường quản lí thị trường chống đầu cơ

- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời 1/ - Trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, vai trò của Nhà nước được thể hiện thông qua việc: + Luôn theo dõi biến động giá cả trên thị trường, duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức cho phép. + Đưa ra chính sách, biện pháp và sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát. 2/ - Trong những năm 2016 - 2020, để kiềm chế lạm phát, nhà nước đã: xây dựng và thực hiện các kịch bản điều hành giá những mặt hàng quan trọng, thiết yếu như dịch vụ y tế, xăng, dầu, điện,... phù hợp trong từng giai đoạn. - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để chỉ ra được những biện pháp phù hợp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát Gv nhấn mạnh: Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát: thông qua chính sách, biện pháp, sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát như: tăng lãi suất, giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu công, hỗ trợ thu nhập cho người gặp khó khăn, tăng cường quản lí thị trường chống đầu cơ tích trữ hàng hoá, sử dụng dự trữ quốc gia để bình ổn cung - cầu, bình ổn giá trên thị trường.	tích trữ hàng hoá, sử dụng dự trữ quốc gia để bình ổn cung - cầu, bình ổn giá trên thị trường,...
--	--

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp từ đó học sinh nêu được biểu hiện của một số hành vi lãng phí, tiêu cực trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, xã hội

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên cung cấp cho học sinh một số thông tin liên quan đến việc một số DN lạm dụng tình trạng lạm phát để đầu cơ tăng giá đặc biệt là việc móc nối với các cơ quan quản lý nhà nước để trục lợi.

4. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em tán thành hay không tán thành với các ý kiến sau? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lí tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá các hiện tượng lạm phát đang diễn ra trong hoạt động kết một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: *lạm phát là sự tăng mức giá chung của các loại hàng hóa, dịch vụ của nền kinh tế một cách liên tục trong một thời gian nhất định. Nếu chỉ có một vài hàng hóa tăng, các mặt hàng khác vẫn giữ nguyên giá cả thì chưa thể kết luận nền kinh tế đang trong tình trạng lạm phát.*

- **Ý kiến b. Đồng tình**, vì:

+ *Lạm phát và lãi suất huy động thường có mối quan hệ mật thiết với nhau. Thông thường, lãi suất tiền gửi tiết kiệm của các ngân hàng sẽ cao hơn so với mức lạm phát một chút để đảm bảo giá trị tiết kiệm cho khách hàng.*

+ *Trường hợp lạm phát tăng cao và quá nhanh, đồng tiền bị mất giá, trong khi lãi suất huy động không có sự điều chỉnh, thì những người gửi tiết kiệm sẽ chịu thiệt thòi.*

- **Ý kiến c. Đồng tình**, vì: *ở mỗi quốc gia, trong điều kiện bình thường: một đơn vị tiền sẽ mua được một đơn vị hàng hóa, dịch vụ tương ứng. Tuy nhiên, khi lạm phát xảy ra, với một đơn vị tiền đó, người tiêu dùng chỉ mua được một lượng hàng hóa/ dịch vụ ít hơn so với trước đây.*

- **Ý kiến d. Không đồng tình**, vì: *lạm phát chỉ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế khi ở mức lạm phát phi mã và siêu lạm phát. Lạm phát ở mức độ vừa phải sẽ kích thích sản xuất kinh doanh phát triển.*

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được lạm phát là một hiện tượng bình thường của nền kinh tế đòi hỏi mỗi chủ thể cần nhận thức và thích ứng phù hợp.

Câu 2. Em hãy cho biết những biến động sau đây có thể làm cho lạm phát tăng hay không. Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề lạm phát.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm. HS đưa ra được quan điểm của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng nhóm đưa ra quan điểm về từng nội dung

- **Trường hợp a.** *Có thể gây ra lạm phát. Vì:*

+ *Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh, đồng nghĩa với việc nhu cầu tiêu thụ hàng hóa (của thị trường nước ngoài) tăng lên. Từ đó, dẫn đến việc tổng cầu (của cả thị trường trong và ngoài nước) tăng.*

+ *Nếu tổng cầu tăng, nhưng tổng cung không thay đổi (các doanh nghiệp không mở rộng sản xuất) sẽ dẫn đến tình trạng hàng hóa khan hiếm => đẩy giá sản phẩm lên cao => gây lạm phát.*

- **Trường hợp b và c.** *Có thể gây ra lạm phát, vì:*

+ *Nguyên liệu, nhiên liệu và xăng (năng lượng) là những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.*

+ *Việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất, khiến chi phí sản xuất tăng cao, từ đó làm cho giá cả của nhiều loại hàng hóa trên thị trường tăng => gây lạm phát.*

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những hoạt động nào của nền kinh tế tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến lạm phát

Câu 3. Em hãy thể hiện thái độ của mình đối với hành vi của chủ thể ở các trường hợp dưới đây trong việc chấp hành chủ trương, chính sách nhà nước về lạm phát.

a) Mục tiêu. HS vận dụng kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc nhà nước có biện pháp và chính sách nhằm kiềm chế lạm phát

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm. HS trả lời được các nội dung đã hỏi trong mỗi trường hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- Trường hợp a. Không đồng tình với hành vi của ngân hàng Y, vì:

+ Việc Chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ (tăng lãi suất huy động, giảm mức cung tiền,...) là một biện pháp tích cực góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát; đồng thời đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và hộ dân gửi tiết kiệm tại ngân hàng.

+ Việc ngân hàng Y mong muốn duy trì mức lãi suất huy động vốn thấp sẽ gây cản trở cho chính sách phát triển kinh tế chung của nhà nước; đồng thời, gây thiệt hại cho các khách hàng của ngân hàng Y.

- Trường hợp b. Đồng tình với hành động của Ủy ban nhân dân huyện C. Vì: cắt giảm chi tiêu công cũng là một biện pháp tích cực, góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

- Trường hợp c. Đồng tình với hành động của thành phố H. Việc tăng cường kiểm soát giá cả và mạng lưới phân phối sẽ hạn chế tình trạng đầu cơ, tích trữ hàng hóa, từ đó góp phần bình ổn giá cả thị trường, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc điều hành chính sách kiểm soát lạm phát của cơ quan chức năng.

5. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài chia sẻ cách chi tiêu hợp lý khi lạm phát tăng cao.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần đưa ra được những biện pháp khả thi, phù hợp

c) Sản phẩm. Bước đầu thích ứng một cách linh hoạt với tình hình lạm phát

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu. Bài viết cần đưa ra được những biện pháp khả thi, phù hợp:

Một số cách chi tiêu hợp lý khi lạm phát tăng cao:

- Sử dụng tiết kiệm năng lượng (xăng dầu, điện, gas,...)
- Chỉ mua những hàng hóa thiết yếu, phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả.
- Theo dõi sát sao các khoản chi tiêu nhằm tăng tính kỉ luật và cân đối tài chính.
- Chuyển sang sử dụng những mặt hàng thay thế có giá trị chất lượng gần tương đương nhưng giá thành rẻ hơn (ví dụ: chuyển từ việc sử dụng đồ nhập khẩu sang các thương hiệu uy tín trong nước,...).
- Tái sử dụng các đồ dùng cũ (với những món đồ không quá thiết yếu, ví dụ: đồ chơi, quần áo,...).
- Tránh giữ nhiều tiền mặt mà nên lựa chọn kênh đầu tư phù hợp với tình hình (ví dụ: bất động sản, vàng,...).
- Không thực hiện hành vi đầu cơ, tích trữ hàng hóa.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm
- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các hs hiểu hơn về lạm phát.

TIẾT 10, 11, 12, 13 - BÀI 4 THẤT NGHIỆP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm thất nghiệp, liệt kê được các loại hình thất nghiệp.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.
- Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.
- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận, mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề thất nghiệp.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về thất nghiệp; phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong giải quyết vấn đề thất nghiệp; ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong giải quyết vấn đề thất nghiệp.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về thất nghiệp, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thất nghiệp; giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng thất nghiệp; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến thất nghiệp, để tương lai không bị rơi vào tình trạng thất nghiệp.

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong giải quyết vấn đề thất nghiệp.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ ở với các yêu cầu cần đạt sau: Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kt, xh và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kt, xh và văn hóa.

- Cách thức thực hiện:

+ Căn cứ vào nội dung bài học, gv yêu cầu hs lấy các ví dụ để minh họa việc Nhà nước ta có các chính sách để giảm thiểu thất nghiệp và những tác động tiêu cực thất nghiệp tới đời sống con người; qua đó giáo viên nhấn mạnh ý nghĩa của các chính sách này đối với thực hiện các quyền con người

+ Giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ và phân tích các tác động tiêu cực của thất nghiệp tới quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

- **Cách thức thực hiện:** Gv cung cấp cho hs một số thông tin liên quan đến nguyên nhân của tình trạng thất nghiệp. Việc tham nhũng lãnh phí làm giảm hiệu quả đầu tư công và gián tiếp gây ra tình trạng thất nghiệp

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hậu quả của hành vi thất nghiệp đối với xã hội
- **Cách thức thực hiện:** Từ sự phân tích về hậu quả của thất nghiệp, giáo viên giúp học sinh nhận thức được, thất nghiệp sẽ tác động rất lớn đến vấn đề xã hội, các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, mối quan hệ giữa con người với nhau sẽ ngày càng thay đổi. Đặc biệt thất nghiệp gia tăng và thường xuyên sẽ tác động lớn tới ý thức của một bộ phận người lao động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

3.1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra

c) Sản phẩm. Hs bước đầu biết nhận xét về vấn đề lạm phát trong thực tế hoạt động sxkd hàng ngày.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Ở trường hợp trên, ông A và người lao động của doanh nghiệp X đang gặp phải vấn đề gì? Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về vấn đề đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- *Ở trường hợp trên, ông A và người lao động của doanh nghiệp X đang trong tình trạng thất nghiệp.*

- *Chia sẻ suy nghĩ:*

+ *Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.*

+ *Tình trạng thất nghiệp xảy ra do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.*

+ *Thất nghiệp để lại những hậu quả nặng nề đối với mỗi cá nhân, với nền kinh tế và mọi mặt của đời sống xã hội.*

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Thất nghiệp là hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường, có ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Do vậy, giảm tỉ lệ thất nghiệp, bảo đảm việc làm, ổn định đời sống cho người lao động trở thành mục tiêu quan trọng của mỗi quốc gia.

3.2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm thất nghiệp là gì, thất nghiệp gồm các loại hình nào

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS đưa ra được nhận xét của mình

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Trong gia đình anh M, ai là người muốn kiếm việc làm nhưng chưa tìm được? Ai là người tự nguyện thất nghiệp?</i>	1. Khái niệm thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp. <i>a. Khái niệm thất nghiệp.</i> Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm. <i>b. Các loại hình thất nghiệp.</i> - Phân loại theo nguồn gốc thất nghiệp:

2/ Tình hình thất nghiệp sẽ thay đổi như thế nào khi nền kinh tế phục hồi hay suy thoái?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra

+ Anh M và bố của anh là người muốn kiếm việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

+ Vợ anh M là người tự nguyện thất nghiệp (biểu hiện ở việc: vợ anh M đã xin được làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh, nhưng do mức lương thấp và không đúng với chuyên môn của mình, nên vợ anh M không muốn đi làm).

2/ Khi kinh tế suy thoái, các doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, khiến nhiều người lao động bị mất việc làm => làm gia tăng tình trạng thất nghiệp trên quy mô của địa phương và cả nước.

- Khi kinh tế được phục hồi, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, thu hút lại nhiều lao động => lượng người thất nghiệp giảm dần.

- Hsinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm thất nghiệp

Gv nhấn mạnh:

Việc phân loại các loại hình thất nghiệp có ý nghĩa to lớn trong việc điều chỉnh bản thân để người lao động có cơ hội tiếp cận các việc làm phù hợp có lợi cho bản thân.

+ Thất nghiệp tự nhiên: biểu thị mức thất nghiệp bình thường mà nền kinh tế phải chịu, luôn tồn tại trong xã hội, bao gồm các dạng:

* Thất nghiệp tạm thời: thất nghiệp phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống.

* Thất nghiệp cơ cấu: thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải.

+ Thất nghiệp chu kì: thất nghiệp tương ứng với từng giai đoạn trong chu kì kinh tế: Thất nghiệp chu kì ở mức cao khi nền kinh tế suy thoái; Thất nghiệp chu kì ở mức thấp khi kinh tế phát triển, mở rộng.

- Phân loại theo tính chất:

+ Thất nghiệp tự nguyện: xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ.

+ Thất nghiệp không tự nguyện: xảy ra khi người lao động mong muốn đi làm nhưng không thể tìm kiếm được việc làm.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

a) Mục tiêu. HS nêu được những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng thất nghiệp trong nền kinh tế.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi trong sgk.

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi mà sgk nêu ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập	2. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>1/Chị Y và nhóm bạn thất nghiệp do những nguyên nhân nào?</i> <i>2/Em hãy phân tích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thất nghiệp của một số sinh viên ngành Dược, Điều dưỡng ở tỉnh N.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời 1/ Nguyên nhân chị Y và nhóm bạn thất nghiệp. - <i>Chị Y thất nghiệp là do: chị không hài lòng với công việc hiện có, vì công việc này không phù hợp với sở thích và chuyên môn.</i> - <i>Anh T thất nghiệp là do: anh đã vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần nên bị công ty sa thải.</i> - <i>Anh X thất nghiệp là do: doanh nghiệp mà anh đang làm việc có sự điều chỉnh, thu hẹp quy mô sản xuất, kinh doanh.</i> 2/ Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thất nghiệp của một số sinh viên ngành Dược, Điều dưỡng ở tỉnh N là do: sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động. Cụ thể: + <i>Số sinh viên theo học các ngành Dược, Điều dưỡng ở các hệ cao đẳng, trung cấp tốt nghiệp hằng năm rất lớn, khiến cho nguồn cung lao động (ở 2 ngành này) lớn.</i> + <i>Nhu cầu tuyển dụng việc làm ở 2 ngành dược và điều dưỡng tại tỉnh N nhỏ.</i> => <i>Điều này dẫn đến việc cung vượt quá cầu, khiến dư thừa lao động. Từ đó dẫn đến tình trạng một bộ phận sinh viên ngành Dược và Điều dưỡng ra trường không có việc làm.</i> - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được các nguyên nhân cơ bản dẫn đến thất nghiệp. Gv nhấn mạnh: Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp, đặc biệt là tác động của nền kinh tế sẽ tác động lớn đến vấn đề việc làm của người lao động.	- Nguyên nhân chủ quan: bị đuổi việc do vi phạm kỉ luật, tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có, do thiếu kĩ năng làm việc,... - Nguyên nhân khách quan: do cơ sở sản xuất kinh doanh đóng cửa, do sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.
---	---

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Hậu quả của thất nghiệp

a) Mục tiêu. HS nêu được những hậu quả to lớn, tác động do tình trạng thất nghiệp gây ra đối với người lao động và toàn xã hội.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2,3 trong sgk đưa ra và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm.** Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2,3 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>Qua các thông tin trên, em hãy cho biết thất nghiệp đã tác động đến người lao động, doanh nghiệp và nền kinh tế như thế nào. Vì sao?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - <i>Đối với người lao động: thất nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, khiến cho đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp.</i> - <i>Đối với doanh nghiệp: thất nghiệp tăng cao dẫn đến nhu cầu xã hội bị giảm sút, hàng hóa và dịch vụ không có người tiêu dùng, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa.</i> - <i>Đối với nền kinh tế: thất nghiệp tăng gây lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, ngân sách nhà nước suy giảm,...</i> - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề những hậu quả tiêu cực do lạm phát gây ra. Gv nhấn mạnh: <i>Thất nghiệp để lại những hậu quả nặng nề đối với mỗi cá nhân, với nền kinh tế và mọi mặt của đời sống xã hội</i>	3. Hậu quả của thất nghiệp. - Đối với người bị thất nghiệp: Thất nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, khiến cho đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp. - Đối với doanh nghiệp: Thất nghiệp tăng cao dẫn đến nhu cầu xã hội bị giảm sút, hàng hoá và dịch vụ không có người tiêu dùng, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm,... nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa. - Đối với nền kinh tế: Thất nghiệp tăng gây lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, ngân sách nhà nước suy giảm,... - Đối với chính trị - xã hội: Thất nghiệp gia tăng làm cho hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát sinh nhiều, gây ra những xáo trộn trong xã hội, trật tự xã hội không ổn định, hiện tượng lãn công, bãi công, biểu tình,... tăng lên.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

a) Mục tiêu. HS nêu được những giải pháp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế tình trạng thất nghiệp.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>Qua các thông tin và hình ảnh trên, em hãy cho biết Nhà nước đã thực hiện các giải pháp nào để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - <i>Để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, nhà nước đã thực hiện một số giải pháp, như:</i> + <i>Quan tâm đào tạo lao động trình độ cao, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm.</i> + <i>Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động;</i> + <i>Khuyến khích các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất, chuyển đổi sản xuất để tạo thêm việc làm cho người lao động;</i> + <i>Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động.</i> - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để chỉ ra được những biện pháp phù hợp mà nhà nước đưa ra nhằm kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. Gv nhấn mạnh: Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp: thông qua chính sách, biện pháp, thường xuyên thông tin về tình hình thất nghiệp, từ đó dự báo, đồng thời đưa ra các giải pháp để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.	4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. - Thường xuyên thông tin về tình hình thất nghiệp, từ đó dự báo, đồng thời đưa ra các giải pháp để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp. - Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, Nhà nước sử dụng nhiều giải pháp để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp như: Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động; Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất, chuyển đổi sản xuất để tạo thêm việc làm cho người lao động; Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động. - Ngoài ra, Nhà nước còn thường xuyên quan tâm đào tạo lao động trình độ cao, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ ở với các yêu cầu cần đạt sau: Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về ktế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền ktế, xã hội và văn hóa.

- Cách thức thực hiện:

+ Căn cứ vào nội dung bài học, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ để minh họa việc Nhà nước ta có các chính sách để giảm thiểu thất nghiệp và những tác động tiêu cực thất nghiệp tới đời sống con người; qua đó giáo viên nhấn mạnh ý nghĩa của các chính sách này đối với thực hiện các quyền con người

+ Giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ và phân tích các tác động tiêu cực của thất nghiệp tới quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên cung cấp cho học sinh một số thông tin liên quan đến nguyên nhân của tình trạng thất nghiệp. Việc tham nhũng lãng phí làm giảm hiệu quả đầu tư công và gián tiếp gây ra tình trạng thất nghiệp.

Ví dụ: Lãng phí là vấn đề rất lớn, phạm vi rất rộng, thiệt hại còn lớn hơn rất nhiều so với tham nhũng, tiêu cực. Lãng phí các công trình đầu tư công là một trong những số đó.

Có đến hơn 3.000 dự án sử dụng vốn Nhà nước có thất thoát, lãng phí. Đó là số liệu qua giám sát tối cao của Quốc hội về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021. Theo đó, tổng số tiền gây thất thoát lãng phí trong 5 năm là 31.800 tỷ đồng; gần 75.000 ha đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang, vi phạm pháp luật.

Để xây dựng khu tái định cư này, TP Hồ Chí Minh đã vay 12.000 tỷ đồng từ các quỹ tín dụng, với tiền lãi phát sinh vào khoảng 2,9 tỷ đồng/ngày. Thêm vào đó là khoản chi phí tiền bảo trì, vệ sinh, thấp sáng thì xấp xỉ 50 tỷ đồng/tháng. Vậy là trong gần 10 năm qua, ngân sách thành phố có thể đã bị bốc hơi gần 30.000 tỷ đồng.

Chỉ tính riêng Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đã có gần 14.000 chung cư tái định cư đang trong tình trạng bỏ hoang, nhếch nhác với rác và đầy nước thải, cỏ dại mọc cao quá đầu người. Không chỉ các khu tái định cư, mà nhiều đại đô thị rộng lớn cả trăm ha với các biệt thự đơn lập, song lập...cũng bị lãng quên và hoang hóa cả thập kỷ. Thế nhưng, khi liên hệ hỏi mua thì đến cả vài chục tỷ một căn nhà.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Hậu quả của hành vi thất nghiệp đối với xã hội

- **Cách thức thực hiện:** Từ sự phân tích về hậu quả của thất nghiệp, giáo viên giúp học sinh nhận thức được, thất nghiệp sẽ tác động rất lớn đến vấn đề xã hội, các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, mối quan hệ giữa con người với nhau sẽ ngày càng thay đổi. Đặc biệt thất nghiệp gia tăng và thường xuyên sẽ tác động lớn tới ý thức của một bộ phận người lao động.

Thông tin: Báo cáo về tình hình lao động, việc làm quý III/2024 của Tổng cục Thống kê cho thấy cả nước có khoảng 1,4 triệu thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo (chiếm 10,7%), tăng 75.300 người so với quý trước. Trong khi đó rất nhiều doanh nghiệp cần lao động nhưng không tuyển dụng được, theo Cục Việc làm, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Ai cũng có quyền thất nghiệp chủ động nhưng lao động trẻ nghĩ việc quá lâu dễ nảy sinh cảm giác chán chường, khó thích nghi với môi trường mới". Việc này cũng gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và "chảy máu chất xám" của doanh nghiệp.

Thậm chí, một bộ phận thanh niên tuy có trình độ học vấn cao hơn trước nhưng vẫn gặp khó khăn khi tìm được những công việc ổn định và tương xứng với trình độ của mình. Trung bình một người trẻ phải mất khoảng 19 tháng kể từ sau khi tốt nghiệp mới có thể tìm được việc làm ổn định. Nhiều thanh niên tuy tìm được việc làm nhưng chỉ là những công việc không quá đòi hỏi về trình độ, tay nghề, và như vậy mức thu nhập thấp, không đủ để trang trải cho cuộc sống.

Theo thống kê của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), trong số 200 triệu người thất nghiệp trên toàn thế giới, có tới 73,3 triệu là thanh niên(1). Trong báo cáo “Xu hướng việc làm của thanh niên toàn cầu năm 2015”, ILO cũng cảnh báo về một thế hệ trẻ bị tổn thương do tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, thanh niên không được đào tạo, không tìm được các việc làm phù hợp, có chất lượng và thực trạng việc làm bấp bênh tại các quốc gia phát triển, cũng như sự gia tăng số lao động nghèo tại các nước đang phát triển. Báo cáo cũng cho biết, mặc dù số lao động trẻ trên thế giới không có việc làm trong thời gian qua đã giảm nhẹ so với giai đoạn trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, song các nhà kinh tế cảnh báo, những khó khăn từ nhiều lĩnh vực vẫn tác động đến thị trường việc làm, khiến tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều khu vực sẽ còn ở mức cao kỷ lục, thậm chí tiếp tục gia tăng.

4. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá các hiện tượng thất nghiệp đang diễn ra trong hoạt động kinh tế một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Hsinh làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: người lao động phải có trách nhiệm chính, quan trọng nhất trong việc giải quyết vấn đề việc làm của bản thân. Nhà nước có vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tự tạo việc làm, thông qua những chủ trương, chính sách phù hợp trong từng giai đoạn.

- **Ý kiến b. Không đồng tình**, vì: người lao động phải có trách nhiệm chính, quan trọng nhất trong việc giải quyết vấn đề việc làm của bản thân. Chính quyền địa phương có vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để giải quyết việc làm cho người lao động.

- **Ý kiến c. Không đồng tình**, vì: các trung tâm dịch vụ việc làm chỉ có chức năng hỗ trợ và giới thiệu tới người lao động những công việc phù hợp hoặc những cơ sở sản xuất, kinh doanh đang có nhu cầu tuyển dụng.

- **Ý kiến d. Đồng tình**, vì: lao động là nghĩa vụ của mỗi công dân. Người lao động phải có trách nhiệm chính, quan trọng nhất trong việc giải quyết vấn đề việc làm của bản thân (ví dụ: học tập, rèn luyện để nâng cao tay nghề, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc; lựa chọn những công việc phù hợp với năng lực của bản thân; nghiêm túc tuân thủ nội quy, kỷ luật lao động tại nơi làm việc,...)

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được thất nghiệp là một hiện tượng bình thường của nền kinh tế đòi hỏi mỗi chủ thể cần nhận thức và thích ứng phù hợp.

TIẾT 4

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 2. Em hãy cho biết những trường hợp sau đây thuộc loại hình thất nghiệp nào?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề thất nghiệp.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi bài tập đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, lớp chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.** Thất nghiệp tự nguyện.
- **Trường hợp b.** Thất nghiệp cơ cấu.
- **Trường hợp c.** Thất nghiệp tạm thời hoặc thất nghiệp tự nguyện.
- + Thất nghiệp tạm thời nếu xét trong trường hợp: người này có sự chuyển dịch từ thị trường lao động nước ngoài về thị trường lao động trong nước.
- + Thất nghiệp tự nguyện nếu xét trong trường hợp: người này chưa tìm được công việc phù hợp với mong muốn của họ về mức lương, chế độ đãi ngộ,....

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những hoạt động nào của nền kinh tế tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến thất nghiệp.

Câu 3. Em hãy nhận xét việc làm của các tổ chức, cá nhân dưới đây.

- a) Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của việc nhà nước có biện pháp và chính sách nhằm kiểm chế thất nghiệp
- b) Nội dung.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề
- c) Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi bài tập đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.** Việc làm của chính quyền xã X chưa phù hợp, không bám sát với tình hình thực tế tại địa phương. Hành động này đã gây lãng phí ngân sách nhà nước; đồng thời tiêu tốn thời gian, công sức học tập của người lao động tại địa phương.

- Trường hợp b.

+ Hành động của chính quyền xã X là đúng, thể hiện tốt vai trò của chính quyền địa phương trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.

+ Hành động không hợp tác của một số hộ dân là sai, những hộ dân này chưa hiểu rõ về vai trò của nhà nước trong việc giải quyết tình trạng thất nghiệp => do đó, chính quyền xã X cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, để người dân trong xã hiểu rõ hơn về các chủ trương, chính sách

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được tầm quan trọng của việc điều hành chính sách kiểm soát thất nghiệp của cơ quan chức năng.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy viết bài giới thiệu một tấm gương tạo việc làm, giải quyết thất nghiệp cho người lao động tại địa phương.

- a) Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới
- b) Nội dung.** HS làm việc theo nhóm tại lớp, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại lớp, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết cần đảm bảo yêu cầu là nhân vật thật, người thật, cần đi sâu phân tích những việc làm cụ thể của họ để góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương cũng như tạo thu nhập hợp pháp cho người lao động

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm tại lớp
- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của vấn đề việc làm.

TIẾT 14, 15, 16, 17, 18 - BÀI 5 THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.
- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ mối quan hệ giữa thị trường lao động và việc làm. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề liên quan đến thị trường lao động và việc làm.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến thị trường lao động và việc làm.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm; phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong giải quyết vấn đề lao động, việc làm; xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.

+ Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân khi tham gia thị trường lao động, việc làm.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về lao động và việc làm, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến lao động, việc làm, để có được việc làm phù hợp trong tương lai

3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động lao động để tạo việc làm phù hợp với lứa tuổi.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước.

*Tích hợp quyền con người

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu học sinh rút ra được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia thị trường lao động việc làm. Từ việc làm này, giáo viên giúp học sinh hiểu được, đây cũng chính là thực hiện các nội dung cơ bản của quyền con người, quyền của công dân trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

*Tích hợp phòng chống tham nhũng

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề, phân tích tình huống: Học sinh xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động (lãng phí thời gian, sức lao động)

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp.

- **Cách thức thực hiện:** GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch phát triển bản thân theo ngành nghề mong muốn; xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động; Trò chuyện với người lao động/đơn vị tuyển dụng để hiểu yêu cầu thực tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra

c) **Sản phẩm.** Hs bước đầu biết nhận xét về vấn đề lao động và việc làm cũng như vai trò của việc giải quyết vấn đề này

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sgk đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra:

Thông tin trên phản ánh vấn đề gì? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các hoạt động đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình
- *Ngày hội tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại trường Trung học phổ thông NT phản ánh về hoạt động hướng nghiệp đối với các em học sinh.*
- *Chia sẻ hiểu biết:*

+ *Hướng nghiệp là hoạt động nhằm hỗ trợ mọi cá nhân chọn lựa và phát triển chuyên môn nghề nghiệp phù hợp nhất với khả năng của cá nhân, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực nghề nghiệp (thị trường lao động).*

+ *Hướng nghiệp không dừng lại ở việc lựa chọn một nghề nghiệp mà cá nhân yêu thích. Thuật ngữ hướng nghiệp còn bao gồm đa dạng các hoạt động, từ khám phá đam mê thật sự của bản thân, đánh giá khả năng phù hợp của bản thân với nghề nghiệp, góc nhìn sâu rộng hơn về những ngành nghề trên thị trường, và quan trọng hơn là định hướng phát triển nghề nghiệp bản thân.*

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Lao động - việc làm là nhu cầu cơ bản của con người vì tạo ra của cải vật chất và sự phát triển toàn diện cho mỗi con người. Trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi, việc tạo ra hệ thống thông tin thị trường lao động và thị trường việc làm có vai trò rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp và người lao động.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm lao động

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm lao động là gì.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.**

Hs đưa ra được nhận xét của mình

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

1/ Ở thông tin 1, hoạt động của bác A nhằm mục đích gì? Theo em, lao động là gì?

2/ Lao động có vai trò như thế nào trong hoạt động kinh tế?

3/ Trong thông báo tuyển dụng, các công ty đưa ra mức lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động nhằm mục đích gì?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.

- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra

1/ - Hoạt động của bác A nhằm tạo ra các sản phẩm tranh thêu, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của khách hàng trong và ngoài nước; đồng thời cũng đem lại nguồn thu nhập để bác A trang trải cuộc sống.

- Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội.

2/ Vai trò như thế nào trong hoạt động kinh tế:

+ Trong hoạt động sản xuất, lao động được coi là yếu tố đầu vào, ảnh hưởng tới chi phí tương tự như việc sử dụng các yếu tố sản xuất khác.

+ Lực lượng lao động là một bộ phận của dân số, là người được hưởng thụ lợi ích của quá trình phát triển.

3/ Trong thông báo tuyển dụng, các công ty đưa ra mức lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động nhằm mục đích: thu hút, tuyển dụng được những lao động có tay nghề cao, phù hợp với yêu cầu công việc.

- Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm lao động, khái niệm người lao động

Gv nhấn mạnh:

Trong hoạt động sản xuất, lao động được coi là yếu tố đầu vào, ảnh hưởng tới chi phí tương tự như việc sử dụng các yếu tố sản xuất khác. Lực lượng lao động là một bộ phận của dân số, là người được hưởng thụ lợi ích của quá trình phát triển.

1. Lao động và thị trường lao động.

a. Khái niệm lao động

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội.

Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Thị trường lao động

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm thị trường lao động là gì. Hiểu được quyền của người lao động làm thuê và người sử dụng lao động.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm.

Hs trả lời được các câu hỏi mà sgk đã đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Qua thông tin 1, em hãy nhận xét tình hình cung - cầu lao động trên thị trường ở Việt Nam năm 2021.</i> <i>2/ Từ thông tin 2, em hãy xác định các chủ thể tham gia hoạt động tuyển dụng. Các yếu tố cần có trong hoạt động tuyển dụng là gì?</i> <i>3/ Em hãy xác định những quyền của em khi tham gia vào thị trường lao động?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra <i>1/ - Trong năm 2021, trên thị trường Việt Nam có sự chênh lệch giữa cung - cầu lao động, theo hướng: nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.</i> <i>=> Sự chênh lệch giữa cung - cầu lao động này đã dẫn tới việc: 3,2% lực lượng lao động trong độ tuổi bị thất nghiệp và 3,1% người lao động trong độ tuổi thiếu việc làm.</i> <i>2/ Những chủ thể tham gia vào hoạt động tuyển dụng là:</i> + Người lao động làm thuê. + Người sử dụng sức lao động. <i>- Các yếu tố cần có trong hoạt động tuyển dụng là:</i> + Nguồn cung (bao gồm cả: nguồn cung lao động và nguồn cung việc làm). + Nguồn cầu (bao gồm cả: nhu cầu làm việc và nhu cầu tuyển dụng) + Giá cả sức lao động (tiền công, tiền lương, chế độ đãi ngộ,...). *Tích hợp quyền con người <i>3/ Những quyền khi tham gia vào thị trường lao động là:</i> - Quyền bình đẳng trong thực hiện quyền lao động: tự do sử dụng sức lao động trong tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân, làm ở đâu, làm cho ai, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế. - Quyền bình đẳng giữa người lao động làm thuê và người sử dụng lao động. - Quyền bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ: về cơ hội tiếp cận việc làm, tiêu chuẩn, độ tuổi, tiền công, tiền thưởng, điều kiện lao động... Bên cạnh đó còn có	1. Lao động và thị trường lao động. b. Thị trường lao động Thị trường lao động là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động (người lao động làm thuê) và người mua sức lao động (người sử dụng sức lao động), thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả (tiền công, tiền lương) và các điều kiện làm việc khác, trên cơ sở một hợp đồng lao động bằng văn bản, bằng miệng, hoặc thông qua các dạng hợp đồng hay thoả thuận khác. Thị trường lao động được cấu thành bởi ba yếu tố: cung, cầu và giá cả sức lao động.

những quy định riêng đối với lao động nữ (vd: chế độ thai sản)

Việc các chủ thể khi tham gia vào thị trường lao động chủ động thực hiện tốt trách nhiệm của mình, tuân thủ nghĩa vụ của người khác cũng chính là góp phần thực hiện tốt các quyền cơ bản của con người về lao động và việc làm.

- Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm thị trường lao động, các yếu tố cấu thành nội dung của khái niệm thị trường lao động

Gv nhấn mạnh:

Thị trường lao động có thể hoạt động hiệu quả khi các quyền tự do mua, bán sức lao động được đảm bảo bằng luật pháp và hệ thống các chính sách liên quan đến quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia thị trường.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Việc làm và thị trường việc làm

a) Mục tiêu. HS nêu được những khái niệm việc làm, khái niệm thị trường việc làm cũng như các yếu tố cấu thành thị trường việc làm

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi trong sgk

c) Sản phẩm. Hs trả lời được câu hỏi mà sgk đưa ra

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa <i>1/ Công việc của anh M và mẹ anh có ý nghĩa thế nào đối với gia đình? Em hiểu thế nào là việc làm?</i> <i>2/ Các chủ thể tham gia các hội chợ, các phiên giao dịch việc làm nhằm mục đích gì?</i> <i>3/ Các phiên giao dịch việc làm có tác dụng như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận	2. Việc làm và thị trường việc làm Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm, Thị trường việc làm là nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định.

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời

1/ Công việc của anh M và mẹ anh có ý nghĩa:

- + *Giúp mỗi cá nhân có thu nhập để duy trì, cải thiện cuộc sống của bản thân và gia đình.*
- + *Góp phần sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, giúp duy trì và phát triển đất nước.*

2/Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm, có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người, giúp duy trì và cải thiện cuộc sống. Mỗi người có thể làm nhiều việc khác nhau: có việc làm chính thức hay việc làm không chính thức.

- *Doanh nghiệp tham gia vào các hội chợ, các phiên giao dịch việc làm nhằm mục đích:*

- + *Giới thiệu tới người lao động những thông tin về doanh nghiệp mình;*
- + *Cung cấp thông tin về nhu cầu, mức lương tuyển dụng, từ đó mong muốn tuyển được những lao động có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc.*

- *Người lao động tham gia vào các hội chợ, các phiên giao dịch việc làm nhằm mục đích:*

- + *Tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng lao động của các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp.*
- + *Tìm kiếm công việc phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân.*

3/Các phiên giao dịch việc làm có tác dụng: kết nối cung - cầu lao động trên thị trường. Cụ thể là:

- + *Cung cấp thông tin về doanh nghiệp, nhu cầu, mức lương tuyển dụng.*
- + *Giúp người lã có thông tin, tiếp cận được đến các cơ sở có nhu cầu tuyển dụng để tìm kiếm được việc làm.*

- Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được khái niệm việc làm và thị trường việc làm.

Gv nhấn mạnh:

Thị trường việc làm kết nối cung - cầu lao động trên thị trường thông qua các phiên giao dịch việc làm, các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm, các thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng,... để cung cấp thông tin cụ thể về doanh nghiệp, nhu cầu, mức lương tuyển dụng, giúp người lao động có thông tin, tiếp cận được đến các cơ sở có nhu cầu tuyển dụng để tìm kiếm được việc làm.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

a) Mục tiêu. HS nêu được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 trong sgk đưa ra và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm. HS chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>1/ Qua thông tin 1, em thấy sự lệch pha về cung - cầu lao động tại tỉnh C thể hiện như thế nào? Điều này có tác động gì đến nền kinh tế?</i> <i>2/ Thông tin 2 cho thấy thị trường việc làm có vai trò kết nối cung - cầu, giúp thị trường lao động nước ta phát triển như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời <i>1/ - Sự lệch pha về cung - cầu lao động tại tỉnh C:</i> + Các ngành kỹ sư, sửa chữa, máy tính, du lịch, công nghệ, kỹ thuật... có nhu cầu tuyển dụng cao nhưng đang thiếu hụt nguồn cung lao động. + Các ngành hành chính, ngân hàng... có nhu cầu tuyển dụng ít, nhưng lại dư thừa nguồn cung lao động. <i>2/- Tác động: sự lệch pha giữa cung và cầu về lao động đã giảm đi sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, khiến cho họ chuyển hướng đầu tư sang các tỉnh khác.</i> - Thông tin 2 cho thấy, thị trường việc làm có vai trò kết nối cung - cầu đã: + Tổ chức gần 6.000 phiên giao dịch việc làm, giới thiệu và cung ứng gần 5 triệu lượt người, 68,5% trong số đó có kết nối việc làm thành công. + Góp phần giải quyết trên 8 triệu việc làm trên phạm vi cả nước. + Giúp thị trường LĐ VN có sự chuyển biến tích cực. - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề chỉ ra được mối quan hệ qua lại giữa thị trường lao động và thị trường việc làm Gv nhấn mạnh:	3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Thông qua các dịch vụ kết nối nhà tuyển dụng và người lao động, thị trường việc làm giúp người lao động tìm được chỗ làm phù hợp, người sử dụng lao động tìm được người thích hợp, giúp cho thị trường lao động nhanh chóng đạt đến trạng thái cân bằng cung - cầu lao động.

Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Thông qua các dịch vụ kết nối nhà tuyển dụng và người lao động, thị trường việc làm giúp người lao động tìm được chỗ làm phù hợp, người sử dụng lao động tìm được người thích hợp, giúp cho thị trường lao động nhanh chóng đạt đến trạng thái cân bằng cung - cầu lao động.

TIẾT 4

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

a) Mục tiêu. HS nêu được những xu hướng cơ bản trong tuyển dụng lao động hiện nay

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, cùng đọc thông tin và trường hợp và trả lời câu hỏi trong sgk .

c) Sản phẩm. Học sinh chỉ ra được những nội dung cơ bản mà các câu hỏi đặt ra.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin và trường hợp trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa 1/ Qua thông tin 1, em có nhận xét gì về xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động ở Việt Nam? 2/Những yêu cầu đối với việc phát triển nguồn nhân lực để thực hiện định hướng phát triển đất nước trong Văn kiện đại hội Đảng XIII cho thấy xu hướng tuyển dụng lao động trên thị trường sẽ như thế nào? 3/ Em cần có trách nhiệm gì để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sgk đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Thị trường lao động ở Việt Nam đang nổi lên một số xu hướng tuyển dụng như: + Gia tăng tuyển dụng lao động ở các nhóm ngành, nghề về công nghệ cao, dịch vụ hoặc các ngành, nghề dựa trên nền tảng công nghệ. + Giảm tuyển dụng lao động ở các nhóm ngành nghề về: nông nghiệp, kỹ thuật công nghiệp giản đơn. + Tăng tuyển dụng lao động có chất lượng cao; giảm tuyển dụng lao động giản đơn.	4. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường. - Thị trường lao động ở Việt Nam đang nổi lên 4 xu hướng: Gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm; Lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; Xu hướng lao động "phi chính thức" gia tăng. - Học sinh cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp, trau dồi các kỹ năng, nắm được xu hướng phát triển của thị trường lao động, tự đánh giá sở trường, nguyện vọng và điều kiện của bản thân để lựa chọn, định hướng nghề nghiệp.

- Xu hướng tuyển dụng trên thị trường lao động luôn gắn liền với chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cùng với những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Để có được việc làm phù hợp, học sinh cần:

+ Trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp;

+ Trau dồi các kỹ năng;

+ Nắm được xu hướng phát triển của thị trường lao động;

+ Tự đánh giá sở trường, nguyện vọng và điều kiện của bản thân để lựa chọn, định hướng nghề nghiệp.

***Tích hợp, liên hệ quyền con người:**

Bản thân mỗi học sinh cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, bên cạnh đó các em cần hiểu rõ những quyền con người, quyền và nghĩa vụ lao động của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, Bộ Luật lao động để thực hiện đúng các quyền lao động; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường và TNTN.

- Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để chỉ ra được Xu hướng tuyển dụng trên thị trường lao động hiện nay, qua đó học sinh có ý thức học tập và chuẩn bị nghề nghiệp sau này.

Gv nhấn mạnh:

Xu hướng tuyển dụng trên thị trường lao động luôn gắn liền với chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước cùng với những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề, phân tích tình huống: Học sinh xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động (lãng phí thời gian, sức lao động)

Thông tin: TS xã hội học Trương Xuân Trường, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chia sẻ câu chuyện cười ra nước mắt: Nhóm người nước ngoài lần đầu đến Việt Nam cứ trầm trồ: “Hà Nội có nhiều đại gia trẻ tuổi...”. Các bạn đâu biết, trong số thanh niên được họ ngưỡng mộ qua vẻ bề ngoài có không ít “công tử, tiểu thư” bòn rút cha mẹ để đắp lên mình những món đồ đắt tiền, khẳng định đẳng cấp dân chơi. Triển khai đề tài nghiên cứu về lối sống của thanh niên các khu đô thị, vị TS này càng day dứt hơn khi tiếp xúc với các bậc phụ huynh mang nặng nỗi buồn lo lắng về những đứa con chỉ biết tiêu sài, hưởng thụ mà bê trễ bổn phận cá nhân.

Một cặp vợ chồng công tác trong ngành thủy sản sinh được một gái, một trai. Cậu con trai tên là Vũ Đức N. từ khi tốt nghiệp cấp ba đến nay đã gần mười năm vẫn chỉ rong chơi. Bố mẹ cho tiền không đủ tiêu xài thì cậu ta “ăn vạ”, hết ngồi lì ở công ty của chị gái lại đeo bám anh rể ở cơ quan lèo nhèo xin xỏ. Một ngày của N. giống như những thanh niên ăn chơi thường thấy là dậy muộn, lướt web, lên “phây”, rồi lượn phố săn hàng hiệu, tụ tập ăn uống, đi bar.

Một gia đình trí thức khác có cậu con trai duy nhất Hoàng Hải A. cũng thuộc nhóm ăn chơi vô độ. Tốt nghiệp trường trung cấp nhưng cậu ta cứ đòi bố mẹ phải tìm cho vị trí việc làm “ngồi mát, ăn bát vàng”, tại văn phòng máy lạnh mát rượi với mức thu nhập “khủng”. Loại dân chơi này bản thân không kiếm nổi đồng nào

nhưng luôn chê các cơ sở tuyển nhân viên đồng lương không đủ sống, công việc không “xứng tầm”. Họ cố tình “nhảy việc” chuyển hết chỗ này, tới chỗ khác, cuối cùng thất nghiệp trở về ăn bám cha mẹ.

Trong đợt nghỉ lễ dài ngày 30-4, 1-5 vừa qua, không ít bạn trẻ đua nhau đi du lịch khắp nơi bằng những đồng tiền ngửa tay xin bố mẹ, hoặc vay mượn người quen, hay làm thẻ ghi nợ với ngân hàng. Không chỉ du lịch ở trong nước, nhiều cô, cậu vì vu sang tận Thái-lan, Hàn Quốc, thậm chí châu Âu, Úc, Mỹ xa xôi. Những chuyến đi đó ngốn hàng chục triệu, trăm triệu đồng, nhưng thực chất không phải do mồ hôi, nước mắt bản thân mình làm ra, chỉ để thỏa mãn thói xa hoa, cứ hồn nhiên, vô tư xách va-li lên đường. Đặt chân tới đâu họ cũng không quên cập nhật lộ trình lên “phây” nhằm khoa trương, khoe mẽ với bạn dân thiên hạ.

Mẹ làm nghề buôn bán ở phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, cô con gái Đào Thùy L. suốt ngày đi spa, chải chuốt, mua sắm, sáng cà-phê, trưa nhà hàng, tối vũ trường. Dân tiểu thư vô công rồi nghề như cô nàng L. hề bị phụ huynh rầy la là bật lại: “Phải đầu tư mới có cơ hội sánh đôi cùng đại gia”. Cô lý luận, có tầm công giàu thì sướng cả đời, không phải làm gì cho cực khổ. Các cô tính vậy, nhưng những đại gia thật sự mấy khi chấp nhận kết hôn với tuýp người này? Rốt cuộc, các “tiểu thư” lại gặp đại gia...”rơm”, rồi vợ chồng trẻ tiếp tục sống bằng tiền bòn rút của cha mẹ đôi bên. Khi vợ chồng sinh con thì ông bà lại phải dốc hầu bao nuôi cháu. Nếu ông bà tuyên bố không còn khả năng chu cấp thì bố mẹ đưa trẻ sẵn sàng bỏ nhà đi. Không có tiền ăn chơi họ bán điện thoại, đặt xe, vay nặng lãi. Chủ nợ tìm đến, cha mẹ sợ con bị hành hung, lại phải xoay xở trả nợ thay...

Theo số liệu thống kê quý 1-2018, nước ta có hơn 500 nghìn thanh niên độ tuổi từ 15 đến 24 thất nghiệp, tăng đáng kể so cùng kỳ năm ngoái. Điều đáng nói là, trong số đó không ít người có cơ hội việc làm nhưng không chịu lao động. Thực tế đáng báo động này khiến cộng đồng lo lắng về hiện tượng số người trẻ sống dựa, bòn rút tiền của cha mẹ để thỏa mãn thói ăn chơi đang có xu hướng gia tăng.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề, việc làm phù hợp.

- **Cách thức thực hiện:** GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch phát triển bản thân theo ngành nghề mong muốn; xử lý các tình huống lựa chọn sai nghề, thiếu kỹ năng tham gia thị trường lao động; Trò chuyện với người lao động/đơn vị tuyển dụng để hiểu yêu cầu thực tế.

GV hướng dẫn HS tiếp tục khai thác thông tin ở nội dung tích hợp phòng chống tham nhũng để trả lời câu hỏi: *Nếu lựa chọn sai nghề có thể gây ra hậu quả gì? Làm thế nào để không lựa chọn sai nghề?*

TIẾT 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá các hiện tượng lao động và việc làm đang diễn ra trong hoạt động kinh tế một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: người lao động làm bất cứ công việc nào mà tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm thì đều được coi là có việc làm.

- **Ý kiến b. Không đồng tình**, vì: nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, ví dụ như: sự biến động của kinh tế trong và ngoài nước; quy mô và tình hình sản xuất của doanh nghiệp... Ví dụ: cuối năm 2022 - đầu năm 2023, do sự suy thoái của nền kinh tế thế giới, các doanh nghiệp ở Việt Nam rơi vào tình trạng thiếu đơn hàng, nên đã dẫn đến “làn sóng” sa thải, cắt giảm hàng loạt nhân sự.

- **Ý kiến c. đồng tình**, vì: việc chia sẻ nguồn dữ liệu về cung - cầu lao động sẽ góp phần kết nối được người lao động với nhà tuyển dụng, giúp cho: người lao động tìm được chỗ làm phù hợp và người sử dụng lao động tìm được người thích hợp.

- **Ý kiến d. Đồng tình**, vì: người lao động làm bất cứ công việc nào mà tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm thì đều được coi là có việc làm.

- **Ý kiến e. Đồng tình**, vì:

+ Bên cạnh mức lương (tiền công), thì chế độ đãi ngộ là một trong những động lực giúp người lao động tích cực, hăng hái và nhiệt tình hơn trong công việc.

+ Việc đưa ra chế độ đãi ngộ hợp lý, không chỉ giúp người lao động cải thiện đời sống vật chất, tinh thần; nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc; mà còn giúp cho doanh nghiệp: thu hút hoặc duy trì được nguồn lao động có chất lượng cao, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của lao động và việc làm đối với cá nhân để có những định hướng cụ thể sau khi ra trường.

Câu 2. Thị trường LĐ và thị trường việc làm sẽ biến động như thế nào trong các trường hợp sau?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề lao động và việc làm.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

c) Sản phẩm. HS đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm đọc suy nghĩ và đưa ra quan điểm của bản thân cho vấn đề đặt ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a:** Thị trường lao động và việc làm sẽ bị lệch pha ở một số ngành, nghề.

+ Ở những ngành nghề có nguồn cung lao động lớn nhưng nhu cầu tuyển dụng việc làm không nhiều => xuất hiện tình trạng: một bộ phận người lao động bị thất nghiệp hoặc thiếu việc làm.

+ Ở những ngành nghề có nguồn cung lao động ít, nhưng nhu cầu tuyển dụng việc làm cao => xuất hiện tình trạng: thiếu hụt lao động.

- **Trường hợp b:** Các nhà máy, xí nghiệp mới được xây dựng trong khu vực sẽ có nhu cầu tuyển dụng lao động lớn => thúc đẩy thị trường lao động và việc làm chuyển biến theo hướng tích cực. Cụ thể:

+ Người lao động tại địa phương có cơ hội lớn trong việc ứng tuyển, tìm kiếm các công việc phù hợp với bản thân. Các doanh nghiệp tại địa phương cũng có cơ hội tìm kiếm được những ứng viên phù hợp với yêu cầu công việc, giảm thiểu bớt chi phí cho hoạt động tuyển dụng,...

+ Thị trường việc làm tại địa phương cũng diễn ra sôi động hơn, nhiều hội chợ tuyển dụng, phiên giao dịch việc làm hoặc các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm... được mở ra, nhằm kết nối cung - cầu lao động.

- **Trường hợp c:**

+ Lương cơ bản là mức lương thấp nhất hay tối thiểu mà người lao động có thể nhận được khi làm việc trong một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị nào đó (không bao gồm các khoản tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp và các khoản thu nhập bổ sung). Đây là mức lương được dùng làm căn cứ tính đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động

+ Khi nhà nước công bố quy định tăng lương cơ bản cho người lao động, sẽ dẫn đến một số biến động, ví dụ như: người sử dụng lao động cần tính toán, cân đối lại các chi phí đầu vào sản xuất với tình hình phát triển của

doanh nghiệp, để từ đó đưa ra các quyết định tuyển dụng thêm hoặc cắt giảm nhân sự => thị trường lao động và việc làm có thể biến động theo hướng tăng/ giảm.

- Trường hợp d: Khi nhà nước có chủ trương chuyển từ nền kinh tế truyền thống sang kinh tế số, thị trường lao động và việc làm sẽ có sự chuyển biến theo hướng:

- + Gia tăng số lượng lao động và việc làm trên các nền tảng công nghệ.
- + Giảm số lượng lao động ở những nhóm ngành, nghề về kỹ thuật giản đơn.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những việc học sinh cần làm để có thể tham gia thị trường lao động và việc làm

Câu 3. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong các trường hợp sau

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của vấn đề lao động và việc làm

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Trường hợp a. Trong trường hợp này, bạn B nên:

- Chia sẻ, tâm sự để bố mẹ hiểu:
- + Một trong những xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay là gia tăng lao động trong các nhóm ngành, nghề kinh tế dựa trên nền tảng công nghệ. Nên việc bản thân B có mong muốn trở thành một kỹ sư công nghệ thông tin là phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, việc làm.
- + Trở thành kỹ sư công nghệ thông tin là mong muốn và đam mê của B. Nếu B từ bỏ ước mơ này, để theo học một ngành học khác mà không có đam mê (ngành Y như yêu cầu của bố mẹ) thì sẽ rất khó có thể đạt được kết quả tốt.
- Thể hiện mong muốn và thái độ quyết tâm theo đuổi ước mơ đến cùng.
- Ngoài việc tự thuyết phục bố mẹ, B cũng có thể nhờ thầy cô, những người thân khác cùng trợ giúp trong việc tư vấn, thuyết phục bố mẹ.

♦ **Trường hợp b.** Trong trường hợp này, anh H nên:

- + Cải thiện kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và một số kỹ năng mềm khác (ví dụ: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề,...) để có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc.
- + Tăng cường tham gia các hội chợ tuyển dụng, phiên giao dịch việc làm hoặc liên hệ với các trung tâm môi giới, giới thiệu việc làm... để biết thêm thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, từ đó kết nối và tìm được công việc phù hợp với năng lực của bản thân.

♦ **Trường hợp c:** Trong trường hợp này, bạn A nên:

- + Xác định được ước mơ và nghề nghiệp cụ thể, phù hợp với: sở thích, năng lực của bản thân và xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động trong và ngoài nước (ví: công dân toàn cầu” là một khái niệm không rõ ràng, cụ thể).
- + Bên cạnh kỹ năng ngoại ngữ, A cần tập trung rèn luyện thêm năng lực chuyên môn và các kỹ năng mềm khác, như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề,...

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc học sinh cần làm để có thể tham gia thị trường lao động và việc làm

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy xác định nghề mình sẽ lựa chọn trong tương lai và xây dựng kế hoạch để thực hiện sự lựa chọn đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Học sinh cần xác định được những lợi thế, điểm mạnh của bản thân để từ đó có định hướng trong việc chọn ngành nghề phù hợp

c) Sản phẩm.

Bước đầu có ý thức chuẩn bị việc làm cho bản thân một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Học sinh cần xác định được những lợi thế, điểm mạnh của bản thân để từ đó có định hướng trong việc chọn ngành nghề phù hợp

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm

- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của vấn đề lao động và việc làm.

Câu 2: Hãy tìm hiểu những thông tin về xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động Việt Nam trong 5 năm tới và chia sẻ với các bạn trong lớp..

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm tại nhà, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tài liệu tham khảo để đưa ra được những dự báo về xu hướng lao động và việc làm trong 5 năm tới

c) Sản phẩm. Bước đầu có ý thức chuẩn bị việc làm cho bản thân một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm tại nhà, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tài liệu tham khảo để đưa ra được những dự báo về xu hướng lao động và việc làm trong 5 năm tới

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm

- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của vấn đề lao động và việc làm.

TIẾT 19

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ I

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

a. Kiến thức:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở nửa đầu học học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình

- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

c. Năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

b. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung tại lớp

- Kiểm tra theo hình thức: Cấu trúc 100% trắc nghiệm theo cấu trúc đề tham khảo của Bộ từ năm 2025

- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả

- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ và năng lực được đánh giá									Tổng			Tỷ lệ % Điểm m	
			Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận							
			Biết t	Hiểu u	Vận n	Biết t	Hiểu u	Vận n	Biết t	Hiểu u	Vận n	Biết t	Hiểu u	Vận n		
1	Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	C01 C02 C03			2B	3B 2A					4	2		15	
2		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	C04 C05			3A	2D 3C 3D 2C		TL1			3	2	3	27,5	
3		Lạm phát và thất nghiệp	Bài 3: Lạm phát	C06 C07			1A	1B 1C 1D					3	3		15
4			Bài 4: Thất nghiệp	C08 C09			4A		4C			TL2	3		2	30
5		Thị trường lao động và việc làm	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	C10 C11 C12				4B 4D					3	2		12,5
Tổng số câu			12			4	8	4		1	1	16	9	5	100	
Tổng số điểm			3			1	2	1		1	2	4,0	3,0	3,0	10	
Tỷ lệ %			30			40			30			40	30	30	100	

V. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Chủ đề	Bài	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Thứ tự câu	Mức độ và năng lực được đánh giá								
						Nhiều lựa chọn			Đúng sai			Tự luận		
						Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận	Biết	Hiểu	Vận
1	Cạnh tranh, cung cầu trong nền kinh tế thị trường	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Biết	Nêu được khái niệm cạnh tranh	C01	NL. 1								
2		Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Biết	Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh	C02	NL. 1								
3		Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Biết	Phân tích được vai trò của cạnh tranh	C03	NL. 1								
4		Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Hiểu	Đánh giá được vấn đề cạnh tranh không lành mạnh	3B					NL. 1				
5		Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Hiểu	Đánh giá được vấn đề cạnh tranh không lành mạnh	2A					NL. 1				
6		Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Biết	Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh	2B				NL. 1					
7		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Biết	Nêu được các yếu tố ảnh hưởng tới cung hàng hóa	C04	NL. 1								
8		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Biết	Phân tích được mối quan hệ cung cầu	C05	NL. 1								

9	Lạm phát và thất nghiệp	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Biết	Phân tích được mối quan hệ cung cầu	3A				NL. 1				
10		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Vận	Vận dụng được mối quan hệ cung cầu	3C					NL. 3			
11		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Vận	Vận dụng được mối quan hệ cung cầu	3D					NL. 3			
12		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Vận	Vận dụng được mối quan hệ cung cầu	2C					NL. 3			
13		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Hiểu	Đánh giá được việc nhà nước vận dụng quan hệ cung cầu	2D				NL. 1				
14		Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	Hiểu	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới cung cầu và việc vận dụng quan hệ cung cầu	TL 1							NL. 1	
15		Bài 3: Lạm phát	Biết	Liệt kê được các loại hình lạm phát	C06	NL. 1							
16		Bài 3: Lạm phát	Biết	Mô tả được hậu quả của lạm phát.	C07	NL. 1							
17		Bài 3: Lạm phát	Biết	Phân biệt được các loại hình lạm phát	1A				NL. 1				
18		Bài 3: Lạm phát	Hiểu	Đánh giá được nguyên nhân dẫn đến lạm phát	1B					NL. 1			
19		Bài 3: Lạm phát	Hiểu	Đánh giá được các giải pháp kiềm chế lạm phát	1C					NL. 1			

			của nhà nước										
20	Bài 3: Lạm phát	Hiểu	Đánh giá được các giải pháp kiềm chế lạm phát của nhà nước	1D					NL. 1				
21	Bài 4: Thất nghiệp	Biết	Nêu được khái niệm thất nghiệp	C08	NL. 1								
22	Bài 4: Thất nghiệp	Biết	Liệt kê được các loại hình thất nghiệp	C09	NL. 1								
23	Bài 4: Thất nghiệp	Biết	Xác định được một số loại hình thất nghiệp	4A				NL. 1					
24	Bài 4: Thất nghiệp	Vận	Đánh giá được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	4C						NL. 3			
25	Bài 4: Thất nghiệp	Vận	Xác định được một số loại hình thất nghiệp	TL 2									NL. 3
26	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	Biết	Nêu được khái niệm thị trường lao động	C10	NL. 1								
27	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	Biết	Nêu được khái niệm việc làm	C11	NL. 1								
28	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	Biết	Nêu được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường	C12	NL. 1								
29	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	Hiểu	Đánh giá được vấn đề việc làm	4B					NL. 1				
30	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	Hiểu	Xác định được các chủ thể tham gia	4D					NL. 1				

			vào thị trường lao động										
Tổng số câu					12			4	8	4		1	1
Tổng số điểm					3			1	2	1		1	2
Tỷ lệ %					30			40			30		

VI. ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 1

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa để thu được lợi nhuận là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức. B. tranh giành. C. canh tranh. D. đấu tranh.

Câu 2: Một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

- A. điều kiện sản xuất. B. giá trị thặng dư.
C. nguồn gốc nhân thân. D. quan hệ tài sản.

Câu 3: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc người sản xuất vì mục đích giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đổi mới quản lý sản xuất. B. kích thích đầu cơ găm hàng.
C. khai thác cạn kiệt tài nguyên. D. hủy hoại môi trường sống.

Câu 4: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Giá cả của hàng hóa đem bán. B. Thu nhập của người tiêu dùng.
C. Nguồn gốc xuất thân doanh nghiệp. D. Giá cả của các hàng hóa cùng loại.

Câu 5: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ tăng điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung tăng lên. C. Cung không đổi. D. Cung bằng cầu.

Câu 6: Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

- A. lam phát vừa phải. B. lam phát phi mã. C. siêu lam phát. D. lam phát tuyệt đối.

Câu 7: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về hậu quả của lạm phát?

- A. Lạm phát làm giảm thu nhập thực tế của người lao động.
B. Lạm phát gia tăng tình trạng phân hóa giàu – nghèo.
C. Lạm phát làm tăng thu nhập thực tế của người lao động.
D. Lạm phát làm gia tăng tình trạng thất nghiệp và đói nghèo.

Câu 8: Tình trạng người lđộng mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. thu nhập. D. khủng hoảng.

Câu 9: Người lao động không có việc làm trong thời gian chuyển đổi giữa các công việc thuộc loại hình thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp cơ cấu. B. Thất nghiệp tạm thời.
C. Thất nghiệp chu kì. D. Thất nghiệp thời vụ.

Câu 10: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường lao động. B. thị trường tài chính.
C. thị trường tiền tệ. D. thị trường công nghệ

Câu 11: Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp. B. lao động. C. việc làm. D. sức lao động.

Câu 12: Trong bối cảnh nền ktế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lđộng trong lĩnh vực CN có xu hướng

- A. giảm. B. tăng. C. giữ nguyên. D. không đổi.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Yếu tố cơ bản khiến CPI năm 2022 tăng nhanh là do giá xăng dầu tăng làm cho chi phí sản xuất tăng lên, bên cạnh đó, việc triển khai Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế năm 2022 – 2023 với quy mô 350000 tỉ đồng cùng với các gói hỗ trợ của năm 2021 đang lan toả vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế,... cũng làm tăng tổng cầu như: dân cư tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hóa và dịch vụ. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn phải sa thải hoặc cho công nhân ngừng việc khiến thu nhập của một bộ phận người lao động gặp khó khăn.

a) Chỉ số CPI 3,15% phản ánh nền kinh tế nước ta đang ở mức lạm phát vừa phải. *Đúng, đây là ngưỡng lạm phát thấp vì vẫn dưới 2 con số.*

b) Các doanh nghiệp sa thải lao động là nguyên nhân chính dẫn đến lạm phát trong năm 2022. *Sai, năm 2022 lạm phát tăng là do chi phí sản xuất tăng.*

c) Nhà nước đưa 350000 tỉ đồng vào nền kinh tế là giải pháp để kiềm chế lạm phát. *Sai, đây là gói kích thích kinh tế sau những năm bị dịch bệnh, không phải là gói tài chính để kiềm chế lạm phát.*

d) DN chủ động sa thải công nhân sẽ góp phần giúp tình hình lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát tốt trong các năm tiếp theo. *Sai, việc nhiều doanh nghiệp sa thải công nhân sẽ càng tác động tiêu cực tới tình hình lạm phát*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Bước vào đầu năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam có dấu hiệu chững lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài. Để kích thích nhu cầu mua sắm, nhiều hãng xe và đại lý đã tung ra loạt chương trình ưu đãi hấp dẫn, giảm giá mạnh trên nhiều mẫu xe. Honda City được hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ, Honda CR-V giảm 100% lệ phí trước bạ. Trong phân khúc sedan hạng B, Kia Soluto cũng thu hút sự chú ý khi được hãng giảm giá 21 - 22 triệu đồng. Không đứng ngoài cuộc đua, nhiều thương hiệu khác như Toyota, Mitsubishi, Suzuki, Subaru... cũng áp dụng mức giảm từ hàng chục đến hàng trăm triệu đồng. Mitsubishi Việt Nam hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ cho hầu hết các mẫu xe trong tháng 2/2025. Toyota Vios giảm giá 23-27 triệu đồng tùy phiên bản, Avanza giảm 28-30 triệu đồng, trong khi Veloz giảm 32-33 triệu đồng, tương đương 50% lệ phí trước bạ.

a) Toyota Vios giảm giá 23-27 triệu đồng tùy phiên bản, Avanza giảm 28-30 triệu đồng là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. *Sai, việc giảm giá này căn cứ vào đặc thù từng hãng xe và không vi phạm pháp luật.*

b) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các hãng xe ô tô là do các hãng xe này phá sản. *Sai, việc cạnh tranh này nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa không đồng nghĩa với việc phá sản*

c) Các hãng xe cạnh tranh nhau phản ánh xu hướng cung đang lớn hơn cầu về mặt hàng ô tô tại Việt Nam. *Đúng, việc tăng khuyến mại này nhằm kích cầu tiêu dùng*

d) Nhà nước có biện pháp xử lý nghiêm các hãng có hành vi khuyến mại giảm giá xe để bình ổn thị trường. *Sai, việc khuyến mại, giảm giá xe này phù hợp với cơ chế thị trường và được nhà nước khuyến khích.*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Giá thịt heo hơi trên cả nước trong tháng 1-2025 tăng khoảng 10-12% so với bình quân các tháng cuối năm 2024, dao động trung bình từ 66.000 - 69.000 đồng/kg. Sang tháng 2-2025, giá bình quân dao động khoảng 72.000 - 78.000 đồng/kg, tăng 15-18% so với thời điểm đầu tháng 1-2025. Đầu tháng 3-2025, giá thịt heo hơi tiếp tục tăng mạnh, nhất là tại một số tỉnh khu vực Nam Trung Bộ giá 79.000 - 82.000 đồng/kg và giá cao nhất tại tỉnh Đồng Nai là 83.000 đồng/kg. Theo Cục Chăn nuôi và Thú y, giá thịt heo hơi tăng là do những tháng cuối năm 2024, một số dịch bệnh xảy ra tại các tỉnh khu vực phía Nam gây thiệt hại đàn heo nái. Cùng với đó là các tỉnh Đông Nam Bộ đã thắt chặt quản lý môi trường, di dời trang trại lớn, chăn nuôi gia công ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi theo quy định dẫn đến thiếu hụt cục bộ như hiện nay.

a) Giá thịt heo hơi tăng liên tục phản ánh hiện tượng cung lớn hơn cầu. *Sai, ở đây phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu nên khiến giá cả tăng.*

b) Giá thịt heo hơi ở miền Bắc và Miền Nam có sự chênh lệch về giá điều này phản ánh hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh. *Sai, giá cả được hình thành gắn với nhiều điều kiện sản xuất, ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ hình thành nên giá cả khác nhau.*

c) Người tiêu dùng nên điều chỉnh từ việc sử dụng thịt lợn sang sử dụng các sản phẩm khác thay thế là vận dụng tốt quan hệ cung cầu vào thời điểm này. *Đúng, việc lựa chọn các sản phẩm thay thế sẽ góp phần giúp người tiêu dùng chi tiêu hợp lý khi giá cả đang tăng cao.*

d) Để ổn định cung cầu về thịt lợn, Nhà nước sử dụng biện pháp cưỡng chế yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp hạ giá thành là giải pháp phù hợp. *Sai, đây là biện pháp không khả thi, vì theo cơ chế thị trường tự điều tiết, nhà nước có thể sử dụng các công cụ như lãi suất thuế để ổn định quan hệ cung cầu.*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Chị H, chị M, anh P và chị Q là nhân viên của công ty Z, do tác động của việc Mỹ áp thuế đối ứng khiến công ty gặp khó khăn phải tiến hành cắt giảm nhân sự. Chị H do không đáp ứng yêu cầu nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc, sau đó chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao nhưng bị cắt giảm thu nhập nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kd. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

- a) Anh L là đối tượng đang thất nghiệp. *Đúng, anh L tại thời điểm hiện tại vẫn chưa tìm được việc làm cho mình*
b) Chị Q chưa tìm được việc làm vì chị mới trong thời gian tập sự. *Sai, trong thời gian làm tập sự cũng được coi là đã có việc làm.*
c) Nguyên nhân anh L thất nghiệp là do yếu tố khách quan. *Sai, nguyên nhân anh L thất nghiệp là do yếu tố chủ quan, do anh không hài lòng với thu nhập của công việc.*
d) Chị H, chị M đều là những chủ thể tham gia vào thị trường lao động. *Đúng vì cả 2 đều là những người cung cấp sức lao động để ký kết hợp đồng lao động*

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1 điểm): Hiệp hội các nhà sản xuất chăn ga gối đệm dự báo nhu cầu của người tiêu dùng tăng cao và khuyến nghị các cơ sở sản xuất cần đẩy mạnh sản xuất trước nhiều tháng. Tuy nhiên khi bước vào mùa đông, do sự biến đổi của thời tiết, nhiệt độ tăng cao, cả mùa đông chỉ có một vài đợt rét nhỏ nên nhu cầu các sản phẩm mùa đông rất hạn chế, các nhà sản xuất tồn kho nhiều. Nhiều doanh nghiệp có nguy cơ thua lỗ, phá sản. *Trong thông tin trên, yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp tới cung về mặt hàng chăn ga gối đệm? Để vượt qua khó khăn trong giai đoạn này, các nhà sản xuất có giải pháp gì để phù hợp với quan hệ cung cầu?*

Câu 2 (2 điểm): Để có điều kiện chăm sóc và giáo dục con, vợ chồng anh D và chị H quyết định nghỉ việc tại công ty X chuyển về quê sinh sống cùng các con. Trong thời gian này, anh D đã hoàn thiện hồ sơ để xin hưởng trợ cấp thất nghiệp, chị H chủ động nộp hồ sơ vào một số công ty để tìm kiếm việc làm mới. Nhận thấy nhu cầu về cung cấp suất ăn cho công nhân tại địa bàn rất lớn trong khi các nhà cung cấp còn hạn chế. Sau khi trao đổi và được sự ủng hộ của chồng, chị H đã mạnh dạn vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội, đồng thời tích cực tìm hiểu học hỏi kinh nghiệm qua sách báo để thực hiện ý tưởng của mình. Sau thời gian khó khăn ban đầu, cơ sở cung cấp suất ăn của anh D và chị H dần đi vào hoạt động hiệu quả. Với tiêu chí đề cao chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm lên hàng đầu, nhiều doanh nghiệp và cơ sở sản xuất sau thời gian tìm hiểu đã quyết định ký hợp đồng dài hạn với cơ sở của anh D và chị H.

Trước khi mở dịch vụ cung cấp suất ăn cho công nhân, loại hình thất nghiệp của anh D là thuộc loại hình thất nghiệp nào? Trong thông tin trên, Nhà nước đã có những giải pháp nào để kiểm chế và kiểm soát thất nghiệp?

ĐỀ SỐ 2

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành những điều kiện thuận lợi trong sản xuất, mua bán, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ để có thể thu về lợi ích kinh tế cao nhất là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức. B. tranh giành. C. canh tranh. D. đấu tranh.

Câu 2: Một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do

- A. sự khác nhau xuất thân. B. chính sách của nhà nước.
C. chi phí sản xuất bằng nhau. D. điều kiện sản xuất khác nhau.

Câu 3: Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc người sản xuất vì mục đích giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu tư đổi mới công nghệ. B. bán hàng giả gây rối thị trường.
C. xả trực tiếp chất thải ra môi trường. D. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.

Câu 4: Trong nền kinh tế thị trường, yếu tố nào dưới đây **không** ảnh hưởng tới cung hàng hóa?

- A. Kỳ vọng của người sản xuất. B. Tâm lý của người tiêu dùng.
C. Nhân thân của người tiêu dùng. D. Thị hiếu của người tiêu dùng.

Câu 5: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ giảm điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung tăng lên. C. Cung không đổi. D. Cung bằng cầu.

Câu 6: Trong nền kt, khi lạm phát ở mức độ phi mã nó thể hiện ở mức độ tăng của giá cả hàng hóa, dịch vụ từ

- A. hai con số trở lên. B. một con số trở lên. C. không đến có. D. bốn con số trở lên.

Câu 7: Việc làm nào dưới đây của nhà nước **không** góp phần vào việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát?

- A. Giảm mức cung tiền đưa ra nền kinh tế. B. Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. Tăng mức cung tiền và tăng chi tiêu công. D. Hỗ trợ thu nhập cho người lao động khó khăn.

Câu 8: Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được

- A. vị trí. B. việc làm. C. bạn đời. D. chỗ ở.

Câu 9: Người ldộng không có việc làm trong thời gian chuyển đổi chỗ ở thuộc loại hình thất nghiệp nào sau đây?

- A. Thất nghiệp cơ cấu. B. Thất nghiệp tam thời.
C. Thất nghiệp chu kì. D. Thất nghiệp thời vụ.

Câu 10: Nơi thực hiện các quan hệ thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động về tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động thuộc nội dung của khái niệm nào sau đây?

- A. Thị trường lao động. B. Hợp đồng lao động.
C. Thị trường kinh doanh. D. Hợp đồng tiền lương.

Câu 11: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật

- A. bắt buộc. B. cấm. C. không cấm. D. quy định.

Câu 12: Trong bối cảnh nền kt nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng ldộng trong lĩnh vực dvụ có xu hướng

- A. giảm. B. tăng. C. giữ nguyên. D. không đổi.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Yếu tố cơ bản khiến CPI năm 2022 tăng nhanh là do giá xăng dầu tăng làm cho chi phí sản xuất tăng lên, bên cạnh đó, việc triển khai Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế năm 2022 – 2023 với quy mô 350000 tỉ đồng cùng với các gói hỗ trợ của năm 2021 đang lan toả vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế,... cũng làm tăng tổng cầu như: dân cư tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hóa và dịch vụ. Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn phải sa thải hoặc cho công nhân ngừng việc khiến thu nhập của một bộ phận người lao động gặp khó khăn.

- a) Năm 2022 nước ta lạm phát ở mức độ vừa phải. *Đúng, 3,15 % đây là ngưỡng lạm phát thấp vì vẫn dưới 2 con số.*
b) Thất nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lạm phát trong năm 2022. *Sai, năm 2022 lạm phát tăng là do chi phí sản xuất tăng.*
c) Gói hỗ trợ 350.000 tỉ đồng là giải pháp của Chính phủ để kiềm chế tình trạng lạm phát. *Sai, đây là gói kích thích kinh tế sau những năm bị dịch bệnh, không phải là gói tài chính để kiềm chế lạm phát.*
d) Các doanh nghiệp sa thải lao động là giải pháp phù hợp để giúp chỉ số CPI giảm xuống. *Sai, đây là hậu quả của lạm phát, khi giá cả đầu vào tăng, nhiều doanh nghiệp cạnh tranh khó khăn dẫn đến sa thải lao động.*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Bước vào đầu năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam có dấu hiệu chững lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài. Để kích thích nhu cầu mua sắm, nhiều hãng xe và đại lý đã tung ra loạt chương trình ưu đãi hấp dẫn, giảm giá mạnh trên nhiều mẫu xe. Honda City được hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ, Honda CR-V giảm 100% lệ phí trước bạ. Trong phân khúc sedan hạng B, Kia Soluto cũng thu hút sự chú ý khi được hãng giảm giá 21 - 22 triệu đồng. Không đứng ngoài cuộc đua, nhiều thương hiệu khác như Toyota, Mitsubishi, Suzuki, Subaru... cũng áp dụng mức giảm từ hàng chục đến hàng trăm triệu đồng. Mitsubishi Việt Nam hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ cho hầu hết các mẫu xe trong tháng 2/2025. Toyota Vios được giảm giá 23-27 triệu đồng tùy phiên bản, Avanza giảm 28-30 triệu đồng, trong khi Veloz giảm 32-33 triệu đồng, tương đương 50% lệ phí trước bạ.

- a) Hãng xe Honda City được hỗ trợ 50%, Honda CR-V giảm 100% lệ phí trước bạ là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. *Sai, việc giảm giá này căn cứ vào đặc thù từng hãng xe và không vi phạm pháp luật.*

- b) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các hãng xe ô tô là do các hãng xe này phá sản. *Sai, việc cạnh tranh này nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa không đồng nghĩa với việc phá sản*
- c) Các hãng xe cạnh tranh nhau phản ánh xu hướng cung đang nhỏ hơn cầu về mặt hàng ô tô tại Việt Nam. *Sai, việc tăng khuyến mại này nhằm kích cầu tiêu dùng*
- d) Nhà nước cần động viên, khuyến khích các hãng xe khuyến mại, giảm giá nhằm mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. *Đúng, việc khuyến mại, giảm giá xe này phù hợp với cơ chế thị trường và được nhà nước khuyến khích.*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Giá thịt heo hơi trên cả nước trong tháng 1-2025 tăng khoảng 10-12% so với bình quân các tháng cuối năm 2024, dao động trung bình từ 66.000 - 69.000 đồng/kg. Sang tháng 2-2025, giá bình quân dao động khoảng 72.000 - 78.000 đồng/kg, tăng 15-18% so với thời điểm đầu tháng 1-2025. Đầu tháng 3-2025, giá thịt heo hơi tiếp tục tăng mạnh, nhất là tại một số tỉnh khu vực Nam Trung Bộ giá 79.000 - 82.000 đồng/kg và giá cao nhất tại tỉnh Đồng Nai là 83.000 đồng/kg. Theo Cục Chăn nuôi và Thú y, giá thịt heo hơi tăng là do những tháng cuối năm 2024, một số dịch bệnh xảy ra tại các tỉnh khu vực phía Nam gây thiệt hại đàn heo nái. Cùng với đó là các tỉnh Đông Nam Bộ đã thắt chặt quản lý môi trường, di dời trang trại lớn, chăn nuôi gia công ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi theo quy định dẫn đến thiếu hụt cục bộ như hiện nay.

- a) Giá thịt heo hơi tăng liên tục phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu. *Đúng, ở đây phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu nên khiến giá cả tăng.*
- b) Giá thịt heo hơi giữa các vùng khác nhau phản ánh vấn đề cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp sản xuất. *Sai, giá cả được hình thành gắn với nhiều điều kiện sản xuất, ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ hình thành nên giá cả khác nhau.*
- c) Trước diễn biến giá thịt lợn tăng cao, người tiêu dùng nên chủ động lựa chọn các mặt hàng thay thế cùng loại là phù hợp. *Đúng, việc lựa chọn các sản phẩm thay thế sẽ góp phần giúp người tiêu dùng chi tiêu hợp lý khi giá cả đang tăng cao.*
- d) Để ổn định cung cầu về thịt lợn, Nhà nước cần tăng cường nhập khẩu lợn hơi để cân bằng cung cầu trong nước là giải pháp phù hợp. *Đúng, việc tăng cường nhập khẩu sẽ góp phần ổn định được quan hệ cung cầu.*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Chị H, chị M, anh P và chị Q là nhân viên của công ty Z, do tác động của việc Mỹ áp thuế đối ứng khiến công ty gặp khó khăn phải tiến hành cắt giảm nhân sự. Chị H do không đáp ứng yêu cầu nên đã bị sa thải và được nhận trợ cấp thôi việc, sau đó chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao nhưng bị cắt giảm thu nhập nên đã nghỉ việc và nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kd. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức.

- a) Chị M là đối tượng đang thất nghiệp. *Đúng, chị M tại thời điểm hiện tại vẫn chưa tìm được việc làm cho mình*
- b) Chị H là người đã tìm kiếm được việc làm mới. *Đúng, việc bán hàng tạp hóa là công việc giúp chị tạo ra thu nhập*
- c) Nguyên nhân dẫn đến chị H thất nghiệp là do yếu tố khách quan. *Sai, nguyên nhân thất nghiệp là do yếu tố chủ quan, do chị H không đáp ứng được yêu cầu của công việc*
- d) Anh P và chị Q đều là những chủ thể tham gia vào thị trường lao động. *Đúng vì cả 2 đều là những người cung cấp sức lao động để ký kết hợp đồng lao động*

PHẦN III. Tự luận

Câu 1 (1 điểm): Hiệp hội các nhà sản xuất chăn ga gối đệm dự báo nhu cầu của người tiêu dùng tăng cao. Và khuyến nghị các cơ sở sản xuất cần đẩy mạnh sản xuất trước nhiều tháng. Tuy nhiên khi bước vào mùa đông, do sự biến đổi của thời tiết, nhiệt độ tăng cao, cả mùa đông chỉ có một vài đợt rét nhỏ nên nhu cầu các sản phẩm mùa đông rất hạn chế, các nhà sản xuất tồn kho nhiều. Nhiều doanh nghiệp có nguy cơ thua lỗ, phá sản.

Trong thông tin trên, yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp tới cầu về mặt hàng chăn ga gối đệm? Để vượt qua khó khăn trong giai đoạn này, Nhà nước cần có giải pháp gì để phù hợp với quan hệ cung cầu

Câu 2 (2 điểm): Để có điều kiện chăm sóc và giáo dục con, vợ chồng anh D và chị H quyết định nghỉ việc tại công ty X chuyển về quê sinh sống cùng các con. Trong thời gian này, anh D đã hoàn thiện hồ sơ để xin hưởng trợ cấp thất nghiệp, chị H chủ động nộp hồ sơ vào một số công ty để tìm kiếm việc làm mới. Nhận thấy nhu cầu

về cung cấp suất ăn cho công nhân tại địa bàn rất lớn trong khi các nhà cung cấp còn hạn chế. Sau khi trao đổi và được sự ủng hộ của chồng, chị H đã mạnh dạn vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội, đồng thời tích cực tìm hiểu học hỏi kinh nghiệm qua sách báo để thực hiện ý tưởng của mình. Sau thời gian khó khăn ban đầu, cơ sở cung cấp suất ăn của anh D và chị H dần đi vào hoạt động hiệu quả. Với tiêu chí đề cao chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm lên hàng đầu, nhiều doanh nghiệp và cơ sở sản xuất sau thời gian tìm hiểu đã quyết định ký hợp đồng dài hạn với cơ sở của anh D và chị H.

Trước khi mở dịch vụ cung cấp suất ăn cho công nhân, loại hình thất nghiệp của chị H là thuộc loại hình thất nghiệp nào? Trong thông tin trên, để tìm kiếm được việc làm và hạn chế thất nghiệp, anh D và chị H đã thể hiện trách nhiệm như thế nào?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1

ĐỀ SỐ 01

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	7	C
2	A	8	A
3	A	9	B
4	C	10	A
5	B	11	C
6	A	12	B

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	Đ	a) Chỉ số CPI 3,15% phản ánh nền kinh tế nước ta đang ở mức lạm phát vừa phải. <i>Đúng, đây là ngưỡng lạm phát thấp vì vẫn dưới 2 con số.</i>
	b	S	b) Các doanh nghiệp sa thải lao động là nguyên nhân chính dẫn đến lạm phát trong năm 2022. <i>Sai, năm 2022 lạm phát tăng là do chi phí sản xuất tăng.</i>
	c	S	c) Nhà nước đưa 350000 tỉ đồng vào nền kinh tế là giải pháp để kiềm chế lạm phát. <i>Sai, đây là gói kích thích kinh tế sau những năm bị dịch bệnh, không phải là gói tài chính để kiềm chế lạm phát.</i>
	d	S	d) Doanh nghiệp chủ động sa thải công nhân sẽ góp phần giúp tình hình lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát tốt trong các năm tiếp theo. <i>Sai, việc nhiều doanh nghiệp sa thải công nhân sẽ càng tác động tiêu cực tới tình hình lạm phát</i>
2	a	S	a) Toyota Vios giảm giá 23-27 triệu đồng tùy phiên bản, Avanza giảm 28-30 triệu đồng là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. <i>Sai, việc giảm giá này căn cứ vào đặc thù từng hãng xe và không vi phạm pháp luật.</i>
	b	S	b) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các hãng xe ô tô là do các hãng xe này phá sản. <i>Sai, việc cạnh tranh này nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa không đồng nghĩa với việc phá sản</i>
	c	Đ	c) Các hãng xe cạnh tranh nhau phản ánh xu hướng cung đang lớn hơn cầu về mặt hàng ô tô tại Việt Nam. <i>Đúng, việc tăng khuyến mại này nhằm kích cầu tiêu dùng</i>
	d	S	d) Nhà nước có biện pháp xử lý nghiêm các hãng có hành vi khuyến mại giảm giá xe để bình ổn thị trường. <i>Sai, việc khuyến mại, giảm giá xe này phù hợp với cơ chế thị trường và được nhà nước khuyến khích.</i>

3	a	S	a) Giá thịt heo hơi tăng liên tục phản ánh hiện tượng cung lớn hơn cầu. <i>Sai, ở đây phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu nên khiến giá cả tăng.</i>
	b	S	b) Giá thịt heo hơi ở miền Bắc và Miền Nam có sự chênh lệch về giá điều này phản ánh hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh. <i>Sai, giá cả được hình thành gắn với nhiều điều kiện sản xuất, ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ hình thành nên giá cả khác nhau.</i>
	c	Đ	c) Người tiêu dùng nên điều chỉnh từ việc sử dụng thịt lợn sang sử dụng các sản phẩm khác thay thế là vận dụng tốt quan hệ cung cầu vào thời điểm này. <i>Đúng, việc lựa chọn các sản phẩm thay thế sẽ góp phần giúp người tiêu dùng chi tiêu hợp lý khi giá cả đang tăng cao.</i>
	d	S	d) Để ổn định cung cầu về thịt lợn, Nhà nước sử dụng biện pháp cưỡng chế yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp hạ giá thành là giải pháp phù hợp. <i>Sai, đây là biện pháp không khả thi, vì theo cơ chế thị trường tự điều tiết, nhà nước có thể sử dụng các công cụ như lãi suất thuế để ổn định quan hệ cung cầu.</i>
4	a	Đ	a) Anh L là đối tượng đang thất nghiệp. <i>Đúng, anh L tại thời điểm hiện tại vẫn chưa tìm được việc làm cho mình</i>
	b	S	b) Chị Q chưa tìm được việc làm vì chị mới trong thời gian tập sự. <i>Sai, trong thời gian làm tập sự cũng được coi là đã có việc làm.</i>
	c	S	c) Nguyên nhân anh L thất nghiệp là do yếu tố khách quan. <i>Sai, nguyên nhân anh L thất nghiệp là do yếu tố chủ quan, do anh không hài lòng với thu nhập của công việc.</i>
	d	Đ	d) Chị H, chị M đều là những chủ thể tham gia vào thị trường lao động. <i>Đúng vì cả 2 đều là những người cung cấp sức lao động để ký kết hợp đồng lao động</i>

Phần III: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới cung trong thông tin trên đó là do nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng giảm mạnh khiến trong khi cung về mặt hàng này tăng - Giải pháp đối với doanh nghiệp trong giai đoạn này để phù hợp với quan hệ cung cầu + Tìm kiếm các thị trường mới. + Thu hẹp sản xuất và tăng chính sách khuyến mãi để bán hàng + Đề xuất nhà nước có cơ chế hỗ trợ về giá và lãi suất để duy trì sản xuất	1 điểm
Câu 2	- Trước khi mở dịch vụ cung cấp suất ăn cho công nhân, loại hình thất nghiệp của anh D là thuộc loại hình thất nghiệp tạm thời - Trách nhiệm của nhà nước trong kiểm chế và kiểm soát thất nghiệp là + Ban hành chính sách để ưu đãi về vốn và hỗ trợ học nghề + Hoàn thiện chính sách về hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp	2 điểm

ĐỀ SỐ 02

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	7	C
2	D	8	B
3	A	9	B
4	C	10	A
5	A	11	C
6	A	12	B

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	Đ	a) Năm 2022 nước ta lạm phát ở mức độ vừa phải. <i>Đúng, 3,15 % đây là ngưỡng lạm phát thấp vì vẫn dưới 2 con số.</i>
	b	S	b) Thất nghiệp là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lạm phát trong năm 2022. <i>Sai, năm 2022 lạm phát tăng là do chi phí sản xuất tăng.</i>
	c	S	c) Gói hỗ trợ 350.000 tỉ đồng là giải pháp của Chính phủ để kiềm chế tình trạng lạm phát. <i>Sai, đây là gói kích thích kinh tế sau những năm bị dịch bệnh, không phải là gói tài chính để kiềm chế lạm phát.</i>
	d	S	d) Các doanh nghiệp sa thải lao động là giải pháp phù hợp để giúp chỉ số CPI giảm xuống. <i>Sai, đây là hậu quả của lạm phát, khi giá cả đầu vào tăng, nhiều doanh nghiệp cạnh tranh khó khăn dẫn đến sa thải lao động.</i>
2	a	S	a) Hãng xe Honda City được hỗ trợ 50%, Honda CR-V giảm 100% lệ phí trước bạ là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. <i>Sai, việc giảm giá này căn cứ vào đặc thù từng hãng xe và không vi phạm pháp luật.</i>
	b	S	b) Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng cạnh tranh giữa các hãng xe ô tô là do các hãng xe này phá sản. <i>Sai, việc cạnh tranh này nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa không đồng nghĩa với việc phá sản</i>
	c	S	c) Các hãng xe cạnh tranh nhau phản ánh xu hướng cung đang nhỏ hơn cầu về mặt hàng ô tô tại Việt Nam. <i>Sai, việc tăng khuyến mại này nhằm kích cầu tiêu dùng</i>
	d	Đ	d) Nhà nước cần động viên, khuyến khích các hãng xe khuyến mại, giảm giá nhằm mang lại lợi ích cho người tiêu dùng. <i>Đúng, việc khuyến mại, giảm giá xe này phù hợp với cơ chế thị trường và được nhà nước khuyến khích.</i>
3	a	Đ	a) Giá thịt heo hơi tăng liên tục phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu. <i>Đúng, ở đây phản ánh hiện tượng cung nhỏ hơn cầu nên khiến giá cả tăng.</i>
	b	S	b) Giá thịt heo hơi giữa các vùng khác nhau phản ánh vấn đề cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp sản xuất. <i>Sai, giá cả được hình thành gắn với nhiều điều kiện sản xuất, ở mỗi vùng miền khác nhau sẽ hình thành nên giá cả khác nhau.</i>
	c	Đ	c) Trước diễn biến giá thịt lợn tăng cao, người tiêu dùng nên chủ động lựa chọn các mặt hàng thay thế cùng loại là phù hợp. <i>Đúng, việc lựa chọn các sản phẩm thay thế sẽ góp phần giúp người tiêu dùng chi tiêu hợp lý khi giá cả đang tăng cao.</i>
	d	Đ	d) Để ổn định cung cầu về thịt lợn, Nhà nước cần tăng cường nhập khẩu lợn hơi để cân bằng cung cầu trong nước là giải pháp phù hợp. <i>Đúng, việc tăng cường nhập khẩu sẽ góp phần ổn định được quan hệ cung cầu</i>
4	a	Đ	a) Chị M là đối tượng đang thất nghiệp. <i>Đúng, chị M tại thời điểm hiện tại vẫn chưa tìm được việc làm cho mình</i>
	b	Đ	b) Chị H là người đã tìm kiếm được việc làm mới. <i>Đúng, việc bán hàng tạp hóa là công việc giúp chị tạo ra thu nhập</i>
	c	S	c) Nguyên nhân dẫn đến chị H thất nghiệp là do yếu tố khách quan. <i>Sai, nguyên nhân thất nghiệp là do yếu tố chủ quan, do chị H không đáp ứng được yêu cầu của công việc</i>
	d	Đ	d) Anh P và chị Q đều là những chủ thể tham gia vào thị trường lao động. <i>Đúng vì cả 2 đều là những người cung cấp sức lao động để ký kết hợp đồng lao động</i>

Phần III: Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới cầu trong thông tin trên đó là do nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng giảm mạnh khiến cho cầu về mặt hàng này giảm mạnh - Giải pháp đối với Nhà nước trong giai đoạn này để giúp các DN vượt qua khó khăn + Hỗ trợ về lãi xuất: Giảm, giãn, gia hạn hoặc tiếp tục cho vay ưu đãi + Hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm các thị trường mới + Cung cấp các thông tin về thị trường giúp doanh nghiệp có giải pháp phù hợp	1 điểm
Câu 2	- Trước khi mở dịch vụ cung cấp suất ăn cho công nhân, loại hình thất nghiệp của chị H là	2 điểm

	thuộc loại hình thất nghiệp tạm thời - Đề tìm kiếm việc làm phù hợp mỗi công dân cần có trách nhiệm: + Tích cực, năng động tìm kiếm việc làm phù hợp với bản thân. + Chủ động học tập, học hỏi kinh nghiệm để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động	
--	--	--

TIẾT 20, 21, 22, 23, 24 - BÀI 6 Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh
- Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kd và xác định, đánh giá các cơ hội kd.
- Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.
- Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:
 - + Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kd và xác định, đánh giá cơ hội kd. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề liên quan đến nội dung bài học.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến vấn đề ý tưởng, cơ hội kd và các năng lực cần thiết của người kd.
- Năng lực đặc thù:
 - + Năng lực phát triển bản thân: Phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.
 - + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được những kiến thức cơ bản về ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh; xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành.

3. Về phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực và có trách nhiệm trong việc tìm kiếm, xây dựng và xác định ý tưởng kinh doanh, cơ hội kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề, phân tích tình huống: Phân tích tình huống: Tình huống người kinh doanh thành công nhờ trung thực, trách nhiệm, hoặc thất bại vì gian dối trong việc thực hiện luật bảo vệ môi trường và lãng phí tài nguyên thiên nhiên; sức lao động, tiền bạc ... Từ nội dung này học sinh rút ra được những phẩm chất cần, kiệm (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn/tổ chức cho HS thảo luận về phẩm chất, kỹ năng cần có của người kinh doanh thành công và có đạo đức; đóng vai nhà đầu tư người trình bày ý tưởng - cố vấn, từ đó rèn luyện kỹ năng mềm và nhận thức đúng về đạo đức trong kinh doanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. **Ổn định lớp.** Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. **Kiểm tra bài cũ (nếu có)**

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra

c) Sản phẩm. Hs bước đầu biết nhận xét về một số ý tưởng phù hợp và khả thi để tiến hành hoạt động kd

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Hs làm việc cá nhân, đọc thông tin, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sgk đặt ra:

Theo em, chị P nên chọn phương án nào cho phù hợp? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

- *Theo em, chị P nên lựa chọn phương án: kết hợp trồng rau, cây ăn quả với chăn nuôi gà. Vì: nguồn vốn của chị P ít, do đó, chị cần cân nhắc, tính toán chi phí đầu vào sản xuất sao cho hợp lý. Cụ thể:*

+ Nếu nuôi lợn:

Giá lợn giống tương đối cao, dao động trong khoảng từ 1,5 đến 2,5 triệu đồng/ con giống (tùy thời điểm và giống lợn).

Khi nuôi lợn, chị P cần đầu tư hệ thống chuồng trại với quy mô lớn.

Về thức ăn, bên cạnh các phế, phụ phẩm từ trồng trọt, chị P cũng cần đầu tư thêm các loại cám (có thể là cám công nghiệp hoặc các sản phẩm khác, như: ngô, khoai,...) với lượng lớn.

Thời gian xuất chuồng, bán ra thị trường cũng khá dài (trung bình khoảng 4 - 6 tháng).

+ Nếu nuôi gà:

Giá gà giống dao động trong khoảng từ 10 đến 25 ngàn đồng/ con giống (tùy thời điểm và giống gà);

Hệ thống chuồng trại không cần quá phức tạp;

Về thức ăn, có thể tận dụng tốt phế, phụ phẩm từ trồng trọt; cỏ trong vườn và bổ sung thêm một chút thức ăn khác (số lượng không cần nhiều như nuôi lợn);

Thời gian xuất chuồng của gà ngắn hơn nuôi lợn (khoảng từ 3 - 4 tháng), nên chị P có khả năng quay vòng vốn nhanh.

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong nền kinh tế thị trường, tính cạnh tranh ngày càng cao đòi hỏi các chủ thể kinh tế phải không ngừng rèn luyện, hình thành được những năng lực cần thiết của người kinh doanh, xây dựng được ý tưởng kinh doanh tốt, biết nắm bắt cơ hội để kinh doanh thành công.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm ý tưởng kinh doanh là gì, chỉ ra được tầm quan trọng của xây dựng ý tưởng kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được câu trả lời cho các thông tin và câu hỏi trong sgk

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/Em có nhận xét gì về ý tưởng kinh doanh của chị D?</i>	1. Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh, các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

2/ Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh giúp chị D xác định những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh như thế nào?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra.

Báo cáo, thảo luận

- Gv gọi một số hs đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra
- Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày:

1/ - Ý tưởng kinh doanh của chị D:

+ *Độc đáo, sáng tạo;*

+ *Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của khách hàng.*

+ *Phù hợp với các nguồn lực sẵn có của chị D. Các nguồn lực này bao gồm: kiến thức và kỹ năng chuyên môn của ngành công nghệ sinh học; nơi sản xuất là mảnh vườn của gia đình; nguồn khách hàng sẵn có và rất dồi dào là các bạn sinh viên trong trường (sau này có thể mở rộng thêm các đối tượng khách hàng khác); thị trường ít có đối thủ cạnh tranh vì khu vực quanh trường chưa có ai kinh doanh mặt hàng này.*

+ *Ý tưởng kinh doanh này đã mang lại cho chị D một khoản thu nhập để trang trải, cải thiện cuộc sống đồng thời, mang niềm vui và tình yêu cây cỏ đến với các bạn sinh viên.*

2/ Việc xây dựng ý tưởng kd, giúp chị D xác định những vấn đề cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh là:

+ *Kinh doanh mặt hàng gì? (xác định được đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu như thế nào?);*

+ *Kinh doanh thế nào? (xác định được cách thức kinh doanh có hiệu quả);*

+ *Kinh doanh cho ai? (xác định được mục tiêu kinh doanh).*

- Gv nhận xét, đánh giá, làm rõ khái niệm ý tưởng kinh doanh và vai trò của ý tưởng kinh doanh

Gv nhấn mạnh:

Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh rất cần thiết, giúp người kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh.

- Ý tưởng kinh doanh là khái niệm trong lĩnh vực kinh doanh chỉ loại ý tưởng có tính sáng tạo, khả thi mang đến lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

- Việc xây dựng ý tưởng kd rất cần thiết, giúp người kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh: Kinh doanh mặt hàng gì? (Xác định được đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì); Kinh doanh thế nào? (Xác định được cách thức mới, có hiệu quả); Kinh doanh cho ai? (Xác định được mục tiêu kinh doanh).

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

a) **Mục tiêu.** HS nêu được các nguồn giúp mỗi cá nhân biết tạo ý tưởng kinh doanh.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin ở mục 1 kết hợp với đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.**

Hs đưa ra được câu trả lời cho các câu hỏi trong sgk

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin ở mục 1 kết hợp với đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi 1/ Ý tưởng kinh doanh của chị D, anh C bắt nguồn từ những lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài nào? 2/ Theo em, ý tưởng kinh doanh còn có thể nảy sinh từ những nguồn nào khác? Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Gv gọi một số hs đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra Ý tưởng kinh doanh của chị D: - Lợi thế nội tại: + Chị D có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về ngành công nghệ sinh học; + Gia đình chị D có một mảnh vườn nhỏ, có thể tận dụng làm nơi để thực hiện ý tưởng sản xuất, kinh doanh. - Cơ hội bên ngoài: + Nhiều bạn sinh viên trong trường thích chơi cây cảnh mini nên chị D có lượng khách hàng tương đối dồi dào. + Khu vực quanh trường chị D chưa có ai kinh doanh mặt hàng cây cảnh mini nên chị D hầu như không có đối thủ cạnh tranh. + Sự hỗ trợ, giúp đỡ về mặt kỹ thuật của các thầy cô giáo trong trường. Ý tưởng kinh doanh của anh C: - Lợi thế nội tại: + Anh C có sự hiểu biết về các sản phẩm văn phòng phẩm. + Do anh C là chuyên viên phòng kinh doanh, nên anh có các mối quan hệ và biết được những đầu mối cung cấp nguồn hàng hóa có chất lượng tốt, giá cả phù hợp. + Do mở cửa hàng tại nhà, nên anh C có sẵn mặt bằng kinh doanh. - Cơ hội bên ngoài: mới có một trường phổ thông liên cấp được mở ra ở gần nhà anh C - Các học sinh còn lại tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định	1. Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh, các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh b. Nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. - Lợi thế nội tại: xuất phát từ đam mê, hiểu biết, khả năng huy động các nguồn lực,... của chủ thể kinh doanh. - Cơ hội bên ngoài: bắt nguồn từ một nhu cầu mới chưa được đáp ứng, lợi thế cạnh tranh, thuận lợi về vị trí triển khai hay thuận lợi từ một chính sách vĩ mô,...

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm các yếu tố bên trong và bên ngoài để góp phần tạo nên ý tưởng kinh doanh Gv nhấn mạnh: Việc nắm bắt được yếu tố bên trong và bên ngoài sẽ góp phần giúp các cá nhân tối ưu hóa được ý tưởng kinh doanh. Từ đó có được những ý tưởng kinh doanh phù hợp và có tính khả thi cao. Gv giao bài tập để hs khắc sâu kiến thức: Câu 1: Một trong những lợi thế nội tại giúp cá nhân tạo ý tưởng kinh doanh đó là A. <u>sự đam mê.</u> B. địa điểm cư trú. C. địa điểm kinh doanh. D. sự cạnh tranh đối thủ. Câu 2: Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là A. ý tưởng kinh doanh. B. <u>cơ hội kinh doanh.</u> C. mục tiêu kinh doanh. D. chiến lược kinh doanh. Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh? A. Chính sách vĩ mô của nhà nước. B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường. C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm. D. <u>Đam mê của chủ thể kinh doanh.</u> Sau khi hs trả lời, gv yêu cầu hs giả thích đề hiệu bài	
--	--

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm cơ hội kinh doanh và tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nêu được những khái niệm cơ hội kinh doanh và tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu về câu chuyện kinh doanh của chị D và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

c) Sản phẩm.

Hs đưa ra được câu trả lời cho các câu hỏi trong sgk

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu về câu chuyện kinh doanh của chị D và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa

1/ Theo em, có những điều kiện thuận lợi nào đối với công việc kinh doanh cây cảnh mini của chị D?

2/ Dựa trên các tiêu chí: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với chị D trong việc thực hiện cơ hội kinh doanh cây cảnh mini, em hãy đánh giá đây có phải là cơ hội tốt không. Vì sao?

3/ Việc xác định, đánh giá đó có vai trò thế nào đối với việc ra quyết định kinh doanh của chị D?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.

- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời

- Những điều kiện thuận lợi đối với công việc kinh doanh cây cảnh mini của chị D là:

+ *Nhu cầu chơi cây cảnh mini của các bạn sinh viên ngày càng lớn => do đó, hoạt động kinh doanh này có tính bền vững.*

+ *Chị D đã có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, gia đình chị D lại có mảnh vườn để chị D thực hiện ý tưởng sản xuất => do đó, hoạt động kinh doanh này có thể duy trì lâu dài.*

+ *Chị D đã có một nguồn vốn nhất định, có kinh nghiệm => do đó, hoạt động kinh doanh này có thể mang lại lợi nhuận cho chị.*

+ *Khu vực xung quanh trường chưa có ai bán mặt hàng cây cảnh mini, chị D hầu như không có đối thủ cạnh tranh => do đó, đây là thời điểm kinh doanh phù hợp.*

Chị D có cơ hội kinh doanh tốt, vì: ý tưởng kinh doanh của chị D có nhiều điểm mạnh và cơ hội hơn so với điểm yếu và thách thức. Cụ thể:

- *Điểm mạnh là chị D đã có lợi thế nội tại về: kỹ năng, chuyên môn; địa bàn sản xuất...*

- *Có nhiều cơ hội thuận lợi từ bên ngoài, như:*

+ *Lượng khách hàng dồi dào, có nhu cầu ngày càng lớn;*

+ *Thị trường ít có đối thủ cạnh tranh;*

+ *Có sự hỗ trợ kỹ thuật từ phía thầy cô.*

- *Một số điểm yếu và thách thức chị D cần lưu ý, như: ý tưởng thiết kế, trang trí các tiểu cảnh; sự xuất hiện của các đối thủ kinh doanh khác.... Tuy nhiên, những điểm yếu và thách thức này không quá lớn, có thể được khắc phục được.*

2. Khái niệm cơ hội kinh doanh và tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

- Cơ hội kinh doanh là sự xuất hiện những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện được mục tiêu kinh doanh. Cơ hội kinh doanh có thể xuất hiện từ bên ngoài nhưng cũng có khi do chính chủ thể kinh doanh chủ động tạo ra.

- Ý tưởng kinh doanh được xác định là cơ hội kinh doanh khi có tính bền vững, đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể duy trì sản phẩm lâu dài, có tính hấp dẫn khi đảm bảo mang lại lợi nhuận và có tính cơ hội khi thời điểm kinh doanh phù hợp.

- Chủ kinh doanh cần dựa trên 4 tiêu chí: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để đánh giá, khẳng định đây có phải là cơ hội kinh doanh tốt, lấy đó làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát huy các điểm mạnh, khai thác cơ hội đồng thời khắc phục điểm yếu và vượt qua thách thức để kinh doanh thành công.

- Việc xác định, đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức có vai trò quan trọng đối với việc ra quyết định kinh doanh của chị D: + <i>Khi nhận thấy điểm mạnh và cơ hội lớn hơn điểm yếu và thách thức, chị D có thể quyết định thực hiện ý tưởng kinh doanh.</i> + <i>Ngược lại, khi nhận thấy điểm yếu và thách thức lớn hơn, chị D có thể lựa chọn việc: suy nghĩ, cân nhắc thêm để cải tiến ý tưởng hoặc cũng có thể dừng lại, từ bỏ ý tưởng.</i> - Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được khái niệm cơ hội kinh doanh và vai trò của cơ hội kinh doanh Gv nhấn mạnh: Ý tưởng kinh doanh được xác định là cơ hội kinh doanh khi có tính bền vững, đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể duy trì sản phẩm lâu dài, có tính hấp dẫn khi đảm bảo mang lại lợi nhuận và có tính cơ hội khi thời điểm kinh doanh phù hợp. Gv đặt câu hỏi khắc sâu kiến thức: <i>Em hãy lấy một ví dụ trong thực tế để chứng minh quan điểm: “Cơ hội kinh doanh xuất hiện khi bạn có ý tưởng khắc phục một khiếm khuyết của sản phẩm đang có.”</i> Hs thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.	
---	--

TIẾT 4

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Các năng lực cần thiết của người kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nêu được các năng lực cần thiết của người kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm.

Hs đưa ra được câu trả lời cho các câu hỏi trong sgk

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm cùng đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi. <i>1/Ông H đã thể hiện những năng lực nào trong kinh doanh?</i>	3. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh ý kinh doanh - Năng lực lãnh đạo: định hướng chiến lược, năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội kinh doanh.

2/ Theo em, người kinh doanh cần có những năng lực nào khác? Vì sao?

3/Dựa trên những năng lực cần thiết của người kinh doanh vừa phân tích, em hãy tự nhận xét năng lực kinh doanh của bản thân.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời

- Những năng lực của ông H:

+ *Năng lực chuyên môn, thể hiện ở việc, ông H đã có kiến thức, kỹ năng và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sửa chữa ô tô, xe máy.*

+ *Năng lực lãnh đạo, thể hiện qua việc, ông H luôn chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, vạch ra chiến lược kinh doanh.*

+ *Năng lực quản lý, thể hiện ở việc: ông H đã xây dựng hệ thống quản lý nội bộ công ty chuyên nghiệp, tạo dựng được mối quan hệ rộng rãi với các đối tác, khách hàng và xây dựng được văn hoá công ty.*

+ *Năng lực học tập, tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thể hiện qua việc: ông đã tự trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng quản trị doanh nghiệp.*

- Những năng lực cần có của người kinh doanh là:

+ *Năng lực lãnh đạo: định hướng chiến lược, năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội kinh doanh.*

+ *Năng lực quản lý: tổ chức, thiết lập các mối quan hệ trong kinh doanh,...*

+ *Năng lực chuyên môn: có kiến thức về chuyên môn ngành đang kinh doanh.*

+ *Năng lực học tập, tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng...*

- Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề chỉ ra được tầm quan trọng của việc hình thành và hoàn thiện các năng lực kinh doanh

Gv nhấn mạnh:

Việc xác định đúng các năng lực kinh doanh sẽ giúp cho mỗi cá nhân có thể phát huy tốt lợi thế, điểm mạnh của bản thân từ đó xây dựng chiến lược kinh doanh hợp lý.

Gv đặt câu hỏi khắc sâu kiến thức:

Trên địa bàn huyện X có anh D và chị H đều vừa tốt nghiệp THPT. Nhận thấy nhu cầu sử dụng hoa cây cảnh ngày càng cao, với lợi thế khí hậu và diện tích đất sẵn có, chị H đã chủ động tìm tòi học hỏi và phát triển nghề trồng hoa cây cảnh. Nhờ việc tiếp thị và quảng cáo tốt, việc trồng hoa đem lại thu nhập cao và mở ra hướng phát triển bền vững. Anh D xác định không học tiếp đại học, anh học nghề sửa

- *Năng lực quản lý: tổ chức, thiết lập các mối quan hệ trong kinh doanh,...*

- *Năng lực chuyên môn: có kiến thức về chuyên môn ngành đang kinh doanh.*

- *Năng lực học tập, tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng,...*

xe và mở cửa hàng sửa xe tại thị trấn, do thường xuyên học hỏi và bản tính cần cù chịu khó, quán sửa xe của anh ngày càng đông khách và được khách hàng ghi nhận. Trong trường hợp này anh D và chị đã thể hiện phẩm chất năng lực nào trong kd? Hãy phân tích cụ thể năng lực đó.

Hs thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

*Tích hợp phòng chống tham nhũng

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt: Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra tình huống có vấn đề, phân tích tình huống: Phân tích tình huống: Tình huống người kinh doanh thành công nhờ trung thực, trách nhiệm, hoặc thất bại vì gian dối trong việc thực hiện luật bảo vệ môi trường và lãng phí tài nguyên thiên nhiên; sức lao động, tiền bạc ... Từ nội dung này học sinh rút ra được những phẩm chất cần, kiệm (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong học tập và lao động - phẩm chất của người kinh doanh

*Tích hợp đạo đức lối sống

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn/tổ chức cho HS thảo luận về phẩm chất, kỹ năng cần có của người kinh doanh thành công và có đạo đức; đóng vai nhà đầu tư người trình bày ý tưởng - cố vấn, từ đó rèn luyện kỹ năng mềm và nhận thức đúng về đạo đức trong kinh doanh.

Giáo viên có thể đưa ra nhiệm vụ: Từ ý tưởng kinh doanh em đã nêu trong bài học, hãy chỉ ra những phẩm chất, kỹ năng cần có của người kinh doanh để kinh doanh thành công.

TIẾT 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) **Mục tiêu.** HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá các hoạt động kinh doanh của bản thân và người khác một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm.

Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: một ý tưởng kinh doanh tốt cần phải đảm bảo nhiều tiêu chí, như: (1) có tính mới mẻ, độc đáo, sáng tạo; (2) có tính hữu dụng, đáp ứng được nhu cầu của thị trường; (3) có tính khả thi, có thể thực hiện được; (4) có thể mang lại lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh, ... Nếu chỉ dựa trên tiêu chí đáp ứng được nhu cầu của thị trường, mà bỏ qua các tiêu chí khác, thì không thể đánh giá đó là ý tưởng kinh doanh tốt.

- **Ý kiến b. Không đồng tình**, vì: một ý tưởng kinh doanh tốt cần phải đảm bảo nhiều tiêu chí, như: (1) có tính mới mẻ, độc đáo, sáng tạo; (2) có tính hữu dụng, đáp ứng được nhu cầu của thị trường; (3) có tính khả thi, có thể thực hiện được; (4) có thể mang lại lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh,... Nếu chỉ dựa trên tiêu chí mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, mà bỏ qua các tiêu chí khác, thì không thể đánh giá đó là ý tưởng kinh doanh tốt.

- **Ý kiến c. Không đồng tình**, vì: cơ hội kinh doanh có thể xuất hiện từ bên ngoài nhưng cũng có khi do chính chủ thể kinh doanh chủ động tạo ra.

- **Ý kiến d. Không đồng tình**, vì: người chủ kinh doanh cần đánh giá cơ hội kinh doanh dựa trên 4 yếu tố: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trước khi đưa ra quyết định về việc sản xuất, kinh doanh:

+ Khi nhận thấy điểm mạnh và cơ hội lớn hơn điểm yếu và thách thức => đây là cơ hội kinh doanh tốt, cần phải nắm bắt và thực hiện ngay.

+ Ngược lại, khi nhận thấy điểm yếu và thách thức lớn hơn => đây là cơ hội kinh doanh không tốt, cần phải suy nghĩ, cân nhắc thêm để cải tiến ý tưởng hoặc cũng có thể dừng lại, từ bỏ ý tưởng.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh cũng như các năng lực cần thiết để nắm bắt được cơ hội kinh doanh.

Câu 2. Em hãy thực hành xây dựng một ý tưởng kinh doanh trong một hội chợ giả định do chỉ đoàn lớp em tổ chức và phân tích với thầy cô và các bạn ý tưởng kinh doanh đó?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề kinh doanh.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

c) Sản phẩm.

Học sinh có kỹ năng xây dựng ý tưởng kinh doanh cho bản thân, biết đánh giá ý tưởng kinh doanh của người khác.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo nhóm

- Mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những việc học sinh cần làm để có thể xây dựng ý tưởng kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

Câu 3. Em hãy cho biết những việc làm sau đây có đóng góp hay ảnh hưởng thế nào đến kết quả kinh doanh?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của vấn đề kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm.

Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trong trường hợp a**, anh K đã xây dựng được ý tưởng kinh doanh tốt, đồng thời xác định được những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

+ Xác định được mặt hàng kinh doanh là Cà phê, phục vụ cho đối tượng khách hàng là các bạn sinh viên.

+ Xác định được cách thức và hoạt động kinh doanh (thể hiện ở việc lựa chọn địa điểm, phong cách trang trí cửa hàng; phương thức kinh doanh vừa kết hợp bán trực tiếp vừa kết hợp bán online,...)

=> Những việc làm này sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của anh K đạt hiệu quả cao, mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận lớn.

- **Trong trường hợp b**, Bác T đã quá vội vàng khi đưa ra quyết định kinh doanh, vì trên thực tế, cơ hội kinh doanh của bác T không tốt, không có nhiều triển vọng. Cụ thể:

+ Bác T có sở trường nấu nướng, đây là điểm mạnh của bác. Tuy nhiên, đối tượng được trải nghiệm những món ăn do bác nấu chủ yếu là người thân trong gia đình; trong khi đó, khi mở quán ăn, đối tượng khách hàng sẽ mở rộng ở nhiều độ tuổi, giới tính, địa phương,... do đó, chưa chắc những món ăn bác nấu sẽ phù hợp với khẩu vị của họ.

+ Hiện tại, trên địa bàn khu phố gần nhà bác T đã có 2 quán ăn bình dân, do đó, đối thủ cạnh tranh của bác T tương đối nhiều, trong khi thị trường hẹp; mặt khác, bác T mới chuyển lên thành phố sinh sống, nên nếu mở quán ăn, thì quán của bác chưa tạo dựng được uy tín, lòng tin đối với khách hàng... => đây cũng là những điểm yếu và thách thức đối với ý tưởng kinh doanh của bác T.

=> Qua việc phân tích, có thể thấy, việc bác T quyết định mở quán cơm mà không quan tâm đến đối thủ cạnh tranh có thể sẽ dẫn tới tình trạng kinh doanh thua lỗ.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc học sinh cần làm để có thể bước đầu tham gia vào hoạt động kinh doanh phù hợp với lứa tuổi

Câu 4. Em có nhận xét gì về năng lực kinh doanh của các chủ thể kinh doanh dưới đây?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của vấn đề kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm.

Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.** Năng lực kinh doanh của chị T chưa tốt, vì:

+ Chị T chưa xác định được những vấn đề cơ bản trong việc kinh doanh (kinh doanh mặt hàng gì? Phục vụ đối tượng nào? Phương thức kinh doanh như thế nào?...); chưa đề ra được những định hướng chiến lược, ý tưởng riêng cho hoạt động kinh doanh của bản thân... mà chị lại áp dụng một cách máy móc mô hình kinh doanh bánh ngọt của bác T. => Điều này cho thấy chị V thiếu năng lực lãnh đạo.

+ Chị T lựa chọn kinh doanh bánh ngọt là kết quả từ việc chị T đi khảo sát thị trường, không xuất phát từ kiến thức và năng lực chuyên môn của bản thân chị V.

- **Trường hợp b.** Năng lực kinh doanh của bà C chưa tốt, vì: tâm lý e ngại, sợ thua lỗ, thái độ chần chừ, thiếu quyết đoán có thể khiến cho bà C bỏ lỡ nhiều cơ hội thuận lợi cho quá trình kinh doanh.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc học sinh cần làm để có thể bước đầu tham gia vào hoạt động kinh doanh phù hợp với lứa tuổi

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy sưu tầm và viết bài giới thiệu về một tấm gương doanh nhân thành đạt nhờ có năng lực kinh doanh. Em hãy sưu tầm và viết bài giới thiệu về một tấm gương doanh nhân thành đạt nhờ có năng lực kinh doanh.

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết là những người có thật, việc thật và có kết quả kinh doanh nổi bật. Qua bài viết cần rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm

c) **Sản phẩm.**

Bước đầu có ý thức chuẩn bị nghề nghiệp cũng như ý tưởng kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

d) **Tổ chức thực hiện**

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết là những người có thật, việc thật và có kết quả kinh doanh nổi bật. Qua bài viết cần rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm

- Hoặc gv yêu cầu học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của việc xây dựng các năng lực cần thiết trong kinh doanh.

TIẾT 25, 26, 27, 28, 29 – BÀI 7

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức.

Nêu được quan niệm, các biểu hiện và vai trò của đạo đức kinh doanh.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia thảo luận các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến đạo đức kinh doanh

+ Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của người kinh doanh

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh; vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.

3. Về phẩm chất.

Trung thực, có trách nhiệm thực hiện đạo đức kinh doanh khi có cơ hội được tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

- **Cách thức thực hiện:** Trên cơ sở các đặc điểm về đạo đức kinh doanh, giáo viên giúp học sinh nêu được các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Từ đó khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện đạo đức kinh doanh cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền trên.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào tất cả các yêu cầu cần đạt của bài

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra vấn đề để học sinh thảo luận: Thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như: gian lận, trốn thuế, thất thoát tài sản, lãng phí nguồn lực. Từ nội dung này giáo viên giúp học sinh rút ra được các nội dung cơ bản như: Giáo dục phẩm chất cần, kiên trì chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động – phẩm chất của người kinh doanh chân chính)- Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn/tổ chức cho HS thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như gian lận, trốn thuế, quảng cáo sai sự thật, ranh giới giữa kinh doanh vì lợi nhuận và đạo đức, đóng vai người tiêu dùng – người kinh doanh quản lý để xử lý tình huống đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;

- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;

- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

d. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp

- Hs trả lời, góp ý.

- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết nhận xét về vai trò của đạo đức kinh doanh đối với mỗi chủ thể kinh doanh.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

Gv yêu cầu hs đọc thông tin trong sách giáo khoa, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu:

Theo em, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đưa ra các quy tắc đạo đức doanh nhân Việt Nam và phát động thực hiện nhằm mục đích gì?

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

Việc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đưa ra các quy tắc đạo đức doanh nhân Việt Nam và phát động thực hiện nhằm mục đích: điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh theo hướng tích cực; từ đó giúp nâng cao chất lượng và uy tín doanh nghiệp, làm hài lòng khách hàng, đồng thời tạo nên sự vững mạnh của nền kinh tế.

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Đạo đức kinh doanh là yếu tố cơ bản tạo nên uy tín của nhà kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động thành công, tồn tại và phát triển. Nâng cao đạo đức kinh doanh còn mang lại lợi ích to lớn cho người tiêu

dùng, người lao động và sự phát triển bền vững. Hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của đạo đức kinh doanh giúp chúng ta thực hiện các việc làm đúng, xây dựng xã hội văn minh tiến bộ.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Quan niệm về đạo đức kinh doanh

a) **Mục tiêu.** HS nêu được khái niệm đạo đức kinh doanh là gì

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi đã nêu ra

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Theo em, những chuẩn mực đạo đức trong hoạt động kinh doanh của nhân viên ngân hàng thể hiện những phẩm chất đạo đức cơ bản như thế nào?</i> <i>2/ Những quy định này có tác dụng thế nào đối với các chủ thể trong kinh doanh?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra <i>- Mọi nhân viên trong ngân hàng A đều được phổ biến và yêu cầu chấp hành nghiêm chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng như: Tuân thủ mọi quy trình, quy định trong công tác chuyên môn, quy định của pháp luật, cẩn trọng và tận tâm với công việc; Liêm chính, giữ chữ tín với đối tác và khách hàng, có ý thức bảo mật thông tin; Chăm chỉ, chuyên cần, chủ động, sáng tạo, thích ứng trong công việc.... Ngân hàng cũng lấy đó làm cơ sở để kiểm điểm, đánh giá kết quả phấn đấu của mỗi nhân viên.</i> <i>- Những quy định này có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh.</i> - Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, làm rõ khái đạo đức kinh doanh Gv nhấn mạnh: Đạo đức kinh doanh là những chuẩn mực, thông lệ đạo đức dựa trên các nguyên tắc như tôn trọng, công bằng, minh bạch,... nhằm mục đích hướng dẫn, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh doanh. Đạo đức kinh doanh cũng là cách mà doanh nghiệp tương tác với khách hàng, với các doanh nghiệp khác và chính phủ, cách doanh nghiệp đối xử với nhân viên hay đối phó với dư luận tiêu cực.	1. Quan niệm và biểu hiện của đạo đức kinh doanh. a. Quan niệm về đạo đức kinh doanh Đạo đức kinh doanh là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh.

Gv giao bài tập để hs khắc sâu kiến thức:

Biết mình không đủ điều kiện nên anh A lấy danh nghĩa em trai mình là anh K đang được sĩ đứng tên trong hồ sơ đăng kí làm đại lí phân phối thuốc tân dược. Sau đó anh A trực tiếp quản lí và bán hàng. Trong quá trình kinh doanh, phát hiện anh A có hành vi bán một số thực phẩm không rõ nguồn gốc nên anh M chủ một cửa hàng bán thuốc tân dược trên cùng địa bàn đã làm đơn tố cáo anh A với cơ quan chức năng khiến cửa hàng của anh A bị xử phạt, phát hiện anh M đã tố cáo mình, anh A thuê anh H một lao động tư ném chất bẩn vào cửa hàng anh M. Xét về mặt đạo đức kinh doanh, hành vi của ai là vi phạm những chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh? (Anh A và anh K)

Hs cùng nhau thảo luận và trả lời câu hỏi

.....

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**d. Ôn định lớp.**

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học**Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của đạo đức kinh doanh**

a) Mục tiêu. HS nêu được những biểu hiện cơ bản của đạo đức kinh doanh.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Đạo đức kinh doanh được biểu hiện như thế nào qua hoạt động của công ty V và công ty X?</i> <i>Em hãy nêu những biểu hiện khác của đạo đức kinh doanh mà em biết.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - <i>Biểu hiện đạo đức kinh doanh của công ty V là: nỗ lực cải tiến quy trình và công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, nhằm mang đến giá trị dinh dưỡng tối ưu cho người tiêu dùng.</i>	1. Quan niệm và biểu hiện của đạo đức kinh doanh. b. Biểu hiện của đạo đức kinh doanh - Trách nhiệm: hoàn thành tốt nhiệm vụ; tạo giá trị cho doanh nghiệp, cho xã hội, tuân thủ pháp luật, tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trường. - Trung thực: giữ chữ tín trong kinh doanh, công bằng, liêm chính. - Nguyên tắc: thực hiện đúng quy định của đơn vị, đảm bảo bí mật. - Tôn trọng con người, tôn trọng bảo đảm quyền lợi của nhân viên, tôn trọng khách hàng, tôn trọng đối thủ cạnh tranh. - Gắn kết các lợi ích: gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội.

- Biểu hiện đạo đức kinh doanh của công ty X là: phát triển kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi, sức khỏe cho người lao động và cư dân tại địa phương.
- Một số biểu hiện khác của đạo đức kinh doanh là:
 - + Giữ chữ tín trong kinh doanh, công bằng, liêm chính.
 - + Tạo giá trị cho doanh nghiệp, cho xã hội;
 - + Tuân thủ pháp luật;
 - + Tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
 - + Thực hiện đúng quy định của đơn vị, đảm bảo bí mật.
 - + Tôn trọng con người, tôn trọng bảo đảm quyền lợi của nhân viên, tôn trọng khách hàng, tôn trọng đối thủ cạnh tranh.
 - + Gắn kết các lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội.
- Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên hướng dẫn/tổ chức cho HS thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như gian lận, trốn thuế, quảng cáo sai sự thật, ranh giới giữa kinh doanh vì lợi nhuận và đạo đức, đóng vai người tiêu dùng – người kinh cơ quan quản lý để xử lý tình huống đạo đức.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh
- Gv đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ những biểu hiện của đạo đức kinh doanh

Gv nhấn mạnh:

Tôn trọng con người, tôn trọng bảo đảm quyền lợi của nhân viên, tôn trọng khách hàng, tôn trọng đối thủ cạnh tranh. Gắn kết các lợi ích: gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội.

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

d. Ôn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của đạo đức kinh doanh

a) Mục tiêu. HS nêu được những vai trò cơ bản của kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
-------------------------------------	------------------

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

Các hành vi kinh doanh có đạo đức của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp, thông tin trên đã mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp, khách hàng, người lao động và xã hội?

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời

- Trong trường hợp 1: Hành vi kinh doanh có đạo đức của chị Q đã:

+ Làm hài lòng khách hàng, giúp họ có trải nghiệm tốt về sản phẩm.

+ Giúp cho cơ sở kinh doanh áo dài của chị Q giữ vững được uy tín, thu hút thêm được một lượng lớn khách hàng trong và ngoài nước, từ đó, giúp doanh thu và lợi nhuận của cửa hàng ngày càng tăng.

+ Giúp công việc của người lao động (tạo cửa hàng của chị Q) sẽ được duy trì ổn định; bên cạnh đó, người lao động cũng có cơ hội được tăng lương hoặc cải thiện chế độ đãi ngộ (do hoạt động kinh doanh của cửa hàng có sự khởi sắc).

+ Giúp tạo ra nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội; đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh đẹp về đất nước và con người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

- Trong thông tin 2: Hành vi kinh doanh có đạo đức của nhiều công ty trong đại dịch Covid-19, đã:

+ Giúp người lao động vượt qua khó khăn, ổn định và cải thiện cuộc sống; đồng thời, khi nhận được sự giúp đỡ của công ty trong thời điểm khó khăn, người lao động sẽ có tinh thần và động lực để trung thành, gắn bó lâu dài với công ty; cống hiến hết mình cho công việc.

+ Giúp cho doanh nghiệp duy trì được lực lượng lao động để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi dịch bệnh được kiểm soát; đồng thời giúp tăng uy tín của doanh nghiệp.

+ Góp phần tích cực trong việc giữ vững ổn định trật tự an toàn xã hội, lan tỏa những điều tốt đẹp và khiến con người có thêm niềm tin vào tình người, vào lương tri và các giá trị xã hội khác.

- Các học sinh còn lại trong nhóm khác nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày

2. Vai trò của đạo đức kinh doanh

Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh góp phần điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng và uy tín doanh nghiệp, làm hài lòng khách hàng, đồng thời tạo nên sự vững mạnh của nền kinh tế.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được vai trò của đạo đức kinh doanh

Gv nhấn mạnh:

Đạo đức kinh doanh đóng một vai trò to lớn trong cách nhân viên, khách hàng, đối tác nhìn nhận doanh nghiệp. Đạo đức kinh doanh không chỉ là quy tắc đạo đức đúng sai, đây còn là nền tảng để dung hòa những hành vi hợp pháp của tổ chức cùng với việc duy trì lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác.

Gv đưa ra bài tập khắc sâu kiến thức:

Công ty B luôn đặt chữ tín, trách nhiệm doanh nghiệp lên hàng đầu. Đồng thời, công ty áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới để vận hành phát triển và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khẳng định vị thế, xứng đáng với sự tin yêu của người tiêu dùng. Đối với người lao động, công ty thực hiện đảm bảo lợi ích chính đáng (tiền lương, điều kiện lao động, bảo hiểm, chế độ chính sách,...) theo đúng cam kết. Em hãy phân tích ý nghĩa của những việc làm của công ty B?

Hs thảo luận, trả lời.

***Tích hợp quyền con người:**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

- **Cách thức thực hiện:** Trên cơ sở các đặc điểm về đạo đức kinh doanh, giáo viên giúp học sinh nêu được các trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Từ đó khẳng định tầm quan trọng của việc thực hiện đạo đức kinh doanh cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền trên.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào tất cả các yêu cầu cần đạt của bài

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra vấn đề để học sinh thảo luận: Thảo luận các trường hợp vi phạm đạo đức kinh doanh như: gian lận, trốn thuế, thất thoát tài sản, lãng phí nguồn lực. Từ nội dung này giáo viên giúp học sinh rút ra được các nội dung cơ bản như: Giáo dục phẩm chất cần, kiệm liêm chính (tinh thần trung thực, trách nhiệm, chủ động, cần cù, sáng tạo trong học tập và lao động – phẩm chất của người kinh doanh chân chính)- Giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, ý thức bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.

TIẾT 4 + 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

d. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

Hs trả lời, góp ý.

Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a) Mục tiêu. Hs củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá đạo đức kinh doanh của các chủ thể một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến đề lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Các học sinh cùng suy nghĩ và đưa ra ý kiến của bản thân về từng trường hợp cụ thể

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: đạo đức kinh doanh điều chỉnh hành vi đạo đức của tất cả các thành viên trong tổ chức kinh doanh (hộ gia đình, công ty, xí nghiệp, tập đoàn,...) như: ban giám đốc; các thành viên của hội đồng quản trị; cán bộ, công nhân viên, người lao động làm thuê,...

- **Ý kiến b. Đồng tình**, vì: thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ góp phần điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh theo hướng tích cực, từ đó góp phần tạo nên môi trường kinh doanh lành mạnh.

- **Ý kiến c. Đồng tình**, vì: sự cam kết và tận tâm của người lao động đối với doanh nghiệp xuất phát từ việc họ tin rằng: tương lai của mình gắn liền với tương lai của doanh nghiệp. Do đó, khi doanh nghiệp thực hiện tốt đạo đức kinh doanh đối với người lao động (thông qua các hành động, như: tôn trọng, có chế độ lương và chế độ đãi ngộ tốt...) thì người lao động sẽ càng tận tâm với công việc và có tâm lý cam kết gắn bó lâu dài với tổ chức.

- **Ý kiến d. Không đồng tình**, vì: đảm bảo đạo đức kinh doanh sẽ góp phần tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp.
Ví dụ:

+ Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh có thể lôi cuốn khách hàng đến với sản phẩm của công ty, từ đó giúp nâng cao doanh thu và lợi nhuận.

+ Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh giúp cho doanh nghiệp có được sự trung thành và tận tâm của người lao động, qua đó góp phần nâng cao được hiệu quả sản xuất.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của việc xây dựng đạo đức kinh doanh đối với các chủ thể kinh doanh.

Câu 2. Em hãy cho biết hành vi của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp sau là phù hợp hay vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề đạo đức kinh doanh.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo nhóm

- Mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.** Công ty G đã vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh, vì: công ty này đã thực hiện hành vi gian dối về chất lượng của sản phẩm => không trung thực trong kinh doanh.

- **Trường hợp b.** Cô X đã vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh, vì: hành động của cô X đã vi phạm quy định đảm bảo bí mật.

- **Trường hợp c.** Hành động của anh C phù hợp với chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Vì: hành động của anh nhằm đảm bảo lợi ích về sức khỏe cho khách hàng; đồng thời giữ uy tín về chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những việc học sinh cần làm để có thể xây dựng nền tảng đạo đức kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

Câu 3. Em hãy cho biết vai trò của đạo đức kinh doanh trong các trường hợp dưới đây:

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của vấn đề đạo đức kinh doanh

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

c) Sản phẩm. HS đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quang để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- Trường hợp a. *Vai trò của đạo đức kinh doanh trong trường hợp này là:*

+ Làm hài lòng khách hàng.

+ Nâng cao chất lượng và uy tín doanh nghiệp.

- Trường hợp b. *Vai trò của đạo đức kinh doanh trong trường hợp này là:*

+ Làm hài lòng khách hàng.

+ Nâng cao chất lượng và uy tín của siêu thị.

- Trường hợp c. *Vai trò của đạo đức kinh doanh trong trường hợp này là:*

+ Làm hài lòng khách hàng.

+ Nâng cao chất lượng và uy tín của siêu thị.

+ Gắn kết các lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc học sinh cần làm để có thể bước xây dựng đạo đức kinh doanh như là một phần của văn hóa doanh nghiệp.

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy viết bài giới thiệu về một tấm gương đạo đức kinh doanh và nêu bài học rút ra từ tấm gương đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

c) Sản phẩm.

Bước đầu có ý thức chuẩn bị nghề nghiệp cũng như từng bước xây dựng đạo đức kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết là những người có thật, việc thật và có kết quả kinh doanh nổi bật. Qua bài viết cần rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm về đạo đức kinh doanh của cá nhân đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Gv bố trí thời gian để các hs có thời gian chia sẻ, trải nghiệm

- Hoặc gv yêu cầu hs chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các hs khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của việc xây dựng đạo đức kinh doanh.

Câu 2: Em hãy viết bài bình luận về ý nghĩa của câu “Một lần bất tín, vạn lần bất tin” trong kinh doanh và chia sẻ với người thân trong gia đình và các bạn.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

c) Sản phẩm.

Bước đầu có ý thức chuẩn bị nghề nghiệp cũng như từng bước xây dựng đạo đức kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết chỉ ra được một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng trong kinh doanh là biết giữ chữ tín.

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Gv bố trí thời gian để các hs có thời gian chia sẻ, trải nghiệm

- Hoặc gv yêu cầu hs chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các hs khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của việc xây dựng đạo đức kinh doanh.

TIẾT 30, 31, 32, 33, 34 - BÀI 8 **VĂN HÓA TIÊU DÙNG**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức.

- Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.

- Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng; mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.

2. Về năng lực.

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ, tự học: Biết tìm tòi, học hỏi, thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. Đồng thời, biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày các thông tin, ý tưởng trong thảo luận các vấn đề về văn hoá tiêu dùng.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được các thông tin, câu chuyện, tình huống và trường hợp trong bài học và thực tiễn cuộc sống liên quan đến văn hoá tiêu dùng.

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc tiêu dùng có văn hoá; xác định được trách nhiệm của bản thân và thực hiện tiêu dùng có văn hoá.

+ Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, điều kiện của bản thân trong tiêu dùng có văn hoá; phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.

+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được kiến thức về văn hoá tiêu dùng; vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng trong đời sống xã hội liên quan đến tiêu dùng có văn hoá.

3. Về phẩm chất

- Trung thực và có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động trong đời sống xã hội để trở thành người tiêu dùng có văn hoá.

- Yêu nước, tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng.

***Tích hợp quyền con người**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Phê phán những

biểu hiện không có văn hóa trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hóa.

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên yêu cầu lấy các ví dụ về văn hóa tiêu dùng của người Việt mà hướng tới các giá trị cao quý của con người. Từ xu hướng tiêu dùng này giáo viên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiêu dùng thông minh, tiêu dùng an toàn. Đây cũng chính là thực hiện quyền con người ở nội dung: Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt của bài: Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng

- **Cách thức thực hiện:** Giáo viên đưa ra vấn đề để học sinh thực hiện dự án: Học sinh thực hiện dự án truyền thông nhỏ “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa” thông qua poster, video hoặc phỏng vấn thực tế. Từ nội dung này giáo viên giúp học sinh Giáo dục hành vi tiêu dùng tiết kiệm, chống lãng phí.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng.

- **Cách thức thực hiện:** HS thực hiện dự án truyền thông “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”, thảo luận nhóm về các biểu hiện tiêu dùng không có văn hóa và đề xuất biện pháp cải thiện, đặt câu hỏi gợi mở về vai trò văn hóa trong tiêu dùng. Hoặc giáo viên cho học sinh xem các video về hành vi tiêu dùng tự phát của giới trẻ (Baby ther). Từ đó nhấn mạnh để học sinh hiểu được vai trò của việc tiêu dùng hợp lý.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ:

Hs trình bày nội dung bài tập vận dụng

Hs trả lời, góp ý.

Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

TIẾT 1

1. Hoạt động: Mở đầu

a) **Mục tiêu.** Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) **Nội dung.** Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

c) **Sản phẩm.** Học sinh bước đầu biết nhận xét về một số biểu hiện của văn hóa tiêu dùng

d) **Tổ chức thực hiện**

Giao nhiệm vụ học tập

Học sinh làm việc cá nhân, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu sách giáo khoa đặt ra:

Em có suy nghĩ gì về câu nói “Người Việt Nam tiêu dùng hàng Việt Nam là sự thể hiện của lòng yêu nước và tự tôn dân tộc”?

Thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên gọi từ một đến hai HS lên chia sẻ, các HS khác nhận xét về câu trả lời của bạn

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên yêu cầu một số học sinh trình bày việc chuẩn bị của bản thân mình

Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh thực hiện nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Một trong số các giải pháp đó là

nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, trước hết là nâng cao sức cạnh tranh của thương hiệu và chất lượng hàng hóa. Bởi lẽ, thương hiệu hàng hóa, sức cạnh tranh của hàng hóa và cả nền kinh tế của một quốc gia xét đến cùng là sự hội tụ của tinh hoa, sức mạnh quốc gia, dân tộc đó. Không thể có một quốc gia hùng cường, thịnh vượng trong khi sức cạnh tranh nền kinh tế của quốc gia đó lại thua kém nhiều so với các nước.

=> Chính bởi lý do đó, việc người Việt Nam ưu tiên tiêu dùng hàng Việt Nam là một biểu hiện của lòng yêu nước và tinh thần tự tôn dân tộc.

- Các học sinh khác chủ động tìm hiểu, góp ý, bổ sung hoàn thiện

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận quan trọng của nền văn hoá dân tộc, thể hiện các giá trị văn hoá của con người Việt Nam, đã và đang có những tác động nhất định đến đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng. Xây dựng văn hoá tiêu dùng góp phần xây dựng một xã hội hiện đại, văn minh và hội nhập.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế

a) **Mục tiêu.** HS nêu được tiêu dùng là gì, vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>Qua các thông tin trên, em hãy cho biết sự thay đổi của tiêu dùng có tác động như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - Trong thông tin 1: sự thay đổi của tiêu dùng đã có những tác động tích cực đến đời sống kinh tế - xã hội. <i>Cụ thể:</i> + Người tiêu dùng quan tâm đến việc tiêu dùng của mình có gây tổn hại đến môi trường, xã hội hay không => điều này đã thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường. + Người lao động trong các công ty cũng là người tiêu dùng hiện đại, có ý thức bảo vệ môi trường và mong muốn được làm việc trong các công ty có đạo đức, tôn trọng con người và môi trường => điều này cũng thúc đẩy các doanh nghiệp có xu hướng xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp hơn, gắn kết lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của xã hội. - Trong thông tin 2: Sự thay đổi của tiêu dùng vừa có tác động tích cực nhưng đồng thời cũng có tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. <i>Cụ thể:</i>	1. Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. Tiêu dùng được ví như "đơn đặt hàng" của xã hội đối với sản xuất, là mục đích, động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Mỗi sự thay đổi tích cực của tiêu dùng đều góp phần phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

+ *Mặt tích cực là: xu hướng tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa cao cấp, đã: kích thích sự phát triển của phân khúc thị trường mới; khiến cơ cấu thị trường trong nước được cải thiện đa dạng và đồng bộ hơn; thu hút đầu tư; tạo thêm công ăn việc làm chi người lao động và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.*

+ *Mặt tiêu cực: tạo nên sự lãng phí,...*

- Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, làm rõ nội dung vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Gv nhấn mạnh:

Các nghiên cứu này cho thấy tiêu dùng có mối quan hệ qua lại hai chiều với tăng trưởng kinh tế, theo đó tiêu dùng sẽ là đầu ra của sản xuất và là động lực thúc đẩy tăng trưởng đầu tư cũng như tăng trưởng kinh tế, ở chiều ngược lại tăng trưởng kinh tế giúp tăng thu nhập các hộ gia đình, từ đó thúc đẩy tiêu dùng.

Gv đặt câu hỏi khắc sâu kiến thức:

Trước đây, khi tiêu dùng, anh D chủ yếu quan tâm đến lợi ích đối với sức khỏe, giá cả và niềm tin vào nhãn hàng, thì nay có thêm yếu tố “tái chế”. Anh ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có thể tái chế, sử dụng nhiều lần thay vì một lần. Mỗi ngày, anh đều chia sẻ trên trang mạng xã hội những thông tin khuyến khích mọi người nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong tiêu dùng.

Việc làm của anh D có vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

Hs thảo luận, trả lời.

TIẾT 2

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Khái niệm văn hóa tiêu dùng

a) **Mục tiêu.** HS nêu được thế nào là văn hóa tiêu dùng.

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, tiếp tục đọc và tìm hiểu thông tin 1,2 trong sách giáo khoa đưa ra và trả lời câu hỏi <i>1/ Qua thông tin trên, em hãy nêu những tập quán tiêu dùng của người Việt Nam trong dịp tết Nguyên đán. Những tập quán này tạo nên nét đẹp văn hoá gì của dân tộc Việt Nam?</i>	2. Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. a. Khái niệm văn hóa tiêu dùng Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận của văn hoá dân tộc, là những nét đẹp trong tập quán, thói quen tiêu dùng của cộng đồng và cả dân tộc được hình thành và phát triển theo thời gian, thể hiện các giá trị văn hoá của con người trong tiêu dùng.

2/ Em hãy kể một số tập quán, thói quen tiêu dùng có văn hoá của người Việt Nam mà em biết. Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Học sinh làm việc theo nhóm: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi giáo viên đặt ra. Báo cáo, thảo luận - Giáo viên gọi một số học sinh đại diện các nhóm đứng lên chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra - <i>Những tập quán tiêu dùng của người Việt trong dịp Tết Nguyên đán:</i> + Mua sắm nhiều loại hàng hóa để phục vụ nhu cầu ngày Tết và sự phòng (vì: hầu hết các chợ, siêu thị đều đóng cửa vào ngày mừng Một Tết). + Nhu cầu tiêu dùng tăng cao ở một số nhóm sản phẩm mang tính “truyền thống” như: gạo tẻ, gạo nếp, đỗ xanh, bánh mứt, thịt lợn, thịt gà... Bên cạnh đó, người tiêu dùng cũng sẵn sàng chi tiền vào nhóm sản phẩm cao cấp. - Những tập quán tiêu dùng này đã góp phần khiến không khí ngày tết trở nên nhộn nhịp, tươi vui. - Các học sinh còn lại nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm rõ khái niệm văn hóa tiêu dùng Gv nhấn mạnh: Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận của văn hoá dân tộc, là những nét đẹp trong tập quán, thói quen tiêu dùng của cộng đồng và cả dân tộc được hình thành và phát triển theo thời gian, thể hiện các giá trị văn hoá của con người trong tiêu dùng	
---	--

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của văn hóa tiêu dùng.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được những vai trò cơ bản của văn hóa tiêu dùng

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi

d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>Các hành vi kinh doanh có đạo đức của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp, thông tin trên đã mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp, khách hàng, người lao động và xã hội?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin.	2. Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. b. Vai trò của văn hóa tiêu dùng - Văn hoá tiêu dùng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội: - Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp, tạo được ấn tượng, thiện cảm đối với người tiêu dùng để đạt được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời - Xu hướng tiêu dùng xanh, tiêu dùng hợp lý và bền vững đã thúc đẩy các doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược sản xuất, kinh doanh theo hướng: + Sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng tốt, thân thiện với môi trường; sản phẩm có yếu tố “bền vững”, tính ứng dụng cao và đa dạng. + Gắn bó hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội. - Văn hóa tiêu dùng góp phần duy trì, gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống về tiêu dùng; đồng thời, tạo nên những sắc thái văn hoá ngày càng phong phú và đa dạng của cộng đồng, dân tộc. - Các hs còn lại trong nhóm khác nhận xét và góp ý. Kết luận, nhận định - Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được vai trò của văn hóa tiêu dùng. Gv nhấn mạnh: <i>Văn hóa tiêu dùng góp phần duy trì, gìn giữ và phát huy những giá trị truyền thống về tiêu dùng; đồng thời, tạo nên những sắc thái văn hoá ngày càng phong phú và đa dạng của cộng đồng, dân tộc.</i>	- Là cơ sở duy trì tiêu dùng bền vững, góp phần tạo nên những sắc thái văn hoá ngày càng phong phú, đa dạng của cộng đồng, dân tộc. - Không chỉ tác động đến hoạt động kinh tế mà còn có ý nghĩa xã hội sâu sắc: làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người, góp phần hình thành tư duy chiến lược trên phạm vi rộng lớn, gắn bó chặt chẽ giữa phát triển sản xuất và tiêu dùng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.
--	---

TIẾT 3

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ (nếu có)

- GV nêu câu hỏi phù hợp
- Hs trả lời, góp ý.
- Gv nhận xét, đánh giá

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 4: Tìm hiểu nội dung: Đặc điểm của văn hóa tiêu dùng Việt Nam.

a) Mục tiêu. HS nêu được những đặc điểm cơ bản của văn hóa tiêu dùng Việt Nam

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm. HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>1/Các thông tin và hình ảnh trên thể hiện những đặc điểm gì trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam?</i>	3. Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam và biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng a. Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam - Văn hoá tiêu dùng người Việt đương đại vừa trân trọng kế thừa nét đẹp truyền thống vừa không ngừng

2/Em hãy kể các đặc điểm khác của văn hoá tiêu dùng Việt Nam mà em biết.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời
- Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét
- *Thông tin 1 thể hiện đặc điểm:* Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam có sự kế thừa nét đẹp truyền thống của dân tộc. Cụ thể là: dù kinh tế thị trường đã hình thành và phát triển ở Việt Nam nhiều năm, nhưng người Việt (đặc biệt là cư dân ở vùng nông thôn) vẫn duy trì thói quen tiêu dùng tiết kiệm.
- *Thông tin 2 phản ánh đặc điểm:* Văn hóa tiêu dùng của người Việt mang tính thời đại. Điều này được thể hiện thông qua việc: thói quen, hình thức và cách thức tiêu dùng ngày càng đa dạng, phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.
- *Hình ảnh “Lễ tôn vinh hàng Việt được người tiêu dùng yêu thích” đã thể hiện đặc điểm:* văn hóa tiêu dùng Việt Nam đang dần được định hình theo hướng tin tưởng đối với những hàng hóa trong nước; ưu tiên và tôn vinh hàng Việt.
- Một số đặc điểm khác của văn hóa tiêu dùng Việt Nam:
 - + Văn hóa tiêu dùng hợp lí: người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hóa, dịch vụ; chi tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu bản thân và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.
 - + Văn hóa tiêu dùng Việt Nam gắn với sự lên ngôi của yếu tố chất lượng. Giá trị con người ngày càng được nâng cao. Tiêu dùng xanh, tiêu dùng sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm ngày càng chiếm ưu thế trở thành một xu hướng phát triển của xã hội.
- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để làm nổi bật được đặc điểm của văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam.

Gv nhấn mạnh:

Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam có tính di động cao, được hình thành trên cơ sở đa dạng về văn hóa song đều hướng theo trào lưu những giá trị mới. Đó là những giá trị tích cực tạo nên một bề dày trên cơ

đổi mới, nỗ lực hoàn thiện để có thể hội nhập sâu hơn với văn hóa tiêu dùng toàn cầu.

- Văn hóa tiêu dùng Việt Nam gắn với sự lên ngôi của yếu tố chất lượng. Giá trị con người ngày càng được nâng cao. Tiêu dùng xanh, tiêu dùng sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm ngày càng chiếm ưu thế trở thành một xu hướng phát triển của xã hội.

- Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam có tính di động cao, được hình thành trên cơ sở đa dạng về văn hóa song đều hướng theo trào lưu những giá trị mới. Đó là những giá trị tích cực tạo nên một bề dày trên cơ sở những giá trị truyền thống vẫn còn phù hợp cho tới ngày nay.

- Văn hóa tiêu dùng Việt Nam đang dần được định hình theo hướng tin tưởng đối với những hàng hóa trong nước thể hiện sự ưu tiên và tôn vinh hàng Việt.

sở những giá trị truyền thống vẫn còn phù hợp cho tới ngày nay.

Gv nêu câu hỏi khắc sâu kiến thức:

Chọn mua nhiều hơn các sản phẩm có yếu tố “xanh”, lựa chọn các phương thức tiêu dùng bền vững, thân thiện với môi trường, sẵn sàng chi trả cho những sản phẩm có yếu tố “bền vững”... đang là những thay đổi tích cực của xu hướng tiêu dùng được nhiều doanh nghiệp nắm bắt. Với giới trẻ, thay vì tiêu dùng kiểu “thời trang nhanh” (mua giá rẻ, thay đổi liên tục, loại bỏ nhiều), nhiều bạn đã chọn cách tái chế, tái sử dụng, thanh lí quần áo, phụ kiện thời trang để hạn chế việc bỏ đi các trang phục cũ - một loại rác thải tác động tiêu cực đến môi trường.

Thông tin trên phản ánh về đặc điểm nào trong văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam? (Tình thời đại)

Em hãy phân tích cụ thể đặc điểm đó thông qua nội dung trên.

Hs thảo luận và trả lời.

TIẾT 4

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Những biện pháp xây dựng văn hóa tiêu dùng.

a) **Mục tiêu.** HS nêu được những biện pháp cơ bản để xây dựng văn hóa tiêu dùng ở Việt Nam

b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm.** HS trả lời được câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>1/ Qua các thông tin trên, em hãy cho biết cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm mục đích gì?</i> <i>2/ Để xây dựng văn hoá tiêu dùng, Nhà nước, các doanh nghiệp và mỗi người dân cần phải làm gì?</i> <i>3/ Em hãy nêu một số giải pháp khác góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng.</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời	3. Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam và biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng b. Những biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. - Nhà nước cần có chủ trương, chính sách kinh tế, văn hoá phù hợp cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất và thị trường trong nước, thực hiện triệt để Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. - Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động chiến lược sản xuất kinh doanh, đón đầu nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng mới của người Việt Nam, hướng tới sản xuất sản phẩm bảo đảm các yếu tố xanh, sạch, bền vững phù hợp với xu hướng toàn cầu. - Giáo dục nhân dân thay đổi nhận thức và hành động vì cộng đồng hướng tới những giá trị cốt lõi, bền vững. Phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào và tự tôn dân tộc trong tiêu dùng để xây dựng văn hoá tiêu dùng hàng Việt. Xây dựng thói quen tiêu dùng thông minh, thân thiện với môi trường.

- Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm mục đích:

+ Xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt;

+ Thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, hướng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế quốc gia.

Để xây dựng văn hóa tiêu dùng cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- Nhà nước, cần:

+ Đề ra các chủ trương, chính sách kinh tế, văn hoá phù hợp cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất và thị trường trong nước;

+ Thực hiện triệt để Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Các doanh nghiệp Việt Nam, cần:

+ Chủ động chiến lược sản xuất kinh doanh, đón đầu nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng mới của người Việt Nam;

+ Hướng tới sản xuất sản phẩm bảo đảm các yếu tố xanh, sạch, bền vững phù hợp với xu hướng toàn cầu.

- Mỗi người dân, cần:

+ Tiêu dùng có trách nhiệm và thực hiện tốt các hành vi tiêu dùng có văn hóa.

+ Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tiêu dùng truyền thống, tốt đẹp của dân tộc; đồng thời tiếp thu, học hỏi những văn hóa tiêu dùng văn minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

+ Tích cực quảng bá văn hóa tiêu dùng của Việt Nam đến các nước trên thế giới.

- Một số giải pháp khác góp phần xây dựng văn hóa tiêu dùng:

+ Tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của người dân trong việc tôn vinh hàng Việt.

+ Các doanh nghiệp cần cung ứng những sản phẩm có chất lượng tốt, thực hiện tốt đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

+ Mỗi người dân cần xây dựng thói quen tiêu dùng thông minh, thân thiện với môi trường.

- Các học sinh còn lại trong nhóm khác có thể tiến hành hoạt động nhận xét và góp ý.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học sinh hiểu được những biện pháp cần thiết để xây dựng văn hóa tiêu dùng.

Gv nhấn mạnh:

Nhà nước cần có chủ trương, chính sách kinh tế, văn hoá phù hợp cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất và thị trường trong nước, thực hiện triệt để Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hóa.

- a) **Mục tiêu.** HS nêu được trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam
- b) **Nội dung.** HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi
- c) **Sản phẩm.** HS trả lời được nội dung câu hỏi
- d) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập HS làm việc theo nhóm, các nhóm tiếp tục tìm hiểu thông tin 1, 2 trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi <i>1/Các thông tin trên cho thấy người Việt Nam đang thực hiện văn hoá tiêu dùng như thế nào?</i> <i>2/ Em đã thực hiện những hành vi tiêu dùng có văn hoá như thế nào?</i> Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - Làm việc theo nhóm, trao đổi và thảo luận để tìm ra được nội dung cho câu trả lời Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm chia sẻ nội dung tìm hiểu về thông tin sách giáo khoa đưa ra và tìm ra nội dung cho câu trả lời Câu 1: - Thông tin 1 cho thấy: + Người Việt Nam đang hướng tới thực hiện hành vi tiêu dùng có kế hoạch, thực hiện chi tiêu hợp lý, phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình. + Người Việt Nam cũng đang hướng tới việc tiêu dùng các sản phẩm có chất lượng cao, tốt cho sức khỏe. - Thông tin 2 cho thấy: người Việt Nam đang thực hiện các thói quen tiêu dùng theo hướng: bảo vệ và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời tích cực mở rộng giao lưu, quảng bá văn hóa Việt Nam tới bạn bè quốc tế. Câu 2: Bản thân em: lên kế hoạch mua sắm phù hợp, ưu tiên dùng hàng Việt Nam, sử dụng túi giấy khi mua hàng,... - Các hs còn lại trong nhóm khác nhận xét và góp ý. *Tích hợp quyền con người: - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Phê phán những biểu hiện không có văn hóa trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hóa. - Cách thức thực hiện: Giáo viên yêu cầu lấy các ví dụ về văn hóa tiêu dùng của người Việt mà hướng tới các giá trị cao quý của con người: - Một số hành vi tiêu dùng chưa có văn hóa của học sinh: + Mua quá nhiều hàng hóa/ dịch vụ trong khi không có/có ít nhu cầu sử dụng.	4. Thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hóa. - Để thực hiện văn hoá tiêu dùng, người tiêu dùng cần có kế hoạch chi tiêu, thực hiện tiêu dùng hợp lý, phù hợp với điều kiện cá nhân và xã hội. - Thực hiện tiêu dùng thông minh, tiêu dùng xanh và sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng có trách nhiệm, định hướng các nhà sản xuất tạo ra các sản phẩm phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và bảo vệ được sức khoẻ của con người, bảo vệ được môi trường sống. - Mỗi người tiêu dùng Việt Nam cần có trách nhiệm trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt, hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu, quảng bá và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

+ Thói quen “sính dùng hàng ngoại” để thể hiện “đẳng cấp”.

+ Tiêu dùng nhiều các mặt hàng: thức ăn nhanh; đồ ăn vặt không rõ nguồn gốc, bày bán trên vỉa hè, lề đường, công trường,... (ví dụ: xúc xích, cá viên chiên, bánh tráng trộn,...)

Từ xu hướng tiêu dùng này giáo viên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiêu dùng thông minh, tiêu dùng an toàn. Đây cũng chính là thực hiện quyền con người ở nội dung: Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

***Tích hợp phòng chống tham nhũng**

- Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt của bài: Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng

- Cách thức thực hiện: Giáo viên đưa ra vấn đề để học sinh thực hiện dự án: Học sinh thực hiện dự án truyền thông nhỏ “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa” thông qua poster, video hoặc phỏng vấn thực tế. Từ nội dung này giáo viên giúp học sinh Giáo dục hành vi tiêu dùng tiết kiệm, chống lãng phí.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét bài trả lời của học sinh đã được yêu cầu trình bày và tiến hành nhận xét

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề để giúp học sinh hiểu được những biện pháp cần thiết để xây dựng văn hóa tiêu dùng.

Gv nhấn mạnh:

Mỗi người tiêu dùng Việt Nam cần có trách nhiệm trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt, hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu, quảng bá và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

TIẾT 5

TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp.

Kiểm tra sĩ số, kiểm tra việc chuẩn bị bài, chuẩn bị đồ dùng học tập của HS.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Tìm hiểu nội dung bài học

Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?

a) Mục tiêu. HS củng cố kiến thức đã học thông qua thực hành xử lý tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học, có ý thức đánh giá văn hóa tiêu dùng của các chủ thể một cách phù hợp với lứa tuổi.

b) Nội dung. Hs làm việc cá nhân, cùng suy nghĩ, đưa ra các ý kiến để lý giải cho từng trường hợp cụ thể

c) Sản phẩm. Hs đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo cá nhân
- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Ý kiến a. Không đồng tình**, vì: trong nền ktnt hiện nay, con người thường hướng tới việc tiêu dùng các sản phẩm có: chất lượng tốt và hình thức, mẫu mã đẹp. Vì vậy, muốn tồn tại và phát triển, các DN cần sx và cung ứng tới khách hàng những sản phẩm phù hợp, đảm bảo đồng thời cả hai tiêu chí đó.

- **Ý kiến b. Không đồng tình**, vì: sử dụng quá nhiều hàng hiệu xa xỉ là thói quen tiêu dùng không hợp lý, lãng phí và dễ hình thành văn hóa chuộng yếu tố vật chất. Trong văn hóa tiêu dùng, người tiêu dùng cần có kế hoạch chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện cá nhân.

- **Ý kiến c. Đồng tình**, vì: văn hóa tiêu dùng là cơ sở giúp các DN đưa ra chiến lược kd phù hợp, tạo được ấn tượng, thiện cảm đối với người tiêu dùng, từ đó đạt được hiệu quả cao trong sx, kd.

- **Ý kiến d. Đồng tình**, vì: hàng hóa trên thị trường hiện nay rất đa dạng về mẫu mã, chủng loại, chất lượng... bên cạnh những sản phẩm chính hãng, chất lượng tốt; cũng có những sản phẩm hàng giả, hàng nhái với chất lượng kém, gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và trải nghiệm của người tiêu dùng.... Do đó, người tiêu dùng thông minh, cần phải: tiếp cận kĩ lưỡng thông tin về sản phẩm, lựa chọn hàng hóa một cách cẩn trọng, hợp lý, tốt cho sức khỏe, phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình....

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được vai trò của việc xây dựng văn hóa tiêu dùng.

Câu 2. Em hãy cho biết các hành vi tiêu dùng sau đây có phải là tiêu dùng có văn hoá không? Giải thích vì sao.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến vấn đề về xây dựng văn hóa tiêu dùng.

b) Nội dung. HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

c) Sản phẩm. HS đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

HS làm việc theo nhóm, mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo theo nhóm
- Mỗi nhóm thảo luận, suy nghĩ và đưa ra quan điểm cho vấn đề dự kiến đưa ra

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Trường hợp a.** Chị M đã thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hóa. Vì: thông qua việc mua sản phẩm đặc sản của các địa phương về làm quà cho người thân, chị M đã góp phần mở rộng giao lưu, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc các vùng miền của Việt Nam tới mọi người xung quanh.

- **Trường hợp b.**

+ Xét trong trường hợp: bà Y có điều kiện kinh tế khá giả, các loại hóa mỹ phẩm do Việt Nam sản xuất không đảm bảo yêu cầu chất lượng và không phù hợp với tình trạng sức khỏe của bà Y, thì việc bà Y lựa chọn tiêu dùng các loại hóa mỹ phẩm nhập khẩu là một hành vi tiêu dùng có văn hóa. Vì: hành động này thể hiện việc bà Y đã có sự cân nhắc, lựa chọn kĩ lưỡng sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện của bản thân...

+ Xét trong trường hợp: điều kiện kt của bà Y không tốt; trên thị trường đã có những sản phẩm do Việt Nam sản xuất đáp được yêu cầu về chất lượng với giá cả hợp lý hơn,... nhưng bà Y vẫn lựa chọn tiêu dùng những sản phẩm ngoại nhập để thể hiện “đẳng cấp”, thì đây là thói quen tiêu dùng chưa có văn hóa, chưa hợp lý.

- **Trường hợp c.** Chị B đã thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hóa. Vì: thông qua việc giới thiệu tới bạn bè nước ngoài những món ăn dân dã của người Việt, chị B đã góp phần mở rộng giao lưu, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để hiểu rõ được những việc học sinh cần làm để xây dựng văn hóa tiêu dùng cho bản thân một cách phù hợp

Câu 3. Em hãy đọc tình huống sau để trả lời câu hỏi:

a) **Mục tiêu.** HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được tầm quan trọng của văn hóa tiêu dùng

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

c) **Sản phẩm.** HS đưa ra được ý kiến của mình về các trường hợp nêu trong tình huống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, có thể trao đổi cặp đôi với bạn xung quanh để làm nổi bật vấn đề

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng nhau làm việc theo cá nhân

- Ghi ý kiến của mình vào vở, có thể trao đổi cặp đôi cùng các bạn bên cạnh để hoàn thiện câu trả lời

Báo cáo, thảo luận

Giáo viên mời từng học sinh đưa ra ý kiến về từng nội dung

- **Nhận xét:** hành vi tiêu dùng của bạn Q chưa hợp lí. Vì:

+ Xét về góc độ sức khỏe, nhiều nghiên cứu cho thấy thức ăn nhanh, đặc biệt là đồ chiên, rán có thể gây béo phì, tiểu đường, các bệnh về tim mạch... bởi chứa rất nhiều mỡ, đường và lượng calo rất lớn.

+ Bên cạnh đó, việc thường xuyên sử dụng các loại thức ăn nhanh cũng khiến chúng ta tiêu tốn nhiều chi phí hơn.

- **Lời khuyên:** bạn Q nên thay đổi hành vi tiêu dùng này. Khi tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa, Q nên có sự cân nhắc, lựa chọn kĩ lưỡng hơn theo hướng: sử dụng những sản phẩm tươi sạch, có chất lượng tốt để đảm bảo dinh dưỡng, an toàn cho sức khỏe của bản thân...

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp khái quát để học sinh hiểu được những việc học sinh cần làm để hình thành cho mình văn hóa tiêu dùng đúng đắn

4. Hoạt động: Vận dụng

Câu 1: Em hãy viết bài hoặc vẽ tranh, gửi thông điệp tuyên truyền "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" ..

a) **Mục tiêu.** HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) **Nội dung.** HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

***Tích hợp đạo đức lối sống**

- **Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ vào yêu cầu cần đạt: Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. Phê phán biểu hiện thiếu văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền hành vi đúng.

- **Cách thức thực hiện:** HS thực hiện dự án truyền thông “Hãy là người tiêu dùng có văn hóa”, thảo luận nhóm về các biểu hiện tiêu dùng không có văn hóa và đề xuất biện pháp cải thiện, đặt câu hỏi gợi mở về vai trò văn hóa trong tiêu dùng. Hoặc giáo viên cho học sinh xem các video về hành vi tiêu dùng tự phát của giới trẻ (Baby ther). Từ đó nhấn mạnh để học sinh hiểu được vai trò của việc tiêu dùng hợp lý.

c) Sản phẩm.

Bước đầu có ý thức tiêu dùng phù hợp, biết xây dựng văn hóa tiêu dùng cho bản thân và gia đình

d) Tổ chức thực hiện

Chuyên giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết chỉ ra được ý nghĩa to lớn của thông điệp Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Gv bố trí thời gian để các hs có thời gian chia sẻ, trải nghiệm
- Hoặc gv yêu cầu hs chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các hs khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của việc xây dựng văn hóa tiêu dùng.

Câu 2: Em hãy viết bài giới thiệu nét đẹp một hành vi tiêu dùng có văn hoá của người Việt và chia sẻ với thầy cô, bạn bè.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học vào thực tiễn với không gian mới, tình huống mới

b) Nội dung. HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

c) Sản phẩm.

Bước đầu có ý thức chuẩn bị nghề nghiệp cũng như từng bước xây dựng đạo đức kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân tại nhà, suy nghĩ và hoàn thành bài viết theo yêu cầu.

Bài viết là những người có thật, việc thật và có những việc làm cụ thể thể hiện văn hóa tiêu dùng. Qua bài viết cần rút ra cho bản thân những bài học kinh nghiệm về văn hóa tiêu dùng

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh có thời gian chia sẻ, trải nghiệm
- Hoặc gv yêu cầu hs chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các hs khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn về vai trò của việc xây dựng văn hóa tiêu dùng.

TIẾT 35

BÀI ÔN TẬP CUỐI KỲ 1

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

1. Về mục tiêu:

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.
- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá các hiện tượng kinh tế, các hoạt động kinh tế của bản thân, của người khác,
- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

2. Năng lực cần hướng tới :

- Năng lực chung:

- + *Tự chủ và tự học:* bổ sung kịp thời các kiến thức cơ bản phục vụ việc kiểm tra đánh giá. Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra
- + *Giao tiếp và hợp tác* trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.
- + *Giải quyết vấn đề* và sáng tạo thông qua việc chủ động xây dựng những kế hoạch ôn tập hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

- Năng lực đặc thù:

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

3. Phẩm chất:

Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao

Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường

Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường

Bài 3: Lạm phát

Bài 4: Thất nghiệp

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm

Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh

Bài 7: Đạo đức kinh doanh

Bài 8: Văn hoá tiêu dùng

III. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

1. Củng cố kiến thức cơ bản

- Giáo viên củng cố lại các kiến thức cơ bản của từng bài dưới dạng sơ đồ tư duy

- Khắc sâu những kiến thức cần nhớ để ôn tập và kiểm tra

2. Luyện tập một số dạng câu hỏi ôn tập

- Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu hỏi tình huống

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhớ lại những kiến thức cơ bản đã học trong nửa đầu học kỳ 1

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Em hãy nhắc lại những kiến thức cơ bản từ bài 1 đến bài số 8

d. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “nhanh tay nhanh mắt”

Luật chơi:

- Chia lớp thành 2 nhóm: Nhóm A và B. Trong vòng 5 phút các em lần lượt lên bảng những đơn vị kiến thức mà mình đã được học

- Đại diện nhóm lên trình bày những sản phẩm mà nhóm mình tìm được.

Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiến hành chia nhóm, phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm

- Các thành viên tham gia làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Báo cáo và thảo luận

- Các học sinh trong nhóm lần lượt lên trình bày

- Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời.

Kết luận, nhận định

Gv nhận xét, đánh giá, về mặt nhận thức của học sinh đối với các đơn vị kiến thức đã học trong học kỳ 1

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy củng cố lại các đơn vị kiến thức đã học

a. Mục tiêu:

HS củng cố lại được các đơn vị kiến thức đã học trong các bài 1 đến bài 8

b. Nội dung:

- GV cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm sẽ tiến hành vẽ sơ đồ tư duy cho 1 bài
- Học sinh làm việc theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh chỉ ra được những đơn vị kiến thức cơ bản của từng bài để củng cố bài học

d. Tổ chức thực hiện:**Giao nhiệm vụ học tập**

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh chuẩn bị trước tại nhà theo các nhóm
 - Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường
 - Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường
 - Bài 3: Lạm phát
 - Bài 4: Thất nghiệp
 - Bài 5: Thị trường lao động và việc làm
 - Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh
 - Bài 7: Đạo đức kinh doanh
 - Bài 8: Văn hoá tiêu dùng

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc thông tin, làm việc theo nhóm, các nhóm trình bày ra tờ giấy A0 để chuẩn bị trình bày vào tiết sau
- Khuyến khích các cách trình bày sáng tạo và độc đáo

Báo cáo và thảo luận

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm trả lời kết quả làm việc của nhóm mình.
- Giáo viên đánh giá kết quả của từng nhóm

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

Giới thiệu một số sơ đồ tư duy để tham khảo

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Luyện tập câu hỏi trắc nghiệm và tình huống**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức vào làm bài tập cụ thể
- Giải quyết các tình huống diễn ra trong thực tiễn

b. Nội dung:

GV cho học sinh làm việc cá nhân, các học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

Học sinh trả lời được câu hỏi, biết vận dụng các kiến thức để có thể giải quyết các tình huống trong thực tiễn

d. Tổ chức thực hiện:**Giao nhiệm vụ học tập:**

Giáo viên yêu cầu học sinh làm một số bài tập dưới đây

Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc câu hỏi, ghi kết quả làm bài vào vở
- Trao đổi thảo luận với các bạn xung quang về kết quả làm bài của mình

Báo cáo và thảo luận

Giáo viên yêu cầu các học sinh trả lời kết quả làm bài của mình.

Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....

3. Hoạt động 3: Định hướng làm bài kiểm tra định kỳ

a. Mục tiêu bài kiểm tra: Học sinh bước đầu hình dung được yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ của bài kiểm tra định kỳ. Có kế hoạch ôn tập để làm bài kiểm tra hiệu quả

b. Nội dung kiểm tra

- Phổ biến nội dung kiểm tra
- Hình thức kiểm tra
- Thời gian kiểm tra

- Biểu điểm và các quy định đối với bài kiểm tra

c. Giới hạn kiểm tra:

Kiến thức cơ bản

- Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường
- Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường
- Bài 3: Lạm phát
- Bài 4: Thất nghiệp
- Bài 5: Thị trường lao động và việc làm
- Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh
- Bài 7: Đạo đức kinh doanh
- Bài 8: Văn hoá tiêu dùng

TIẾT 36

BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.

a. Kiến thức

- Nhằm củng cố lại những kiến thức HS đạt được trong các bài ở trong học kỳ I lớp 11; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình
- Giúp GV nắm được tình hình học tập của lớp mình, trên cơ sở đó đánh giá đúng quá trình dạy học, từ đó có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp để không ngừng nâng cao hiệu quả về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

c. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những hiện tượng, các hoạt động của nền kinh tế đang diễn ra xung quanh mình, nhận thức đúng và có những hành vi đúng đắn, phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế đó
- *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân, có những suy nghĩ và định hướng về nghề nghiệp của bản thân sau khi ra trường, biết điều chỉnh bản thân mình để bước đầu trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế sau này

b. Phẩm chất

- *Trung thực:* Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra giữa kỳ để đạt kết quả cao
- *Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.
- *Chăm chỉ:* Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra

II. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau:

- Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường
- Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường
- Bài 3: Lạm phát
- Bài 4: Thất nghiệp
- Bài 5: Thị trường lao động và việc làm
- Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh
- Bài 7: Đạo đức kinh doanh
- Bài 8: Văn hoá tiêu dùng

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Kiểm tra tập trung tại lớp
- Kiểm tra theo hình thức: Trắc nghiệm kết hợp với tự luận theo định dạng đề tốt
- Kiểm tra theo ma trận và đặc tả
- Số lượng đề kiểm tra: 2 đề (đề 1 và đề 2)

IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I

MA TRẬN THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL

TT	Chủ đề	Bài	Năng lực đặc thù môn GDKT&PL									Tổng lệnh hỏi
			Điều chỉnh hành vi			Phát triển bản thân			Tìm hiểu và tham gia			
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			
			Biết t	Hiể u	Vậ n	Biết t	Hiể u	Vậ n	Biết t	Hiể u	Vậ n	
1	Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường Lạm phát, thất nghiệp	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	1						1			2
2		Bài 2: Cung - cầu trong kinh tế thị trường	1	1							2	4
3		Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường	2							1		3
4		Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	3	1					1		1	6
5	Thị trường lao động, việc làm Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh Đạo đức kinh doanh Văn hoá tiêu dùng	Bài 5:Thị trường lao động, việc làm	2					1				3
6		Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	2									2
7		Bài 7: Đạo đức kinh doanh	3			1	1	1				6
		Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	2			1	1					4
8	Tổng lệnh hỏi		16	2	0	2	2	2	2	1	3	30

**BẢN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
THEO CÁC NĂNG LỰC NHẬN THỨC CỦA MÔN GDKT&PL**

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm cạnh tranh	1	0	1
			Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh - Phân tích được: Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.	0	0	0

			Vận dụng: - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. - Phân tích được những biểu hiện tích cực và tiêu cực hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	0	0	0
2		Bài 2: Cung - cầu trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm cung, cầu	1	0	0
			Thông hiểu: - Trình bày được: Các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu. - Phân tích được: Mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế.	1	0	0
			Vận dụng: - Phê phán những biểu hiện vận dụng không đúng quan hệ cung cầu trong nền kinh tế - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	0	0	2
3	Lạm phát, thất nghiệp	Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm lạm phát, các loại hình lạm phát và thất nghiệp. – Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát	2	0	0
			Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. – Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát	0	0	1
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát.	0	0	0
4		Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm thất nghiệp. Các loại hình thất nghiệp. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.	3	0	1
			Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.	1	0	0
			Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.	0	0	1

			- Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.			
5	Thị trường lao động, việc làm	Thị trường lao động, việc làm	Thông hiểu: - Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động và thị trường việc làm. - Xác định được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.	2	0	0
			Vận dụng: - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động và việc làm của thị trường	0	0	0
			Vận dụng cao: Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.	0	1	0
6	Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được: Ý tưởng kinh doanh là gì. Cơ hội kinh doanh là gì - Xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.	2	0	0
			Thông hiểu: - Giải thích được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định các cơ hội kinh doanh	0	0	0
			Vận dụng: - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.	0	0	0
7	Đạo đức kinh doanh Văn hoá tiêu dùng Đạo đức kinh doanh	Bài 7: Đạo đức kinh doanh Bài 8: Văn hoá tiêu dùng Bài 7: Đạo đức kinh doanh	Nhận biết: Nêu được: Quan niệm về đạo đức kinh doanh. Vai trò của đạo đức kinh doanh.	3	1	0
			Thông hiểu: - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.	0	1	0
			Vận dụng: - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.	0	1	0

8	Văn hoá tiêu dùng	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	Nhận biết: - Nêu được: Vai trò của văn hoá tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế - Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.	2	1	0
			Thông hiểu: - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam - Trình bày được các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.	0	1	0
			Vận dụng: - Phê phán được những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng. - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. - Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.	0	0	0
9	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			18	6	6

MA TRẬN THEO CẤP ĐỘ NHẬN THỨC

T T	Chủ đề	Bài	Các mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường	Bài 1: Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	1	1	1
2		Bài 2: Cung - cầu trong kinh tế thị trường	1	1	2
3	Lạm phát, thất nghiệp	Bài 3: Lạm phát trong kinh tế thị trường	2	1	
4		Bài 4: Thất nghiệp trong kinh tế thị trường	3	1	
5	Thị trường lao động, việc làm	Bài 5: Thị trường lao động, việc làm	2	1	0
6	Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	2	2	1
7	Đạo đức kinh doanh	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	3	1	
8	Văn hoá tiêu dùng	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	2	1	1
9	Tổng	Lệnh hỏi/câu	16	9	5

BẢN ĐẶC TẢ THEO CẤP ĐỘ NHẬN THỨC

T T	Chủ đề	Bài	Các mức độ nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm cạnh tranh Thông hiểu: - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh - Phân tích được: Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế. Vận dụng: - Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh. - Phân tích được những biểu hiện tích cực và tiêu cực hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	1	1	1
2		Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm cung, cầu Thông hiểu: - Trình bày được: Các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu. - Phân tích được: Mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế. Vận dụng: - Phê phán những biểu hiện vận dụng không đúng quan hệ cung cầu trong nền kinh tế - Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.	1	1	2
3		Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm lạm phát, các loại hình lạm phát và thất nghiệp. - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát. - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiềm chế lạm phát.	2	1	
4		Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm thất nghiệp. Các loại hình thất nghiệp.	3	1	

		- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. Thông hiểu: - Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội. - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp. Vận dụng: - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp. - Phân tích được ý nghĩa kinh tế cũng như xã hội của việc ban hành các chính sách vĩ mô nhằm kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.			
5	Thị trường lao động, việc làm	Nhận biết: - Nêu được: Khái niệm lao động. Khái niệm thị trường lao động. Khái niệm việc làm, khái niệm thị trường việc làm. Thông hiểu: - Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động và thị trường việc làm. - Xác định được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm. Vận dụng: - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động và việc làm của thị trường Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.	2	1	0
6	Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Nhận biết: - Nêu được: Ý tưởng kinh doanh là gì. Cơ hội kinh doanh là gì - Xác định được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh. Thông hiểu: - Giải thích được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh. - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định các cơ hội kinh doanh Vận dụng: - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. - Đánh giá các cơ hội kinh doanh. - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.	2	2	1
7	Đạo đức kinh doanh	Nhận biết:	3	1	

		Nêu được: Quan niệm về đạo đức kinh doanh. Vai trò của đạo đức kinh doanh. Thông hiểu: - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh. Vận dụng: - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh. - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh. Nhận biết: - Nêu được: Vai trò của văn hoá tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế - Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.			
8	Văn hoá tiêu dùng	Thông hiểu: - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam - Trình bày được các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. Vận dụng: - Phê phán được những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng. - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. - Tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.	2	1	1
9	Tổng	Lệnh hỏi/câu	16	9	5

ĐỀ SỐ 01

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

- A. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. B. Kiểm soát tăng trưởng kinh tế.
C. Thu lợi nhuận cho người kinh doanh. D. Hạn chế sử dụng nhiên liệu.

Câu 2: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ tăng điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa thay đổi theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung giảm xuống. B. Cung tăng lên. C. Cung không đổi. D. Cung bằng cầu.

Câu 3: Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở một con số hàng năm từ 0% đến dưới 10% khi đó nền kinh tế có mức độ

- A. lạm phát vừa phải. B. lạm phát phi mã. C. siêu lạm phát. D. lạm phát tuyệt đối.

Câu 4: Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là do

- A. chi phí sản xuất tăng cao. B. chi phí sản xuất giảm sâu.
C. các yếu tố đầu vào giảm. D. chi phí sản xuất không đổi.

Câu 5: Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang rơi vào trạng thái

- A. trưởng thành. B. phát triển. C. thất nghiệp. D. tự tin.

Câu 6: Loại hình thất nghiệp gắn với từng giai đoạn trong chu kỳ kinh tế được gọi là

- A. thất nghiệp tự nguyện. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tự nhiên. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 7: Nguyên nhân chủ quan nào dưới đây dẫn đến người lao động rơi vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa.
- C. Bị kỷ luật do vi phạm hợp đồng.

- B. Mất cân đối cung cầu lao động.
- D. Nền kinh tế rơi vào khủng hoảng.

Câu 8: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm

- A. thị trường lao động.
 - C. thị trường tiền tệ.
- B. thị trường tài chính.
 - D. thị trường công nghệ

Câu 9: Đối với người lao động, khi tham gia vào thị trường việc làm nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Tăng thu nhập cá nhân.
 - C. Tuyển được nhiều lao động mới.
- B. Tìm kiếm việc làm cho mình.
 - D. Hưởng phí trung gian môi giới.

Câu 10: Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
 - C. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.
- B. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
 - D. Khó khăn của chủ thể sản xuất.

Câu 11: Năng lực lãnh đạo của mỗi chủ thể kinh doanh được thể hiện thông qua hoạt động nào sau đây?

- A. Tích cực nâng cao trình độ.
 - C. Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.
- B. Xây dựng chiến lược sản xuất.
 - D. Tổ chức các phòng ban công ty.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng vai trò của đạo đức kinh doanh?

- A. Điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo hướng tiêu cực.
- B. Làm mất lòng tin của khách hàng đối với doanh nghiệp.
- C. Hạn chế sự hợp tác và đầu tư giữa các chủ thể kinh doanh.
- D. Thúc đẩy sự phát triển vững mạnh của kinh tế quốc gia.

Câu 13: Khi nói về đạo đức kinh doanh của một chủ thể nào đó, người ta **không** đề cập đến phẩm chất nào dưới đây?

- A. Cần cù.
- B. Trách nhiệm.
- C. Trung thực.
- D. Lừa đảo.

Câu 14: Đối với các chủ thể sản xuất kinh doanh, việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp và xã hội là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức kinh doanh nào dưới đây?

- A. Trung thực.
- B. Trách nhiệm.
- C. Có nguyên tắc.
- D. Gắn kết các lợi ích.

Câu 15: Khẳng định nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của tiêu dùng?

- A. Tiêu dùng là đầu ra của sản xuất và kinh doanh
- B. Tiêu dùng góp phần định hướng cho hoạt động sản xuất.
- C. Tiêu dùng tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- D. Tiêu dùng làm giảm tích lũy của cải của nền kinh tế.

Câu 16: Người tiêu dùng biết cân nhắc, lựa chọn hàng hoá, dịch vụ; chi tiêu có kế hoạch, phù hợp với nhu cầu bản thân là thể hiện đặc điểm nào trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

- A. Tính kế thừa.
- B. Tính giá trị.
- C. Tính thời đại
- D. Tính hợp lý.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Công ty do anh D làm giám đốc chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Trong những năm gần đây do sự tác động của khủng hoảng kinh tế, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm giảm mạnh. Trước tình hình đó, anh D cùng ban lãnh đạo công ty nhanh chóng đưa ra các giải pháp như: tìm kiếm thêm nguồn vải có hoạ tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 17: Yếu tố nào dưới đây đã t/động đến những thay đổi của cty như ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sp, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao nhằm ổn định tình hình sx?

- A. Cung.
- B. Lao động.
- C. Cạnh tranh.
- D. Việc làm.

Câu 18: Người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu do sự tác động của khủng hoảng kinh tế là thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong văn hóa tiêu dùng của người Việt?

- A. Tính kế thừa.
- B. Tính giá trị.
- C. Tính thời đại
- D. Tính hợp lý.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập bình quân của người dân tăng lên. Điều này làm cho cầu tiêu dùng hh, dv thông thường của họ cũng tăng lên. Tuy nhiên, khi các hoạt động ktế gặp khó khăn do tác động của

thiên tai và sự bất ổn của thị trường thế giới, nền kinh tế rơi vào suy thoái. Hệ quả là nhiều người mất việc làm, mức thu nhập trung bình giảm xuống. Trong bối cảnh đó, người tiêu dùng phải cân nhắc hơn trước khi mua các hh, dv.
Câu 19: Người tiêu dùng cân nhắc việc chi tiêu dựa trên mức thu nhập thực tế của bản thân mình là phù hợp đặc điểm nào dưới đây trong văn hóa tiêu dùng của người Việt?

- A. Tính kế thừa. B. Tính giá trị. C. Tính thời đại. D. Tính hợp lý.

Câu 20: Thông tin trên đề cập đến yếu tố nào dưới đây tác động trực tiếp tới cầu về hàng hóa của người tiêu dùng?

- A. Giá cả. B. Thu nhập.
C. Xu hướng tiêu dùng. D. Hành vi tiêu dùng.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP ngày 29/8/2024 về việc giảm lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước có hiệu lực, các doanh nghiệp phân phối ô tô đã đưa ra nhiều gói ưu đãi nhằm hướng tới người tiêu dùng. Doanh nghiệp P xây dựng chương trình giảm 50% lệ phí trước bạ đồng thời hỗ trợ toàn bộ chi phí đăng kiểm. Doanh nghiệp H hướng tới khách hàng với gói ưu đãi giảm 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Bên cạnh đó các doanh nghiệp còn chú trọng tới các hoạt động cộng đồng như doanh nghiệp D thông báo sẽ trích 10% lợi nhuận bán được với mỗi chiếc xe để ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3, còn doanh nghiệp H phát động toàn thể cán bộ nhân viên công ty nhận xây dựng một ngôi nhà kiên cố cho người dân nghèo nhằm hưởng ứng phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát của chính phủ. Các hoạt động này vừa góp phần giúp doanh nghiệp tăng doanh số bán hàng vừa thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Câu 21: Nội dung nào dưới đây không thể hiện ý tưởng kinh doanh của các doanh nghiệp?

- A. Hỗ trợ chi phí đăng kiểm. B. Miễn phí 100% phí trước bạ.
C. Trích 10% lợi nhuận làm từ thiện. D. Giảm 20 triệu đồng xe nhập khẩu.

Câu 22: Các doanh nghiệp D và H cùng đưa ra các chính sách khuyến mại hấp dẫn để thu hút khách hàng phù hợp với hiện tượng nào dưới đây trong nền kinh tế thị trường?

- A. Lạm phát. B. Thất nghiệp. C. Cạnh tranh. D. Khủng hoảng.

Câu 23: Từ sự hỗ trợ của chính phủ và các chính sách khuyến mại của các doanh nghiệp, dự báo mối quan hệ cung cầu về ô tô trong nước giai đoạn cuối năm 2024 sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm, cầu tăng.
C. Cung và cầu đều tăng. D. Cung và cầu đều giảm.

Câu 24: Với cơ chế hỗ trợ về thuế của chính phủ, cung về mặt hàng ô tô trong nước dự báo sẽ

- A. giảm. B. tăng. C. cân bằng. D. khủng hoảng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Do tác động của đại dịch, hàng hóa sản xuất ra không bán được, nhiều công ty phải quyết định thu hẹp sản xuất và cắt giảm lao động. Vợ chồng anh D và chị H làm công nhân may tại công ty X được 7 năm, do anh D không có năng lực chuyên môn nên công ty chấm dứt hợp đồng theo quy định. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, dù đã nhiều lần tham gia các phiên giao dịch việc làm nhưng hồ sơ của anh vẫn không đáp ứng được nhu cầu của một số công ty. Được sự động viên của chị H, anh D quyết định mở một xưởng chuyên về may khẩu trang xuất khẩu. Với khoản vay 200 triệu đồng của Ngân hàng chính sách xã hội, từ kinh nghiệm nhiều năm trong nghề may, đặc biệt là anh D đã mời được một số đồng nghiệp cùng nghỉ việc với mình về làm cho xưởng nên ngay từ ngày đầu thành lập, xưởng may của anh D đã đi vào hoạt động tốt, bước đầu giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Thấy xưởng may hoạt động hiệu quả, chị H cũng đã nghỉ làm tại công ty về hỗ trợ anh. Sản phẩm do anh D tạo ra có chất lượng tốt đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Anh D không chỉ thực hiện đầy đủ các cam kết về nộp thuế mà còn rất chú trọng tới việc chăm lo lợi ích cho người lao động thông qua các chế độ phúc lợi nên nhân viên rất yên tâm làm việc và gắn bó với công việc.

- a) Anh D là người đang trong tình trạng thất nghiệp, chị H là người có việc làm.
b) Đại dịch đã tác động to lớn tới TT việc làm trong nước, tuy nhiên thị trường lao động không bị ảnh hưởng.
c) Ý tưởng kd của anh D được xd dựa trên lợi thế nội tại đó là kinh nghiệm nhiều năm trong nghề của hai vợ chồng.
d) Thực hiện đúng cam kết trả nợ và nộp thuế đầy đủ là phù hợp với đạo đức kinh doanh của chủ doanh nghiệp.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi

Công ty X do chị H làm giám đốc chuyên kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng. Kể từ ngày thành lập, chị H không ngừng lao động sáng tạo, xây dựng công ty lớn mạnh, tạo ra nhiều công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người lao động và đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ môi trường. Trong kinh doanh, chị H luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng. Chị còn giáo dục nhân viên của mình thái độ phục vụ khách hàng tận tình, trách nhiệm. Khi thị trường bán lẻ gặp khó khăn, chị H vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm, chế độ tiền lương cho người lao động trong công ty và tích cực tìm các giải pháp khắc phục. Nhờ đó, người lao động trong công ty của chị luôn nỗ lực hết mình, giữ gìn lễ lối, tác phong trong công việc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng chính phủ, công ty đã đóng góp hàng chục tỷ đồng tham gia phong trào xóa nhà tạm cho người dân nghèo năm 2025.

a) Thông tin trên đề cập đến những biểu hiện nào của đạo đức kinh doanh của chủ doanh nghiệp?

b) Việc thực hiện tốt đạo đức trong kinh doanh là thể hiện năng lực nào của chủ thể kinh doanh?

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi

Thị trường hàng hóa thế giới năm 2023 có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội thế giới. Ở Việt Nam, lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 là 4,16% cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới ở mức cao, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc sản xuất cầm chừng. Số lượng lao động mất việc, nghỉ việc ngày càng tăng. Trước tình hình đó chính quyền tỉnh H bên cạnh việc ổn định thị trường đã thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ để người lao động có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tự tạo việc làm. Thường xuyên tổ chức các buổi giao dịch việc làm giúp người lao động và doanh nghiệp có thể tìm được tiếng nói chung, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công quá đó góp phần tạo việc làm ổn định đời sống nhân dân.

Nhận xét về tình hình lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023 và chỉ ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng lạm phát ở Việt Nam năm 2023

ĐỀ SỐ 02

PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân của sự giàu nghèo.

B. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

C. nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

D. tính chất của cạnh tranh.

Câu 2: Trong nền kinh tế thị trường, khi các chủ thể sản xuất dự báo được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời gian tới sẽ giảm điều này sẽ tác động tới cung hàng hóa như thế nào?

A. Cung giảm xuống.

B. Cung tăng lên.

C. Cung không đổi.

D. Cung bằng cầu.

Câu 3: Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát tượng trưng.

Câu 4: Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

A. các yếu tố đầu vào.

B. các yếu tố đầu ra.

C. cung tăng quá nhanh.

D. cầu giảm quá nhanh.

Câu 5: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Cơ chế tinh giảm lao động.

B. Thiếu kỹ năng làm việc.

C. Không hài lòng với công việc.

D. Do vi phạm hợp đồng lao động.

Câu 6: Tình trạng tồn tại một bộ phận lực lượng lao động muốn làm việc nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Lực lượng lao động.

B. Thiếu việc làm.

C. Có việc làm.

D. Thất nghiệp

Câu 7: Việc người lao động đang trong quá trình chuyển việc nên chưa có việc làm được gọi là

A. thất nghiệp tạm thời

B. thất nghiệp chu kỳ

C. thất nghiệp cơ cấu.

D. thất nghiệp cơ cấu.

Câu 8: Khi tham gia vào thị trường lao động, việc ký kết hợp đồng mua bán sức lao động giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động được thực hiện theo nguyên tắc nào dưới đây?

A. Tự nguyện.

B. Cường chế.

C. Cường bức.

D. Tự giác.

Câu 9: Một trong những nhiệm vụ của việc xây dựng và phát triển thị trường việc làm ở nước ta là nhằm

A. giảm tỷ lệ thất nghiệp.

B. chia đều của cải xã hội.

C. san bằng thu nhập cá nhân.

D. chia đều lợi nhuận thường niên.

Câu 10: Yếu tố nào dưới đây **không** thể hiện cho một cơ hội kinh doanh tốt?

A. Hấp dẫn.

B. Ổn định.

C. Đúng thời điểm.

D. Lỗi thời.

Câu 11: Năng lực lãnh đạo của mỗi chủ thể kinh doanh được thể hiện thông qua hoạt động nào sau đây?

A. nắm bắt kiến thức sản xuất.

B. nắm bắt cơ hội kinh doanh.

C. Tổ chức nhân sự, hành chính.

D. Bổ sung kiến thức chuyên ngành.

Câu 12: Đạo đức kinh doanh của các doanh nghiệp đối với xã hội được biểu hiện thông qua thực hiện việc làm nào dưới đây?

A. Tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện.

B. Đổi mới quản lý sản xuất để tăng hiệu quả.

C. Hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với đối thủ.

D. Giữ chữ tín, chất lượng sản phẩm với khách hàng

Câu 13: Khi nói về đạo đức kd của một chủ thể nào đó, người ta **không** đề cập đến phẩm chất nào dưới đây?

A. Công bằng.

B. Liêm chính.

C. Nguyên tắc.

D. Vụ lợi.

Câu 14: Trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ doanh nghiệp luôn luôn thực hiện tốt việc tuân thủ pháp luật là biểu hiện của phẩm chất đạo đức nào dưới đây?

A. Cần cù.

B. Gắn kết.

C. Trách nhiệm.

D. Hợp tác.

Câu 15: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế?

A. Khiến cho sản xuất hàng hóa ngày càng đơn điệu về mẫu mã, chung loại.

B. Định hướng hoạt động sản xuất; thúc đẩy sản xuất hàng hóa ngày càng đa dạng.

C. Thỏa mãn nhu cầu của người sản xuất, mang lại lợi nhuận cho người tiêu dùng.

D. Là yếu tố đầu vào của sản xuất, kích thích sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Câu 16: Văn hoá tiêu dùng Việt Nam hướng tới giá trị tốt đẹp, chân, thiện, mỹ là thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

A. Tính kế thừa.

B. Tính giá trị.

C. Tính thời đại.

D. Tính hợp lý.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 17,18

Công ty do anh D làm giám đốc chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Trong những năm gần đây do sự tác động của khủng hoảng kinh tế, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm giảm mạnh. Trước tình hình đó, anh D cùng ban lãnh đạo công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp như: tìm kiếm thêm nguồn vải có họa tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Câu 17: Hành vi thắt chặt chi tiêu trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế thể hiện thể hiện đặc điểm nào dưới đây trong văn hóa tiêu dùng của người Việt?

A. Tính kế thừa.

B. Tính giá trị.

C. Tính thời đại

D. Tính hợp lý.

Câu 18: Công ty chủ động ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao nhằm ổn định tình hình sản xuất là thể hiện vai trò của

A. lao động.

B. thị trường.

C. cạnh tranh.

D. việc làm.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 19,20

Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập bình quân của người dân tăng lên. Điều này làm cho cầu tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ thông thường của họ cũng tăng lên. Tuy nhiên, khi các hoạt động kinh tế gặp khó khăn do tác động của thiên tai và sự bất ổn của thị trường thế giới, nền kinh tế rơi vào suy thoái. Hệ quả là nhiều người mất việc làm, mức thu nhập trung bình giảm xuống. Trong bối cảnh đó, người tiêu dùng phải cân nhắc hơn trước khi mua các hàng hoá, dịch vụ.

Câu 19: Cầu về hàng hóa của người tiêu dùng trong thông tin trên bị tác động trực tiếp bởi yếu tố nào dưới đây?

- A. Giá cả. B. Việc làm. C. Cạnh tranh. D. Thu nhập.

Câu 20: Người tiêu dùng căn cứ vào đặc điểm nào dưới đây trong văn hóa tiêu dùng của người Việt để điều chỉnh hành vi tiêu dùng của bản thân?

- A. Tính kế thừa. B. Tính hợp lý. C. Tính thời đại. D. Tính giá trị.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 21,22,23,24

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP ngày 29/8/2024 về việc giảm lệ phí trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước có hiệu lực, các doanh nghiệp phân phối ô tô đã đưa ra nhiều gói ưu đãi nhằm hướng tới người tiêu dùng. Doanh nghiệp P xây dựng chương trình giảm 50% lệ phí trước bạ đồng thời hỗ trợ toàn bộ chi phí đăng kiểm. Doanh nghiệp H hướng tới khách hàng với gói ưu đãi giảm 100% lệ phí trước bạ với khách hàng mua các dòng xe nhập khẩu và áp dụng mức ưu đãi 20 triệu đồng cho tất cả các phiên bản của mẫu xe nhập khẩu. Bên cạnh đó các doanh nghiệp còn chú trọng tới các hoạt động cộng đồng như doanh nghiệp D thông báo sẽ trích 10% lợi nhuận bán được với mỗi chiếc xe để ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3, còn doanh nghiệp H phát động toàn thể cán bộ nhân viên công ty nhận xây dựng một ngôi nhà kiên cố cho người dân nghèo nhằm hưởng ứng phong trào xóa nhà tạm, nhà dột nát của chính phủ. Các hoạt động này vừa góp phần giúp doanh nghiệp tăng doanh số bán hàng vừa thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Câu 21: Từ sự hỗ trợ của chính phủ và các chính sách khuyến mại của các doanh nghiệp, dự báo mối quan hệ cung cấp về ô tô trong nước giai đoạn cuối năm 2024 sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

- A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm, cầu tăng.
C. Cung và cầu đều tăng. D. Cung và cầu đều giảm.

Câu 22: Những việc làm của các doanh nghiệp sau khi Nghị định số 109/2024 của chính phủ có hiệu lực sẽ khiến cho cầu về ô tô có xu hướng

- A. giảm. B. tăng. C. cân bằng. D. khủng hoảng.

Câu 23: Các doanh nghiệp P và H cùng đưa ra các chính sách khuyến mại hấp dẫn để thu hút khách hàng phù hợp với hiện tượng nào dưới đây trong nền kinh tế thị trường?

- A. Lạm phát. B. Thất nghiệp. C. Khủng hoảng. D. Cạnh tranh.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây không thể hiện ý tưởng kinh doanh của các doanh nghiệp?

- A. Hỗ trợ chi phí đăng kiểm. B. Miễn phí 100% phí trước bạ.
C. Trích 10% lợi nhuận làm từ thiện. D. Giảm 20 triệu đồng xe nhập khẩu.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Do tác động của đại dịch, hàng hóa sản xuất ra không bán được, nhiều công ty phải quyết định thu hẹp sản xuất và cắt giảm lao động. Vợ chồng anh D và chị H làm công nhân may tại công ty X được 7 năm, do anh D không có năng lực chuyên môn nên công ty chấm dứt hợp đồng theo quy định. Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, dù đã nhiều lần tham gia các phiên giao dịch việc làm nhưng hồ sơ của anh vẫn không đáp ứng được nhu cầu của một số công ty. Được sự động viên của chị H, anh D quyết định mở một xưởng chuyên về may khẩu trang xuất khẩu. Với khoản vay 200 triệu đồng của Ngân hàng chính sách xã hội, từ kinh nghiệm nhiều năm trong nghề may, đặc biệt là anh D đã mời được một số đồng nghiệp cùng nghỉ việc với mình về làm cho xưởng nên ngay từ ngày đầu thành lập, xưởng may của anh D đã đi vào hoạt động tốt, bước đầu giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Thấy xưởng may hoạt động hiệu quả, chị H cũng đã nghỉ làm tại công ty về hỗ trợ anh. Sản phẩm do anh D tạo ra có chất lượng tốt đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Anh D không chỉ thực hiện đầy đủ các cam kết về nộp thuế mà còn rất chú trọng tới việc chăm lo lợi ích cho người lao động thông qua các chế độ phúc lợi nên nhân viên rất yên tâm làm việc và gắn bó với công việc.

- a) Cả anh D và chị H đều là người đang trong tình trạng thất nghiệp.
b) Đại dịch đã tác động to lớn tới thị trường lao động trong nước, tuy nhiên thị trường việc làm không bị ảnh hưởng.
c) Kinh nghiệm làm công nhân may của hai vợ chồng là nguồn giúp anh D tạo nên ý tưởng kinh doanh cho mình.
d) Chăm lo lợi ích cho người lao động là phù hợp với đạo đức kinh doanh của chủ doanh nghiệp.

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi

Công ty X do chị H làm giám đốc chuyên kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng. Kể từ ngày thành lập, chị H không ngừng lao động sáng tạo, xây dựng công ty lớn mạnh, tạo ra nhiều công ăn việc làm, ổn định đời sống cho người lao động và đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ môi trường. Trong kinh doanh, chị H luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng. Chị còn giáo dục nhân viên của mình thái độ phục vụ khách hàng tận tình, trách nhiệm. Khi thị trường bán lẻ gặp khó khăn, chị H vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm, chế độ tiền lương cho người lao động trong công ty và tích cực tìm các giải pháp khắc phục. Nhờ đó, người lao động trong công ty của chị luôn nỗ lực hết mình, giữ gìn lễ lối, tác phong trong công việc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng chính phủ, công ty đã đóng góp hàng chục tỷ đồng tham gia phong trào xóa nhà tạm cho người dân nghèo năm 2025.

a) Thông tin trên đề cập đến những năng lực cần thiết nào mà mỗi chủ thể kinh doanh cần phải có?

b) Việc xây dựng và rèn luyện các năng lực cần thiết trong kinh doanh có ý nghĩa như thế nào đối với việc thực hiện đạo đức kinh doanh

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi

Thị trường hàng hóa thế giới năm 2023 có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội thế giới. Ở Việt Nam, lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 là 4,16% cao hơn nhiều so với mức bình quân lạm phát cơ bản 5 năm giai đoạn 2018 - 2022 (1,84%). Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới ở mức cao, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc sản xuất cầm chừng. Số lượng lao động mất việc, nghỉ việc ngày càng tăng. Trước tình hình đó chính quyền tỉnh H bên cạnh việc ổn định thị trường đã thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ để người lao động có điều kiện chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tự tạo việc làm. Thường xuyên tổ chức các buổi giao dịch việc làm giúp người lao động và doanh nghiệp có thể tìm được tiếng nói chung, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công quá đó góp phần tạo việc làm ổn định đời sống nhân dân.

Nhận xét về tình hình lạm phát ở Việt Nam năm 2023. Lạm phát đã tác động như thế nào đến tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta năm 2023

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1

ĐỀ SỐ 01

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	13	D
2	B	14	B
3	A	15	D
4	A	16	D
5	C	17	C
6	D	18	D
7	C	19	D
8	A	20	B
9	B	21	C
10	A	22	C
11	B	23	C
12	D	24	B

Phần I:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
-----	----------	--------	---------------

1	a	S	a) Anh D là người đang trong tình trạng thất nghiệp, chị H là người có việc làm. <i>Sai, cả anh D và chị H đều không phải là người thất nghiệp, dù không làm công nhân nhưng cả hai đều có việc làm tạo ra thu nhập hợp pháp.</i>
	b	S	b) Đại dịch đã tác động to lớn tới thị trường việc làm trong nước, tuy nhiên thị trường lao động không bị ảnh hưởng. <i>Sai, đại dịch đã tác động đến cả thị trường lao động và thị trường việc làm.</i>
	c	Đ	c) Ý tưởng kinh doanh của anh D được xây dựng dựa trên lợi thế nội tại đó là kinh nghiệm nhiều năm trong nghề của hai vợ chồng. <i>Đúng, chính kinh nghiệm làm công nhân may của hai vợ chồng đã là căn cứ giúp anh D xây dựng được ý tưởng kinh doanh.</i>
	d	Đ	d) Thực hiện đúng cam kết trả nợ và nộp thuế đầy đủ là phù hợp với đạo đức kd của chủ doanh nghiệp. <i>Đúng, đây là biểu hiện của việc thực hiện tốt đạo đức kinh doanh.</i>

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	a) Thông tin trên đề cập đến các biểu hiện của đạo đức kd của chủ thể kinh doanh gồm: + <i>Trách nhiệm: Chị H Tham gia phong trào xóa nhà tạm cho người dân nghèo năm 2025 là thể hiện trách nhiệm xã hội của chủ thể kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và bảo vệ môi trường thể hiện phẩm chất đạo đức trách nhiệm trong kinh doanh của chị H</i> + <i>Trung thực: chị H luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm và uy tín với khách hàng</i> + <i>Tôn trọng quyền lợi nhân viên: chị H vẫn cố gắng đảm bảo công ăn việc làm, chế độ tiền lương cho người lao động trong công ty và tích cực tìm các giải pháp khắc phục</i> b) Việc thực hiện tốt đạo đức kinh doanh thể hiện năng lực lãnh đạo và quản lý của chủ doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh	2 điểm
Câu 2	Lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023 là lạm phát vừa phải vì dù giai đoạn 2018 – 2022 là 1,84%, năm 2023 là 4,16% tuy nhiên vẫn ở mức hai con số - Nguyên nhân cơ bản của lạm phát năm 2023 là + Do chi phí đẩy: Chi phí đầu vào của các ngành sx tăng cao dẫn đến hiện tượng lạm phát	1 điểm

ĐỀ SỐ 02

Phần I: (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	13	D
2	C	14	C
3	B	15	B
4	A	16	B
5	A	17	D
6	D	18	C
7	A	19	D
8	A	20	B
9	A	21	C
10	D	22	B
11	B	23	D
12	A	24	C

Phần I:

Điểm tối đa của 01 câu là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án	Gợi ý trả lời
1	a	S	a) Cả anh D và chị H đều là người đang trong tình trạng thất nghiệp. <i>Sai, cả anh D và chị H đều không phải là người thất nghiệp, dù không làm công nhân nhưng cả hai đều có việc làm tạo ra thu nhập hợp pháp.</i>
	b	S	b) Đại dịch đã tác động to lớn tới thị trường lao động trong nước, tuy nhiên thị trường việc làm không bị ảnh hưởng. <i>Sai, đại dịch đã tác động đến cả thị trường lao động và thị trường việc làm.</i>
	c	Đ	c) Kinh nghiệm làm công nhân may của hai vợ chồng là nguồn giúp anh D tạo nên ý tưởng kinh doanh cho mình. <i>Đúng, chính kinh nghiệm làm công nhân may của hai vợ chồng đã là căn cứ giúp anh D xây dựng được ý tưởng kinh doanh.</i>
	d	Đ	d) Chăm lo lợi ích cho người lao động là phù hợp với đạo đức kinh doanh của chủ doanh nghiệp. <i>Đúng, đây là biểu hiện của việc thực hiện tốt đạo đức kinh doanh.</i>

PHẦN III. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	a) Thông tin trên đề cập đến những năng lực cần thiết của chủ thể kinh doanh gồm + <i>Năng lực lãnh đạo: Thể hiện ở việc chị H luôn cố gắng nỗ lực, sáng tạo vượt qua khó khăn thách thức để giúp công ty không ngừng phát triển</i> + <i>Năng lực quản lý: Điều hành và giải quyết các vấn đề phát sinh trong công ty</i> + <i>Năng lực chuyên môn: Thể hiện ở việc chị H rất am hiểu kiến thức chuyên môn biết linh hoạt chủ động, sáng tạo trong điều hành</i> b) Việc xây dựng và rèn luyện các năng lực cần thiết trong kinh doanh có ý nghĩa như thế nào đối với việc thực hiện đạo đức kinh doanh + Việc xây dựng và rèn luyện các năng lực cần thiết trong kinh doanh là nhân tố quyết định đến việc hình thành đạo đức kinh doanh	2 điểm
Câu 2	- Lạm phát ở Việt Nam năm 2023 là 4,16% vẫn ở mức hai con số nên vẫn là lạm phát vừa phải - Hậu quả của lạm phát tới nền kinh tế Việt Nam + Đối với kinh tế: lạm phát khiến chi phí đầu vào tăng, doanh nghiệp gặp khó khăn, sức cạnh tranh của hàng hóa bị hạn chế + Đối với xã hội: Lạm phát dẫn đến nhiều lao động bị mất việc làm tạo áp lực lên an sinh xã hội	1 điểm